

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Ngành: Việt Nam học**  
**Mã số: 52 22 01 13**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

**Ngành: Việt Nam học**  
**Mã số: 52 22 01 13**

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-ĐHSG-ĐT  
ngày tháng năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN 1 MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA</b> .....	4
1.1. Mục tiêu chung.....	4
1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra .....	4
1.2.1. Yêu cầu về kiến thức .....	4
1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng.....	4
1.2.3. Yêu cầu về thái độ .....	5
1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp .....	5
1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp .....	5
1.5. Các chương trình đã tham khảo .....	6
1.5.1. Các chương trình trong nước .....	6
1.5.2. Các chương trình nước ngoài.....	6
<b>PHẦN 2 NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b> .....	7
2.1. Khái quát chương trình đào tạo.....	7
2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo.....	7
2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo .....	7
2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp.....	7
2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo .....	8
2.2. Khung chương trình đào tạo.....	9
2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành .....	11
2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ .....	12
2.5. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành.....	14
<b>PHẦN 3 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN</b> .....	15
Cơ sở văn hóa Việt Nam.....	16
Quan hệ công chúng.....	20
Nhập môn Việt Nam học .....	25
Ngôn ngữ và văn hóa, xã hội Việt Nam.....	28
Nhân học ứng dụng .....	33
Tổng quan văn hóa – du lịch Việt Nam.....	39
Đại cương lịch sử Việt Nam.....	42
Văn học - nghệ thuật Việt Nam.....	47
Văn hóa phương đông - phương tây .....	53
Địa lý du lịch Việt Nam .....	58

Pháp luật di sản văn hóa và du lịch .....	62
Kỹ năng soạn thảo văn bản.....	69
Kỹ năng đàm phán.....	74
Kỹ năng thuyết trình - thuyết minh.....	78
Kinh tế du lịch.....	83
Du lịch quốc tế.....	86
Du lịch văn hóa Sài Gòn – TP.HCM.....	90
Phương ngữ và vùng văn hóa Việt Nam.....	97
Tâm lý – giao tiếp du lịch.....	102
Phong tục - tín ngưỡng - tôn giáo Việt Nam.....	106
Văn hóa ẩm thực.....	110
Hệ thống di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam.....	113
Thiết kế và điều hành chương trình du lịch.....	116
Truyền thông đại chúng.....	119
Du lịch tôn giáo - tâm linh Việt Nam.....	123
Du lịch sinh thái.....	126
Marketing du lịch.....	130
Phát triển du lịch bền vững.....	134
Hán - Nôm trong du lịch.....	137
Tuyến điểm du lịch Việt Nam.....	141
Quản trị kinh doanh lễ hành.....	146
Quản trị kinh doanh khách sạn-nhà hàng.....	149
Quản trị các sự kiện văn hóa du lịch.....	152
Tiếng Anh giao tiếp du lịch 1.....	155
Tiếng Anh giao tiếp du lịch 2.....	160
Tiếng Anh giao tiếp du lịch 3.....	165
Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch.....	170
Nghiệp vụ lễ tân - khách sạn.....	174
Nghiệp vụ buồng phòng.....	177
Nghiệp vụ nhà hàng.....	182
Nghiệp vụ pha chế thức uống.....	186
Thực tế chuyên môn 1.....	189

Thực tế chuyên môn 2 .....	192
Thực tế chuyên môn 3 .....	196
Thực tập tốt nghiệp .....	201
Ngoại giao Việt Nam.....	205
Toàn cầu hóa .....	210
Xây dựng kế hoạch kinh doanh.....	216
Văn hoá doanh nghiệp.....	220

## PHẦN 1

### MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo những cử nhân có kiến thức và khả năng hoạt động trong lĩnh vực văn hóa du lịch, công tác trong các cơ quan, đơn vị, tổ chức, công ty về các loại hình văn hóa du lịch trong – ngoài nước.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra

##### 1.2.1. Yêu cầu về kiến thức

- Cung cấp hệ thống tri thức khoa học cơ bản về Địa lý – Lịch sử – Văn hoá – Kinh tế – Đất nước và Con người Việt Nam từ truyền thống đến hiện đại.

- Rèn luyện hệ thống kỹ năng thực hành nghiệp vụ về lĩnh vực du lịch và văn hoá: hướng dẫn du lịch, quản trị lễ hành, khách sạn – nhà hàng, nghiệp vụ buồng - phòng.

- Vận dụng được những kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, địa lí, khoa học công nghệ, luật pháp... trong kinh doanh du lịch và góp phần tích cực vào nghiên cứu, phát triển du lịch một cách bền vững.

##### 1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng

- Hệ thống kỹ năng nghiệp vụ về du lịch:

Sinh viên được rèn luyện những kỹ năng trong việc sử dụng những tri thức về Việt Nam học, văn hoá Việt Nam, những kỹ năng sử dụng tiếng Việt, kỹ năng thực hiện một số hoạt động nghiệp vụ như nghiệp vụ văn phòng, nghiệp vụ báo chí, nghiệp vụ du lịch...

- Hệ thống kỹ năng làm việc:

- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử tâm lý trong môi trường đa văn hoá;
- Kỹ năng tổ chức, làm việc theo nhóm;
- Kỹ năng tổ chức quản lý công việc và thời gian;
- Kỹ năng phân tích, thuyết trình và giải quyết các vấn đề.

- Hệ thống kỹ năng thực hành chuyên ngành:

- Kỹ năng thiết kế, tổ chức và điều hành Tour du lịch;
- Kỹ năng vận dụng kiến thức Địa – Kinh tế – Văn hoá – Lịch sử trong du lịch;
- Kỹ năng chăm sóc dịch vụ khách hàng;
- Kỹ năng vận dụng các quy định pháp luật trong hoạt động văn hóa – du lịch.

### 1.2.3. Yêu cầu về thái độ

- Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước;
- Có ý thức tổ chức kỷ luật cao trong lao động, tôn trọng các quy định của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp;
- Có ý thức cộng đồng, trách nhiệm trong lao động tập thể, nhóm và cá nhân; tác phong công nghiệp, năng động và phát triển sáng tạo;
- Có hiểu biết và quý trọng giá trị lao động, có kinh nghiệm trong hoạt động thực tiễn đời sống xã hội;
- Có tinh thần cầu thị, tiến bộ và học hỏi phát triển bản thân;
- Có sức khỏe tốt, ý thức phục vụ cộng đồng xã hội và đất nước.

### 1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Việc làm trong lĩnh vực văn hoá:
  - Chuyên viên cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa và du lịch;
  - Chuyên viên cơ quan chuyên môn về văn hoá;
  - Nhân viên đơn vị kinh tế kinh doanh trong lĩnh vực văn hoá;
  - Thuyết minh viên, Hướng dẫn viên tại bảo tàng, di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh, ...
- Việc làm trong lĩnh vực du lịch lữ hành – hướng dẫn:
  - Hướng dẫn viên du lịch nội địa và quốc tế các tuyến điểm du lịch
  - Nhân viên thiết kế, tổ chức và điều hành các Tour du lịch trong và ngoài nước
  - Nhân viên Sale & Marketing du lịch
  - Nhân viên tổ chức các sự kiện du lịch, lễ hội văn hoá.
  - Nhân viên điều phối các hoạt động của các hãng lữ hành nội địa và quốc tế.
- Việc làm trong lĩnh vực du lịch khách sạn – nhà hàng:
  - Nhân viên của bộ phận FO (tiếp tân)
  - Nhân viên của bộ phận HK (buồng phòng)
  - Nhân viên của bộ phận F&B (âm thực, tiệc nhà hàng)
  - Nhân viên của Bussiness Center (nghiệp vụ văn phòng cho doanh nhân)
  - Nhân viên của bộ phận Sale & Marketing
  - Nhân viên của bộ phận nhân sự và đào tạo.

### 1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Học tập nâng cao kiến thức hàn lâm, lý luận chuyên sâu:
  - Thạc sĩ các ngành: Việt Nam học; Văn hoá học; Lịch sử; Quan hệ Quốc tế...
  - Thạc sĩ Du lịch học với các chuyên ngành:
    - + Quản trị kinh doanh Khách sạn.

- + Quản trị kinh doanh Nhà hàng và ẩm thực.
- + Quản trị kinh doanh Dịch vụ và Du lịch.
- Học tập nâng cao các kỹ năng thực hành ứng dụng:
  - Lễ tân khách sạn quốc tế;
  - Nhà hàng – bar quốc tế;
  - Tổ chức và điều hành các Tour du lịch lữ hành và sự kiện;
  - Quản lý khách sạn – nhà hàng;
  - Kế toán tài chính khách sạn – nhà hàng.

## **1.5. Các chương trình đã tham khảo**

### **1.5.1. Các chương trình trong nước**

- Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn (Hà Nội & Tp. Hồ Chí Minh)
- Trường Đại học Văn hóa (Hà Nội & TP. Hồ Chí Minh)
- Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
- Trường Đại học Đà Lạt
- Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng
- Trường Đại học Khánh Hòa
- Trường Đại học Cần Thơ
- Trường Đại học An Giang.

### **1.5.2. Các chương trình nước ngoài**

- Trường Đại học Deagu – Hàn Quốc
- Trường Đại học Kyungdong – Hàn Quốc
- Trường Đại học Chulalongkorn – Thái Lan
- Trường Đại học Alicante – Tây Ban Nha

**DUYỆT  
HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

**TRƯỞNG KHOA/NGÀNH**

**PGS.TS. Phạm Hoàng Quân**

**TS. My Giang Sơn**

**TS. Hoàng Thúy Hà**



## PHẦN 2

### NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 2.1. Khái quát chương trình đào tạo

##### 2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo

- Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương
- Thời gian đào tạo: 04 năm

##### 2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ trong chương trình: **170** tín chỉ. Sinh viên phải tích lũy tối thiểu **132** tín chỉ (không kể 03 tín chỉ của môn học Giáo dục thể chất và 08 tín chỉ của môn học Giáo dục quốc phòng - An ninh), trong đó:

- Khối kiến thức chung: **26** tín chỉ (bắt buộc: 26 tín chỉ; tự chọn: 0 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở: **29** tín chỉ (bắt buộc: 23 tín chỉ; tự chọn 6 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngành: **21** tín chỉ (bắt buộc: 15 tín chỉ; tự chọn 6 tín chỉ);
- Khối kiến thức chuyên ngành: **31** tín chỉ (bắt buộc: 26 tín chỉ; 5 tín chỉ)
- Thực tập nghề nghiệp: **15** tín chỉ.
- Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: **10** tín chỉ

##### 2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo theo quy định;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học do Hiệu trưởng quy định;
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh và chứng chỉ Giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao;
- Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

#### **2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo**

- Cần trang bị hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng được nhu cầu đào tạo các học phần nghiệp vụ như nghiệp vụ Nhà hàng, khách sạn; Nghiệp vụ Buồng phòng, Nghiệp vụ pha chế thức uống (Bartender)...

- Tạo điều kiện hỗ trợ về phương tiện vận chuyển đối với các chương trình ngoại khóa của các môn học bên cạnh các học phần Thực tế chuyên môn 1, 2, 3.

## 2.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận				
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung: 26/132 tín chỉ</b>									
1	Những ng/lý cơ bản của CN Mác - Lênin	861001	5	75				75	1	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2	30				30	1	861001
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3	45				45	1	861002
4	Tiếng Anh (I)	866101	2	30				30	1	ĐKS >=50
5	Tiếng Anh (II)	866102	2	30				30	1	866101
6	Tiếng Anh (III)	866103	3	45				45	1	866102
7	Pháp luật đại cương	865006	2	30				30	1	
8	Phương pháp NCKH	868001	2	30				30	1	
9	Cơ sở văn hóa Việt Nam	865002	2	30				30	1	
10	Quan hệ công chúng	835301	3	25		20		45	1	
11	Giáo dục thể chất (I)	862101	1	30				30	1	
12	Giáo dục thể chất (II)	862102	1	30				30	1	862101
13	Giáo dục thể chất (III)	862103	1	30				30	1	862101
14	Giáo dục quốc phòng – An ninh (I)	862106	3	45				45	1	861003
15	Giáo dục quốc phòng – An ninh (II)	862107	2	30				30	1	
16	Giáo dục quốc phòng – An ninh (III)	862108	3	45				45	1	
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở: 29/132 tín chỉ</b>									
	<b>Bắt buộc: 23/29 tín chỉ</b>									
17	Nhập môn Việt Nam học	835025	2	20		10		30	1	
18	Pháp luật Di sản văn hóa và Du lịch	835070	2	30				30	1	
19	Địa lý du lịch Việt Nam	835103	3	25		20		45	1	
20	Tổng quan văn hóa - du lịch Việt Nam	835022	2	20		10		30	1	
21	Nhân học ứng dụng	854005	3	25		20		45	1	
22	Ngôn ngữ và văn hóa, xã hội Việt Nam	835302	3	25		20		45	1	
23	Đại cương lịch sử Việt Nam	835303	2	21		9		30	1	
24	Văn học – Nghệ thuật Việt Nam	835304	3	25		15	5	45	1	
25	Văn hóa Phương Đông - Phương	835305	3	25		20		45	1	

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
	Tây									
<b>Tự chọn: 6/29 tín chỉ</b>										
26	Kỹ năng soạn thảo văn bản	854003	3	30	10	5		45	1	
27	Kinh tế du lịch	835065	3	35		10		45	1	
28	Kỹ năng đàm phán	835306	3	25		20		45	1	
29	Kỹ năng thuyết trình - thuyết minh	835307	3	30	10	5		45	1	
30	Du lịch Quốc tế	835308	3	25		20		45	1	
31	Du lịch văn hóa Sài Gòn - TPHCM	835309	3	20		20	5	45	1	
<b>III Khối kiến thức ngành: 21/132 tín chỉ</b>										
<b>Bắt buộc: 15/21 tín chỉ</b>										
32	Tâm lý – giao tiếp du lịch	835105	3	35		10		45	1	
33	Hệ thống di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam	835310	3	25		20		45	1	835025
34	Phương ngữ và Vùng văn hóa Việt Nam	835311	3	25		20		45	1	
35	Phong tục - Tín ngưỡng - Tôn giáo Việt Nam	835312	3	25		20		45	1	835025
36	Văn hóa ẩm thực	835313	3	30	5	10		45	1	
<b>Tự chọn: 6/21 tín chỉ</b>										
37	Thiết kế và Điều hành chương trình du lịch	835314	3	25		20		45	1	
38	Truyền thông đại chúng	835315	3	35		10		45	1	
39	Du lịch tôn giáo - tâm linh Việt Nam	835316	3	25		15	5	45	1	
40	Du lịch sinh thái	835317	3	25		20		45	1	
<b>IV Khối kiến thức chuyên ngành: 31/132 tín chỉ</b>										
Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành được ghi trong mục 2.3										
<b>V Thực tập: 15/132 tín chỉ</b>										
41	Thực tế chuyên môn 1	835120	1				15	15	1	
42	Thực tế chuyên môn 3	835122	4	15			45	60	1	
43	Thực tập tốt nghiệp	835198	8	15			105	120	1	835122
44	Thực tế chuyên môn 2	835318	2				30	30	1	
<b>VI Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 10/132 tín chỉ</b>										
45	Khóa luận tốt nghiệp	835099	10						1	
46	Toàn cầu hóa	835084	2	30				30	1	
47	Ngoại giao Việt Nam	835319	3	30		15		45	1	

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
48	Xây dựng kế hoạch kinh doanh	835320	3	15	15	15		45	1	
49	Văn hóa doanh nghiệp	835104	2	21		9		30	1	
<b>Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy</b>			<b>132 tín chỉ/ 170 tín chỉ</b>							

### 2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
<b>I</b>	<b>Chuyên ngành : 31/132 tín chỉ</b>									
	<b>Bắt buộc: 26/31 tín chỉ</b>									
1	Marketing du lịch	835106	3	35		10		45	1	
2	Quản trị các sự kiện văn hóa du lịch	835110	2	25		5		30	1	
3	Tiếng Anh giao tiếp du lịch 1	835111	3	45				45	1	
4	Phát triển du lịch bền vững	835029	2	20		10		30	1	
5	Hán - Nôm trong Du lịch	835321	3	30		15		45	1	
6	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	835322	3	35		10		45	1	
7	Quản trị kinh doanh lễ hành	835323	2	20		10		30	1	
8	Quản trị kinh doanh khách sạn, nhà hàng	835324	2	20		10		30	1	
9	Tiếng Anh giao tiếp du lịch 2	835325	3	45				45	1	
10	Tiếng Anh giao tiếp du lịch 3	835326	3	45				45	1	
	<b>Tự chọn: 5/31 tín chỉ</b>									
11	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	835114	5	55			20	75	1	
12	Nghiệp vụ Lễ tân Khách sạn	835115	5	60			15	75	1	
13	Nghiệp vụ Buồng, phòng	835116	5	35			40	75	1	
14	Nghiệp vụ Nhà hàng	835117	5	35			40	75	1	
15	Nghiệp vụ pha chế thức uống (Bartender)	835118	5	55			20	75	1	

## 2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì										
				1	2	3	4	5	6	7	8	9		
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung: 26/132 tín chỉ</b>													
1	Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	861001	5	x	x									
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2		x	x								
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3			x	x							
4	Tiếng Anh I	866101	2		x	x	x							
5	Tiếng Anh II	866102	2			x	x	x						
6	Tiếng Anh III	866103	3				x	x	x					
7	Pháp luật đại cương	865006	2	x	x									
8	Phương pháp NCKH	868001	2					x	x	x				
9	Cơ sở văn hóa Việt Nam	865002	2	x										
10	Quan hệ công chúng	835301	3				x							
11	Giáo dục thể chất (I)	862101	1		x									
12	Giáo dục thể chất (II)	862102	1				x							
13	Giáo dục thể chất (III)	862103	1								x			
14	Giáo dục quốc phòng – An ninh (I)	862106	3										x	
15	Giáo dục quốc phòng – An ninh (II)	862107	2					x						
16	Giáo dục quốc phòng – An ninh (III)	862108	3								x			
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở: 29/132 tín chỉ</b>													
	<b>Bắt buộc: 23/29 tín chỉ</b>													
17	Nhập môn Việt Nam học	835025	2		x									
18	Pháp luật Di sản văn hóa và Du lịch	835070	2			x								
19	Địa lý du lịch Việt Nam	835103	3		x									
20	Tổng quan văn hóa – du lịch Việt Nam	835022	2	x										
21	Nhân học ứng dụng	854005	3	x										
22	Ngôn ngữ và văn hóa, xã hội Việt Nam	835302	3		x									
23	Đại cương lịch sử Việt Nam	835303	2	x										
24	Văn học – Nghệ thuật Việt Nam	835304	3		x									
25	Văn hóa Phương Đông - Phương Tây	835305	3		x									
	<b>Tự chọn: 6/29 tín chỉ</b>													
26	Kỹ năng soạn thảo văn bản	854003	3			x								
27	Kinh tế du lịch	835065	3			x								
28	Kỹ năng đàm phán	835306	3			x								
29	Kỹ năng thuyết trình - thuyết minh	835307	3			x								
30	Du lịch Quốc tế	835308	3			x								
31	Du lịch văn hóa Sài Gòn - TPHCM	835309	3			x								
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức ngành: 21/132 tín chỉ</b>													
	<b>Bắt buộc: 15/21 tín chỉ</b>													

32	Tâm lý – giao tiếp du lịch	835105	3				x						
33	Hệ thống di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam	835310	3					x					
34	Phương ngữ và Vùng văn hóa Việt Nam	835311	3					x					
35	Phong tục - Tín ngưỡng - Tôn giáo Việt Nam	835312	3				x						
36	Văn hóa ẩm thực	835313	3					x					
<b>Tự chọn: 6/21 tín chỉ</b>													
37	Thiết kế và Điều hành chương trình du lịch	835314	3						x				
38	Truyền thông đại chúng	835315	3						x				
39	Du lịch tôn giáo - tâm linh Việt Nam	835316	3						x				
40	Du lịch sinh thái	835317	3						x				
<b>IV</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành: 31/132 tín chỉ</b>												
	Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành được ghi trong mục 2.5												
<b>V</b>	<b>Thực tập: 15/132 tín chỉ</b>												
41	Thực tế chuyên môn 1	835120	1	x									
42	Thực tế chuyên môn 3	835122	4							x			
43	Thực tập tốt nghiệp	835198	8										x
44	Thực tế chuyên môn 2	835318	2					x					
<b>VI</b>	<b>Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 10/132 tín chỉ</b>												
45	Khóa luận tốt nghiệp	835099	10										x
46	Toàn cầu hóa	835084	2										x
47	Ngoại giao Việt Nam	835319	3										x
48	Xây dựng kế hoạch kinh doanh	835320	3										x
49	Văn hóa doanh nghiệp	835104	2										x
<b>Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy</b>			<b>132 tín chỉ/ 170 tín chỉ</b>										

## 2.5. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì								
				1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>I</b>	<b>Chuyên ngành: 31/132 tín chỉ</b>											
	<b>Bắt buộc: 26/31 tín chỉ</b>											
1	Hán – Nôm trong du lịch	835321	3						x			
2	Marketing du lịch	835106	3					x				
3	Quản trị các sự kiện văn hóa du lịch	835110	2							x		
4	Tiếng Anh giao tiếp du lịch 1	835111	3					x				
5	Phát triển du lịch bền vững	835029	2					x				
6	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	835322	3						x			
7	Quản trị kinh doanh lữ hành	835323	2						x			
8	Quản trị kinh doanh khách sạn, nhà hàng	835324	2							x		
9	Tiếng Anh giao tiếp du lịch 2	835325	3						x			
10	Tiếng Anh giao tiếp du lịch 3	835326	3							x		
	<b>Tự chọn: 5/31 tín chỉ</b>											
11	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	835114	5							x		
12	Nghiệp vụ Lễ tân Khách sạn	835115	5							x		
13	Nghiệp vụ Buồng, phòng	835116	5							x		
14	Nghiệp vụ Nhà hàng	835117	5							x		
15	Nghiệp vụ pha chế thức uống (Bartender)	835118	5							x		
16	Nghiệp vụ Bếp (Á - Âu, Việt Nam)	835119	5							x		
<b>Tổng cộng:</b>			<b>31/132</b>									

**DUYỆT**  
**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**

**TRƯỞNG KHOA/NGÀNH**

**PGS.TS. Phạm Hoàng Quân**

**TS. My Giang Sơn**

**TS. Hoàng Thúy Hà**



**PHẦN 3**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
**NGÀNH: VIỆT NAM HỌC**

**HỌC PHẦN**  
**CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM**
- Mã học phần: 865002
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (20/10)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: KHOA HỌC CƠ BẢN**

**3. Mô tả học phần:**

Môn học cung cấp những hiểu biết toàn diện và cơ bản về văn hoá và văn hoá Việt Nam bao gồm khái niệm văn hóa, đặc trưng, chức năng của văn hóa; loại hình văn hóa; các đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam; Chủ thể, thời gian và không gian văn hóa Việt Nam; Các vùng văn hóa Việt Nam; các lớp văn hóa trong tiến trình văn hóa Việt Nam; Các thành tố của văn hoá gồm văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức đời sống tập thể, văn hoá tổ chức đời sống cá nhân, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hoá ứng xử với môi trường xã hội.

**4. Mục tiêu học phần**

*4.1. Về kiến thức*

- Nắm vững những kiến thức cơ bản và mang tính hệ thống, toàn diện về văn hóa và văn hóa Việt Nam.
- Nắm vững những khái niệm, hệ thống các thành tố, các lớp văn hóa các giai đoạn trong tiến trình văn hóa Việt Nam các vùng văn hóa Việt Nam với những đặc điểm và thành tựu cùng những đặc trưng về hệ giá trị của chúng

*4.2. Về kỹ năng*

- Rèn luyện và phát triển kỹ năng, năng lực trải nghiệm, giao tiếp và đánh giá, năng lực diễn đạt, phân tích và diễn giải, năng lực kỹ thuật để xử lý và giải quyết các sự kiện, hiện tượng văn hoá trong thực tiễn đời sống.

*4.3. Về thái độ*

- SV biết yêu quý và trân trọng những giá trị của văn hoá Việt để có những thái độ ứng xử đúng đắn, góp phần vào việc giữ gìn bản sắc của văn hoá dân tộc Việt Nam.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Tổng quan: Văn hóa và các bộ phận cấu thành</b>	<b>8</b>	
<p>1.1. Định nghĩa văn hóa</p> <p>- Định nghĩa của Trần Ngọc Thêm (<i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>, NXB Giáo dục, 2009, tái bản)</p> <p>1.2. Văn hóa và những khái niệm liên quan: Phân biệt các khái niệm:</p> <p>- Văn minh, Văn hiến, Văn vật, Tiếp biến văn hóa, Bản sắc văn hóa</p> <p>1.3. Đặc trưng và chức năng của văn hóa:</p> <p>1.3.1. Các đặc trưng: Tính hệ thống, tính giá trị, tính nhân văn và tính lịch sử.</p> <p>1.3.2. Các chức năng: chức năng tổ chức xã hội, chức năng điều chỉnh xã hội, chức năng giao tiếp, chức năng giáo dục.</p> <p>1.4. Cấu trúc của hệ thống văn hóa:</p> <p>1.4.1. Văn hóa nhận thức,</p> <p>1.4.2. Văn hóa tổ chức cộng đồng;</p> <p>1.4.3. Văn hóa ứng xử.</p>		<p>-SV chuẩn bị ở nhà, đọc kỹ Giáo trình Cơ sở văn hóa Việt Nam-Trần Ngọc Thêm (Chương 1) và tài liệu tham khảo; tổ chức nội dung thuyết trình nhóm theo gợi ý đề tài của GV;</p> <p>Trên lớp: SV tích cực tham gia xây dựng bài ở lớp.</p> <p>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng =&gt; tổ chức tương tác, điều khiển, định hướng để SV nắm các kiến thức cơ bản</p> <p>.</p>
<b>Chương 2. Nhận diện văn hóa Việt Nam</b>	<b>10</b>	
<p><b>2.1. Cơ sở hình thành văn hóa Việt Nam</b></p> <p>2.1.1. Hoàn cảnh chủ quan (chủ thể tộc người, thời gian);</p> <p>2.1.2. Hoàn cảnh khách quan (Hoàn cảnh địa lí-lịch sử-xã hội và không gian văn hóa)</p> <p><b>2.2. Loại hình và đặc trưng văn hóa gốc nông nghiệp Việt Nam</b></p> <p>2.2.1. Hai loại hình văn hóa: Loại hình văn hóa gốc du mục và loại hình văn hóa gốc nông nghiệp</p> <p>2.2.2. Đặc trưng văn hóa gốc nông nghiệp Việt Nam</p>		<p>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng =&gt; tổ chức tương tác, điều khiển, định hướng để SV nắm các kiến thức cơ bản</p>

<p><b>2.3. Tiến trình văn hóa Việt Nam và các lớp văn hóa</b></p> <p>2.3.1. Tiến trình văn hóa Việt Nam</p> <p>2.3.2. Các lớp văn hóa</p> <p>2.3.2.1. Lớp văn hóa bản địa</p> <p>2.3.2.2. Lớp văn hóa giao lưu với Trung Hoa &amp; khu vực</p> <p>2.3.2.3. Lớp văn hóa giao lưu với phương Tây</p> <p><b>2.4. Các vùng văn hóa Việt Nam</b></p> <p>2.4.1. Vùng văn hóa Việt Bắc</p> <p>2.4.2. Vùng văn hóa Tây Bắc</p> <p>2.4.3. Vùng văn hóa Bắc Bộ</p> <p>2.4.4. Vùng văn hóa Trung Bộ</p> <p>2.4.5. Vùng văn hóa tây Nguyên</p> <p>2.4.6. Vùng văn hóa Nam Bộ</p>		
<p><b>Chương 3. Những thành tố của văn hóa Việt Nam</b></p>	<p><b>10</b></p>	
<p><b>3.1. Văn hóa nhận thức:</b></p> <p>3.1.1. Nhận thức về không gian vũ trụ: Hai qui luật của triết lí Âm Dương; nhận thức Tam tài – Ngũ hành – và những ứng dụng;</p> <p>3.1.2 Nhận thức về thời gian vũ trụ: Lịch và hệ Can Chi;</p> <p>3.1.3. Nhận thức về con người tự nhiên và con người xã hội</p> <p><b>3.2. Văn hóa tổ chức:</b></p> <p>3.2.1. Văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng: Tổ chức Nông thôn Việt Nam; Tổ chức Nhà nước; Tổ chức Đô thị;</p> <p>3.2.2 Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân: Tín ngưỡng; Phong tục của người Việt; Nghệ thuật của người Việt; Giao tiếp của người Việt.</p> <p><b>3.3. Văn hóa ứng xử:</b></p> <p>3.3.1. Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên: tận dụng &amp; đối phó môi trường tự nhiên;</p> <p>3.3.2. Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội: Giao lưu với văn hóa Ấn Độ- Phật giáo; Văn hóa Trung Hoa -Nho giáo, Đạo giáo; Văn hóa phương Tây - Ki-tô giáo</p>		<p>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng =&gt; tổ chức tương tác, điều khiển, định hướng để SV nắm các kiến thức cơ bản</p> <p>-Đánh giá báo cáo thuyết trình/ Tiểu luận của SV theo 4 tiêu chí:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chuẩn bị báo cáo đầy đủ, chính xác, đúng trọng tâm.</li> <li>2. Trình bày báo cáo: lưu loát, rõ ràng, đúng thời gian.</li> <li>3. Khả năng giải quyết các vấn đề đặt ra và tương tác với các nhóm khác và với GV.</li> <li>4. Hoàn thiện báo cáo và nộp đúng thời hạn</li> </ol>

<b>Ôn tập</b>	<b>2</b>	
---------------	----------	--

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Trần Ngọc Thêm (2009), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB GD, tái bản.

### 6.2. Tài liệu khác

2. Nguyễn Duy Hình (2013), *Văn minh Lạc Việt*, . NXB Văn hóa – Thông tin.

3. Đinh Gia Khánh (1995), *Các vùng văn hóa Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội.

4 Ngô Đức Thịnh (1993), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, H.

5. Trần Ngọc Thêm (2004), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam: cái nhìn hệ thống – loại hình*, NXB TP Hồ Chí Minh

6. Trần Ngọc Thêm (2006), *Văn hóa học và văn hóa Việt Nam*, Nxb ĐH Sư phạm.

7. Trần Ngọc Thêm (2014), *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*, NXB Văn hóa Văn nghệ.

8. Trần Ngọc Thêm (2016), *Hệ giá trị Việt Nam- từ truyền thống đến hiện đại và tương lai*, NXB Văn hóa Văn nghệ

9. Website: [www.vanhoahoc.edu.vn](http://www.vanhoahoc.edu.vn)

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở (thí sinh được sử dụng tài liệu), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số: 0.5

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG KHOA**              **TRƯỞNG BỘ MÔN**              **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà    TS. Nguyễn Đăng Khánh    TS. Nguyễn Đăng Khánh**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
 NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN  
 QUAN HỆ CÔNG CHÚNG**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **QUAN HỆ CÔNG CHÚNG**
- Mã học phần: 835301
- Số tín chỉ: 3 (3; 0)
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45(45; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần: Không
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: KHOA HỌC CƠ BẢN**

**3. Mô tả học phần:**

Học phần hướng dẫn học sinh nắm bắt những kiến thức tổng quát và cơ bản về PR, bao gồm kiến thức chuyên môn và mở rộng. Sau quá trình học, người học có khả năng nắm bắt quy trình và cách thức giao tiếp, xây dựng và quảng bá hình ảnh – thương hiệu đồng thời đảm bảo kiến thức nền để học các học phần tiếp theo của chương trình đào tạo Quốc tế học.

**4. Mục tiêu học phần**

*4.1. Về kiến thức:*

Nắm được nắm bắt những kiến thức tổng quát và cơ bản về PR. Cả những kiến thức chuyên môn và mở rộng. Nắm được nội dung và phương thức công tác PR hiệu quả, cụ thể: xây dựng kế hoạch PR trên cơ sở đánh giá tình hình, xác định mục tiêu, xác định nhóm công chúng, lựa chọn phương tiện truyền thông, hoạch định ngân sách; đánh giá kết quả; Thiết lập các mối quan hệ hợp tác và quản trị khủng hoảng trong PR.

*4.2. Về kỹ năng:*

Có khả năng lập kế hoạch cho chương trình PR. Có kỹ năng xác định mục tiêu, đánh giá cho các hoạt động PR. Có kỹ năng tư duy trong việc giải quyết các tình huống quan hệ công chúng cụ thể.

#### 4.3. Về thái độ:

Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động học tập: nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. Yêu thích và quan tâm đến các hoạt động PR. Tự tin trong thảo luận và trình bày các kết quả nghiên cứu. Trung thực trong làm bài, không quay cóp, không sử dụng bài của người khác.

#### 5. Kế hoạch dạy học HP/MH

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Lịch sử PR</b>	4	<b>Bước 1. Giáo viên hướng dẫn sinh viên:</b> - Phân nhóm - Phương pháp tiếp cận kiến thức - Phương pháp tự nghiên cứu. - Phương pháp làm việc nhóm. <b>Bước 2. Sinh viên:</b> Phân các cá nhân chuẩn bị nội dung ở nhà cả về lí thuyết và các tình huống ứng xử <b>Bước 3. Các buổi học trên lớp, sinh viên tiến hành trao đổi thảo luận từng vấn đề, từng tình huống ứng xử theo sự giám sát và hướng dẫn của giảng viên (Vận dụng sáng tạo các hình thức thảo luận nhóm, các phương tiện trực quan sinh động để buổi thảo luận hứng thú, sinh động, dễ hiểu)</b>
1.1. PR xuất hiện từ khi nào?		
1.2. Những hình thức giao tiếp đầu tiên		
1.3. Nguồn gốc của văn hóa công ty		
1.4. Lịch sử tạp chí nội bộ		
1.5. Nguồn gốc PR hiện đại		
1.6. Sự phát triển của văn phòng phòng vấn PR		
1.7. Sự phát triển của phương tiện truyền thông		
<b>Chương 2: Định nghĩa và phân biệt PR</b>	4	
2.1. Một số định nghĩa về PR		
2.2. Phân biệt PR và quảng cáo		
2.3. Phân biệt PR và tiếp thị		
2.4. Phân biệt PR và khuyến mãi		
2.5. Phân biệt PR và tuyên truyền		
2.6. Sự khác biệt giữa PR và dư luận		
<b>Chương 3: Phòng PR nội bộ</b>	4	
3.1. Phòng PR nội bộ		
3.2. Trưởng phòng PR		
3.3. Các hoạt động của phòng PR nội bộ		
3.4. Thuận lợi và bất lợi của trưởng phòng PR nội bộ		
3.5. Làm sao để trở thành một chuyên viên PR giỏi		
<b>Chương 4: Nghiên cứu thị trường</b>	2	
4.1. Định nghĩa nghiên cứu thị trường		
4.2. Một số kỹ thuật nghiên cứu thị trường		
4.3. Một số thuật ngữ tiếng Anh trong nghiên cứu thị trường		
<b>Chương 5: Lập kế hoạch thực hiện chương trình PR</b>	4	
5.1. Tại sao phải lập kế hoạch thực hiện chương trình PR?		
5.2. Mô hình hoạch định PR		
5.3. Viết bản kế hoạch PR		
<b>Chương 6: Mục tiêu của PR</b>	3	

6.1. Hoạt động PR cụ thể hay trừu tượng?		<b>Bước 4.</b> Sau khi trao đổi, thảo luận, GV sẽ giải đáp và làm rõ những vấn đề mà SV băn khoăn thắc mắc.
6.2. Xác định mục tiêu và mức độ ưu tiên		
6.3. Mục tiêu, tác động của thời gian và nguồn ngân sách		
<b>Chương 7: Các nhóm công chúng của PR</b>	4	<b>Bước 5.</b> GV nêu câu hỏi đưa ra các bài tập tình huống để kiểm tra đánh giá và nâng cao nhận thức của sinh viên
7.1. Công chúng nói chung và các phân nhóm		
7.2. 10 nhóm công chúng cơ bản		
7.3. Vì sao phải xác định các nhóm công chúng?		
7.4. Hậu quả của việc không xác định các nhóm công chúng		
7.5. Ví dụ thực tế về xác định các nhóm công chúng		
7.6. Thu hút giới trẻ		
<b>Chương 8: Hợp tác với giới truyền thông</b>	2	
8.1. Giao thiệp với giới truyền thông		
8.2. Thông cáo báo chí		
8.3. Thực hiện buổi phỏng vấn với giới truyền thông		
<b>Chương 9: Mối quan hệ giữa lãnh đạo và nhân viên</b>	3	
9.1. PR nội bộ và một số phương pháp giao tiếp trong quan hệ lao động		
9.2. Giao tiếp với cấp trên		
9.3. Những vấn đề phức tạp trong giao tiếp giữa ban lãnh đạo với nhân viên		
<b>Chương 10: Ngân sách</b>	4	
10.1. Vì sao phải dự thảo ngân sách		
10.2. Ngân sách cho phòng PR nội bộ và cho dịch vụ tư vấn		
10.3. Tính toán chi phí cho dịch vụ tư vấn		
10.4. Phân bổ ngân sách		
10.5. Ngân sách cho phòng PR nội bộ		
10.6. Việc sử dụng ngân sách của ban lãnh đạo		
10.7. Giới hạn và mức độ ưu tiên trong ngân sách		
10.8. Hoạt động, vận động hành lang của tổ chức từ thiện		
<b>Chương 11: Tài trợ</b>	4	
11.1. Các dạng tài trợ		
11.2. Lợi ích và lí do của việc tài trợ		
11.3. Các lĩnh vực tài trợ		
11.4. Những khía cạnh thực tế của việc tài trợ		
11.5. Chi phí		
11.6. Trường hợp thành công trong tài trợ		
11.7. Thu hút và duy trì tài trợ của những nhân vật nổi tiếng		
<b>Chương 12: Đánh giá kết quả</b>	2	
12.1. Bản chất của kết quả		
12.2. Một vài phương pháp đánh giá		



12.3. Kết quả mong muốn		
<b>Chương 13: Quản trị khủng hoảng.</b>	3	
13.1. Khủng hoảng là gì		
13.2. Bộ phận quản trị khủng hoảng		
13.4. Xác định hiện trạng của tổ chức		
13.5. Vai trò của phát ngôn viên		
13.6. Tổng hợp những lời khuyên về PR		
<b>ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA</b>	2	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1. Frank Jefkins, Nguyễn Thị Phương Anh – Ngô Anh Thy biên dịch (2004), *Phá vỡ bí ẩn PR*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.

### 6.2. Tài liệu khác:

2. Lê Trần Bảo Phương (2014), *Quyền năng bí ẩn*, NXB Thông Tin và Truyền Thông.

3. Federic Beigbeder (2007), *99F*, Nxb Văn nghệ.

4. Jerry A. Hendrix (2001), *Public relations cases*, Nxb Wadsworth

5. Kerry Tucker, Doris Derelian, Donna Rouner (1989), *Public Relation Writing*, Prentice – Hall, Inc.

6. Leonard Mogel (1993), *Making It in Public Relation*,

7. Michael Osborn and Suzanne Osborn (2003), *Public Speaking*, Houghton Mifflin Company

8. Moi Ali, Hoàng Ngọc Tuyến biên dịch (2006), *PR hiệu quả*, Nxb Tổng Hợp TP. Hồ Chí Minh.

9. Hoàng Xuân Phương, Nguyễn Thị Ngọc Châu (2012), *Phong cách PR chuyên nghiệp*, Alphabook: Nhà xuất bản Lao động – Xã hội.

10. <http://www.lantabrand.com>

11. <http://www.prvietnam.com>

12. Tuyết Mai dịch (ngày 10 tháng 8 năm 2007), "*Câu chuyện PR*" - công thức bí mật cho thành công trong giao tế, (truy cập theo <http://www.bwportal.com.vn>.)

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở (thí sinh được sử dụng tài liệu), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số: 0.5
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Đăng Khánh**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
**NGÀNH: VIỆT NAM HỌC**

**HỌC PHẦN  
 NHẬP MÔN VIỆT NAM HỌC**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **NHẬP MÔN VIỆT NAM HỌC**
- Mã học phần: 835025
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (20; 10)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần: Không
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: KHOA HỌC CƠ BẢN**

**3. Mô tả học phần**

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản hệ thống về khu vực học và Việt Nam. Đó là những kiến thức tổng quát về khu vực học, những kiến thức cơ bản, hệ thống về môn Việt Nam học và những kết quả nghiên cứu về Việt Nam trên các phương diện chủ thể văn hóa, không gian văn hóa, thời gian lịch sử...

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Khái quát lịch sử hình thành khu vực học và Việt Nam học; Đối tượng nghiên cứu, phương pháp và hệ phương pháp nghiên cứu Việt Nam học với tư cách một khoa học chuyên ngành

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về Việt Nam học

Kết quả nghiên cứu về Việt Nam trên các phương diện cấu trúc chủ thể văn hóa đa tộc người, không gian văn hóa trên nền tảng cơ tầng khu vực Đông Nam Á, thời gian lịch sử từ truyền thống đến hiện đại...

4.2. Về kỹ năng

Sinh viên nắm vững hệ lý thuyết được vận dụng để nghiên cứu về Việt Nam. Sinh viên nắm vững các thao tác nghiên cứu, hướng tiếp cận khu vực học và Việt Nam học.

4.3. Về thái độ

Giáo dục cho sinh viên những tư tưởng tình cảm tích cực đối với đất nước dân tộc, hiểu những quy luật, những đặc trưng mang tính bản sắc của Việt Nam, nhằm có

những hành động thiết thực cụ thể trong học tập và công tác sau này để đóng góp cho sự phát triển của đất nước.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Khái quát về khu vực học và Việt Nam học</b>	<b>6</b>	Thuyết giảng, thảo luận lớp
1. Vấn đề thuật ngữ - khái niệm		
1.1. Khu vực học		
1.2 Việt Nam học		
2. Đối tượng nghiên cứu		
3. Quan điểm tiếp cận và phương pháp nghiên cứu		
4. Việt Nam học trong mối tương quan với các ngành khoa học khác		
5. Khái quát về lịch sử và tình hình nghiên cứu		
5.1. Việt Nam học thời cổ trung đại		
5.2. Việt Nam học thời cận đại		
5.3. Việt Nam học thời hiện đại		
<b>Chương 2. Vấn đề định vị chủ thể</b>	<b>7</b>	Thuyết giảng , thuyết trình nhóm Kiểm tra giữa kỳ (tự luận)
2.1. Nguồn gốc nhân chủng tộc người		
2.2 Chủ thể nhìn từ không gian lãnh thổ địa lý		
2.3 Chủ thể nhìn từ thời gian lịch sử		
<b>Chương 3. Văn hóa lịch sử- xã hội- Việt Nam truyền thống</b>	<b>10</b>	Thuyết giảng, Thảo luận lớp
3.1 Thời kỳ bản địa		
3.2 Thời kỳ Bắc thuộc		
3.3 Thời kỳ Đại Việt		
3.4 Thời kỳ chống Pháp		
3.5 Thời kỳ từ cách mạng tháng Tám cho đến nay		
<b>Chương 4. Những nội dung cơ bản của Việt Nam đương đại</b>	<b>7</b>	GV đưa ra vấn đề, Trao đổi thảo luận đề cương nhóm
4.1 Đặc điểm bối cảnh khu vực và thế giới đương		

đại		
4.2 Những nghiên cứu cụ thể		
4.3 Định hướng nghiên cứu và những vấn đề có tính dự báo		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- 1- Đặng Nghiêm Vạn, *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia TP.HCM, 2003
- 2- Trần Lê Bảo, *Khu vực học và nhập môn Việt Nam học*, NXB Giáo Dục, H: 2008.
- 3- Nguyễn Khắc Thuần, *Đại cương lịch sử văn hóa Việt Nam*, Nxb GD 2005.

### 6.2. Tài liệu khác:

1. Hà Văn Tấn, *Theo dấu các văn hóa cổ*, Nxb Khoa học xã hội, H: 1998.
2. Hà Văn Tấn, *Đến với lịch sử văn hóa Việt Nam*, Nxb Hội nhà văn, H: 2005.
3. Nguyễn Duy Hình, *Văn minh Lạc Việt*, Nxb Văn hóa – Thông tin, H: 2004.
4. Trần Quốc Vượng, *Văn hóa Việt Nam tìm tòi và suy ngẫm*, Nxb Văn hóa, H: 2003

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở (thí sinh được sử dụng tài liệu), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0,1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà   TS. Nguyễn Đăng Khánh   TS. Nguyễn Mạnh Tiên**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN**  
**NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA, XÃ HỘI VIỆT NAM**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA, XÃ HỘI VIỆT NAM**
- Mã học phần: 835302
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (25/20)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần: Không
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: KHOA HỌC CƠ BẢN**

**3. Mô tả học phần**

Môn học trang bị những hiểu biết toàn diện và cơ bản về Ngôn ngữ & văn hóa xã hội Việt Nam và sự ảnh hưởng, tác động qua lại giữa chúng.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về tính liên ngành của các khoa học nghiên cứu ngôn ngữ, văn hóa, xã hội. Vận dụng phương pháp liên ngành để nghiên cứu từng đối tượng cụ thể.

4.2. Về kỹ năng

- Rèn luyện và phát triển kỹ năng, năng lực trải nghiệm, giao tiếp và đánh giá, năng lực diễn đạt, phân tích và diễn giải, năng lực kỹ thuật để xử lý và giải quyết các sự kiện, hiện tượng ngôn ngữ và văn hoá trong thực tiễn đời sống.

4.3. Về thái độ

- Sinh viên có ý thức tự nghiên cứu, vận dụng linh hoạt và sáng tạo, có phương pháp khoa học vào từng đối tượng cụ thể.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>CHƯƠNG 1. TÍNH LIÊN NGÀNH CỦA CÁC KHOA HỌC NGHIÊN CỨU NGÔN NGỮ VĂN HÓA XÃ HỘI</b>	5	<b>Bước 1.</b> Giáo viên hướng dẫn sinh viên:

<p>1.1 Khái niệm liên ngành  1.2. Hiện tượng xã hội  1.3. Phương pháp liên ngành  1.3.1. Tư duy phức hợp  1.3.2. Kết hợp giữa lý thuyết và thực nghiệm  1.3.3. Kết hợp các phương pháp nghiên cứu lịch đại với nghiên cứu đồng đại  1.3.4. Kết hợp giữa các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính  1.3.5. Kết hợp giữa các phương pháp hiệu thực tế và khái quát thực tế</p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân nhóm</li> <li>- Phương pháp tiếp cận kiến thức</li> <li>- Phương pháp tự nghiên cứu.</li> <li>- Phương pháp làm việc nhóm.</li> </ul> <p><b>Bước 2.</b> Sinh viên: Phân các cá nhân chuẩn bị nội dung ở nhà.</p> <p><b>Bước 3.</b> Các buổi học trên lớp, sinh viên tiến hành trao đổi thảo luận từng vấn đề theo sự giám sát và hướng dẫn của giảng viên (Vận dụng sáng tạo các hình thức thảo luận nhóm, các phương tiện trực quan sinh động để buổi thảo luận hứng thú, sinh động, dễ hiểu)</p>
<p><b>CHƯƠNG 2. VĂN HÓA XÃ HỘI HỌC VÀ NHỮNG PHƯƠNG DIỆN XÃ HỘI HỌC TRONG VĂN HÓA HỌC</b></p> <p>2.1. Các mối quan tâm  2.2. Quan điểm bản thể luận của xã hội học thực chứng  2.2.1. Nhìn nhận xã hội và văn hóa như là thực tại khách quan &amp; xã hội (cái tổng) quy định hành vi (cái bộ phận)  2.2.2. Lý thuyết- phương pháp luận của xã hội học được văn hóa học sử dụng một cách biện chứng  2.3. Những mặt mạnh của xã hội học trong văn hóa học  2.3.1. Xã hội học thực chứng phân tích sự kiện, hiện tượng văn hóa theo nguyên lý của quan hệ nhân quả  2.3.2. Các phương pháp định lượng có ưu thế trong việc mô tả thực trạng trong xã hội phân tầng  2.3.3. Xã hội học có ưu thế trong nghiên cứu ứng dụng  2.3.4. Một số hạn chế của xã hội học trong nghiên cứu văn hóa học</p>	5	<p><b>Bước 4.</b> Sau khi trao đổi, thảo luận, GV sẽ giải đáp và làm rõ những vấn đề mà SV băn khoăn thắc mắc.</p> <p><b>Bước 5.</b> GV nêu câu hỏi đưa ra các bài tập để kiểm tra đánh giá và nâng cao nhận thức của sinh viên</p>
<p>2.4. Các phương pháp nghiên cứu xã hội học trong văn hóa học  2.4.1. Nghiên cứu định lượng  2.4.1.1. Những vấn đề chung  2.4.1.2. Quy trình phương pháp định lượng  2.4.1.3. Chọn mẫu  2.4.1.4. Điều tra  2.4.1.5. Xử lý số liệu</p>	5	

<p>2.4.1.6.. Trình bày kết quả nghiên cứu</p> <p>2.4.2. Nghiên cứu định tính</p> <p>2.4.2.1. Quan sát</p> <p>2.4.2.2. Phỏng vấn sâu</p> <p>2.4.2.3. Phỏng vấn nhóm</p>		
<p><b>CHƯƠNG 3. VĂN HÓA VÀ NGÔN NGỮ HỌC</b></p> <p>3.1. Về mối quan hệ giữa Ngôn ngữ và Văn hoá</p> <p>3.1.1. Định nghĩa về Ngôn ngữ</p> <p>3.1.2. Đặc trưng ngôn ngữ</p> <p>3.1.3. Định nghĩa về Văn hóa</p> <p>3.1.4. Mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hóa</p> <p>3.2. Vị trí của bộ môn Văn hóa – Ngôn ngữ học</p> <p>3.3. Đối tượng của bộ môn Văn hóa – Ngôn ngữ học</p> <p>3.3.1. Văn hóa - ngôn ngữ học trong phạm vi một dân tộc</p> <p>3.3.2. Văn hóa - ngôn ngữ học trong phạm vi nhiều dân tộc</p> <p>3.4. Bộ máy khái niệm và phương pháp tiếp cận</p>	<b>5</b>	<p>Câu hỏi lí thuyết: Sinh viên trình bày cách hiểu một cách tóm tắt các nội dung trong các chương mục và có minh chứng cụ thể, có tính mới không có trong tài liệu hướng dẫn.</p> <p>Sinh viên Việt Nam học: Tìm hiểu:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Việt Nam với những đặc trưng ngôn ngữ, văn hóa, xã hội</li> <li>2. Một số nước điển hình về đặc trưng ngôn ngữ, văn hóa, xã hội.</li> </ol>
<p><b>CHƯƠNG 4 NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN CỦA NGÔN NGỮ HỌC XÃ HỘI</b></p> <p>4.1. Sự ra đời của Ngôn ngữ học xã hội – Mối quan hệ giữa hoạt động ngôn ngữ và xã hội</p> <p>4.2. Ngôn ngữ trong lao động</p> <p>4.3. Phương ngữ xã hội</p> <p>4.3.1. Giai cấp và ngôn ngữ</p> <p>4.3.2. Giới tính và Ngôn ngữ</p> <p>4.3.3. Tiếng lóng</p> <p>4.3.4. Từ nghề nghiệp</p>	<b>6</b>	
<p><b>CHƯƠNG 5. VIỆT NAM – MỘT QUỐC GIA ĐA DÂN TỘC ĐA NGÔN NGỮ, ĐA VĂN HÓA Ở VIỆT NAM</b></p> <p>5.1. Hiện tượng đa dân tộc, đa văn hóa, đa ngôn ngữ</p> <p>5.2. Những đặc trưng</p> <p>5.3. Quyền bình đẳng của các dân tộc trong Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam</p> <p>5.4. Quan hệ dân tộc ở Việt Nam</p>	<b>9</b>	



<p>5.4.1. Quan hệ nội tộc người</p> <p>5.4.2. Quan hệ giữa các dân tộc thiểu số</p> <p>5.4.3. Quan hệ giữa dân tộc thiểu số với dân tộc Kinh (Việt)</p> <p>5.4.4. Quan hệ dân tộc xuyên quốc gia</p> <p>5.4.5. Quan hệ tộc người với cộng đồng dân tộc - quốc gia</p>		
<p><b>CHƯƠNG 6. MỐI QUAN HỆ GIỮA NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA VÀ BIỂU HIỆN CỦA NÓ TRONG GIAO TIẾP</b></p> <p>6.1. Giới thuyết chung</p> <p>6.2. Biểu hiện của mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá trong tiếng Việt</p> <p>6.2.1. Đặc điểm của các từ xưng gọi trong tiếng Việt</p> <p>6.2.2. Biểu hiện của mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá trong việc sử dụng hệ thống từ xưng gọi của tiếng Việt</p> <p>6.3. Biểu hiện của mối quan hệ giữa ngôn ngữ và văn hoá trong một số ngôn ngữ khác</p>	<b>9</b>	

## **6. Tài liệu học tập**

### **6.1. Tài liệu chính**

1. Hoàng Thúy Hà - Lý Thị Minh Ngọc (2016), Tài liệu bài giảng *Ngôn ngữ Văn hóa – Xã hội*, Tài liệu lưu hành nội bộ.

### **6.2. Tài liệu khác**

2. Ngôn ngữ văn hóa và xã hội – Một cách tiếp cận liên ngành, NXB Thế giới 2006.
3. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
4. Trần Trí Dõi (2001), *Ngôn ngữ và sự phát triển văn hóa xã hội*, Nxb Văn hóa Thông tin.
5. Bakhtine M., 1978. *Esthétique et théorie du roman*, Nhà xuất bản Gallimard. Paris. 488 trang.
6. Bakhtine M. & Volochinov V.N., 1977. *Le marxisme et la philosophie du langage*, Nhà xuất bản Minuit. Paris. 233 trang
7. Gardin B., 1988. *Langage et travail. Etudes sociolinguistiques de discours ouvriers en entreprise*, Luận án tiến sĩ quốc gia (tập 1), Đại học Rouen. TP Rouen, Pháp. 350 trang.
8. Bakhtine M., 1978. *Esthétique et théorie du roman*. Nhà xuất bản Gallimard. Paris. 488 trang.

9. Bakhtine M. & Volochinov V.N., 1977. Le marxisme et la philosophie du langage. Nhà xuất bản Minuit. Paris. 233 trang.
10. Baylon C. 1991. Sociolinguistique. Société, langue et discours. Nhà xuất bản Nathan. Paris. 303 trang.
11. Calvet L.-J., 1975. Pour et contre Saussure. Nhà xuất bản Payot. Paris. 153 trang.
12. Calvet L.-J. , 1999. Origines de la sociolinguistique La conférence de sociolinguistique de l'UCLA. Tạp chí Langage et Société. Số 88: 25-57.
13. Cohen M., 1956. Pour une sociologie du langage. Nhà xuất bản Albin Michel. Paris. 396 trang.

### **7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01 bài tiểu luận
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở (thí sinh được sử dụng tài liệu), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số: 0.5
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Đăng Khánh**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

## HỌC PHẦN NHÂN HỌC ỨNG DỤNG

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **NHÂN HỌC ỨNG DỤNG**
- Mã học phần: 854005
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (30; 15; 05)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: KHOA HỌC CƠ BẢN

### 3. Mô tả học phần

Trang bị kiến thức đi sâu vào các lĩnh vực ứng dụng của nhân học. Chủ yếu trang bị cho người học các lý thuyết và phương pháp tiếp cận trong nhân học ứng dụng như là môn học cơ sở nhằm giúp sinh viên có thể sử dụng các kỹ năng và kiến thức của mình để giải quyết những vấn đề của cuộc sống, có thể áp dụng được trên tất cả các lĩnh vực nhân học y tế, nhân học giáo dục, nhân học du lịch, nhân học môi trường.

### 4. Mục tiêu học phần

4.1. *Về kiến thức*: đi sâu vào các lĩnh vực ứng dụng của nhân học. Chủ yếu trang bị cho người học các lý thuyết và phương pháp tiếp cận trong nhân học ứng dụng có thể áp dụng được trên tất cả các lĩnh vực nhân học y tế, nhân học giáo dục, nhân học du lịch, nhân học môi trường

4.2. *Về kỹ năng*: hình thành phương pháp tiếp cận trong nhân học ứng dụng như là môn học cơ sở

4.3. *Về thái độ*: Có ý thức tự nghiên cứu ở nhà và tập trung thực hiện thảo luận nghiêm túc trên lớp để có thể sử dụng các kỹ năng và kiến thức của mình để giải quyết những vấn đề của cuộc sống nhằm giúp sinh viên có thể sử dụng các kỹ năng và kiến thức của mình để giải quyết những vấn đề của cuộc sống, có thể áp dụng được trên tất cả các lĩnh vực nhân học y tế, nhân học giáo dục, nhân học du lịch, nhân học môi trường.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. TỔNG QUAN VỀ NHÂN HỌC</b>	<b>10</b>	
<b>1.1. Phân biệt nhân học với các ngành nhân văn khác</b>	2	<b>Bước 1. Giáo viên hướng dẫn sinh viên:</b>
1.1.1. Nhân văn học là gì?		- Phân nhóm
1.1.2. Nhân học là gì?		- Phương pháp tiếp cận kiến thức
<b>1.2. Bốn đặc điểm của nhân học</b>	2	- Phương pháp tự nghiên cứu.
1.2.1. Nhân học nghiên cứu về con người như một tổng thể		- Phương pháp làm việc nhóm.
1.2.2. Nhân học sử dụng phương pháp so sánh, đối chiếu		<b>Bước 2.</b> Sinh viên: Phân các cá nhân chuẩn bị nội dung ở nhà.
1.2.3. Nhân học phát triển và sử dụng khái niệm về văn hóa		<b>Bước 3.</b> Các buổi học trên lớp, sinh viên tiến hành trao đổi thảo luận từng vấn đề theo sự giám sát và hướng dẫn của giảng viên (Vận dụng sáng tạo các hình thức thảo luận nhóm, các phương tiện trực quan sinh động để buổi thảo luận hứng thú, sinh động, dễ hiểu)
1.2.4. Nhân học sử dụng phương pháp nghiên cứu quan sát-tham dự		<b>Bước 4.</b> Sau khi trao đổi, thảo luận, GV sẽ giải đáp và làm rõ những vấn đề mà SV băn khoăn thắc mắc.
<b>1.3. Khái niệm văn hóa</b>	2	
<b>1.4. Mối liên hệ giữa nhân học và các ngành khoa học khác</b>	2	
<b>1.5. Các lĩnh vực nghiên cứu của nhân học</b>	2	
1.5.1. Nhân học hình thể (Nhân học sinh vật)		
1.5.2 Nhân học văn hóa (cultural anthropology, social anthropology, sociocultural anthropology và ethnology)		
1.5.3. Nhân học ứng dụng		
<b>Chương 2 CÁC THÁCH THỨC CỦA NHÂN HỌC ỨNG DỤNG</b>	<b>13</b>	
<b>2.1. Các lĩnh vực nghiên cứu của nhân học ứng dụng</b>	1	
2.1.1. Nhân học ứng dụng là gì?		<b>Bước 5.</b> GV nêu câu hỏi đưa ra các bài tập để kiểm tra đánh giá và nâng cao nhận thức của sinh viên
2.1.2. Phạm vi ứng dụng		
2.1.3. Chúng ta tìm kiếm ứng dụng gì ở môn học này?		
2.1.4. Nhân học như một đối tác liên ngành		
2.1.5. Vai trò của nhà nhân học thực hành		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>2.2. Lược sử hình thành và phát triển của nhân học ứng dụng</b>	3	
2.2.1. Giai đoạn trước khi chính thức trở thành chuyên ngành (trước 1860)		
2.2.2. Giai đoạn dân tộc học ứng dụng (1860-1930)		
2.2.3. Giai đoạn liên ngành (1930 – 1945)		
2.2.4. Giai đoạn mở rộng vai trò, giá trị hiện thị (1945 – 1970)		
2.2.5. Giai đoạn nghiên cứu chính sách (1970 cho đến nay)		
<b>2.3. Đạo đức nghề nghiệp của các nhà nhân học ứng dụng</b>	2	
2.3.1. Những vấn đề đạo đức trong bối cảnh lịch		
2.3.2. Vấn đề riêng tư		
2.3.3. Vấn đề về sự cho phép		
2.3.4. Vấn đề thiết thực		
2.3.5. Vấn đề thông tin liên lạc		
2.3.6. Đạo đức trong ứng dụng		
2.3.7. Những chỉ dẫn thực hành về mặt đạo đức nghề nghiệp		
2.3.8. Tuyên bố về những trách nhiệm nghề nghiệp		
2.4. Các nhà nhân học khác nhau như thế nào: Ai là chuyên gia, ai không phải là chuyên gia?	1	
2.5. Ứng dụng phương pháp nhân học	1	
2.6. Ứng dụng tri thức nhân học	1	
2.7. Các giải pháp phát triển địa phương	1	
2.8. Truyền phát giao văn hóa	1	
2.9. Đẩy mạnh tri thức vào mục đích thương mại	1	
2.10. Hỗ trợ sự phát triển đa dạng	1	
<b>CHƯƠNG 3: CÁC CÁCH TIẾP CẬN ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN TRONG NHÂN HỌC</b>	10	<b>Bước 1. Giáo viên hướng dẫn sinh viên:</b>
<b>3.1. Nhân học trong phát triển</b>	1	- Phân nhóm

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
3.1.1. Tiêu chuẩn của sự phát triển		- Phương pháp tiếp cận kiến thức
3.1.2. Nền tảng của các quan điểm		
<b>3.2. Nghiên cứu hành động và nghiên cứu hành động có sự tham gia</b>	2	- Phương pháp tự nghiên cứu. - Phương pháp làm việc nhóm.
3.2.1. Sự phát triển của cách tiếp cận		
3.2.2. Những khái niệm chính		<b>Bước 2.</b> Sinh viên: Phân các cá nhân chuẩn bị nội dung ở nhà. <b>Bước 3.</b> Các buổi học trên lớp, sinh viên tiến hành trao đổi thảo luận từng vấn đề theo sự giám sát và hướng dẫn của giảng viên (Vận dụng sáng tạo các hình thức thảo luận nhóm, các phương tiện trực quan sinh động để buổi thảo luận hứng thú, sinh động, dễ hiểu)
3.2.3. Quá trình nghiên cứu hành động có sự tham gia (PAR)		
3.2.4. Phương pháp cùng tham gia		
<b>3.3. Nghiên cứu có cộng tác</b>	2	
3.3.1. Sự phát triển của nghiên cứu có sự cộng tác		<b>Bước 4.</b> Sau khi trao đổi, thảo luận, GV sẽ giải đáp và làm rõ những vấn đề mà SV băn khoăn thắc mắc. <b>Bước 5.</b> GV nêu câu hỏi đưa ra các bài tập để kiểm tra đánh giá và nâng cao nhận thức của sinh viên
3.3.2. Những khái niệm chính trong nghiên cứu nhân học có sự cộng tác		
3.3.3. Các thành tố của sự cộng tác thành công		
3.3.4. Quá trình cộng tác trong nhân học		
<b>3.4. Chương trình đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia của người dân (PARTICIPATORY RURAL APPRAISAL: PRA)</b>	2	<b>Bước 4.</b> Sau khi trao đổi, thảo luận, GV sẽ giải đáp và làm rõ những vấn đề mà SV băn khoăn thắc mắc. <b>Bước 5.</b> GV nêu câu hỏi đưa ra các bài tập để kiểm tra đánh giá và nâng cao nhận thức của sinh viên
3.4.1. Tại sao sử dụng phương pháp PRA?		
3.4.2. Sự phát triển của cách tiếp cận		
3.4.3. Tiến trình đánh giá nhanh nông thôn		
3.4.4. RRA so sánh với PRA		
3.4. 5. Cách tiếp cận PRA		
3.4.6. Thực tế áp dụng PRA tại Việt Nam		
<b>3.5. Trung gian văn hóa</b>	1	<b>Bước 5.</b> GV nêu câu hỏi đưa ra các bài tập để kiểm tra đánh giá và nâng cao nhận thức của sinh viên
3.5.1. Sự phát triển của mô hình trung gian văn hóa		
<b>3.5.2. Các khái niệm trong trung gian văn hóa</b>	1	
3.5.3. Vai trò của trung gian văn hóa		
3.5.4. Quá trình của việc làm trung gian văn hóa		
3.5.5. Các giai đoạn của tiến trình		
3.5.6. Năng lực văn hóa		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>3.6. Tiếp thị xã hội</b>	1	
<b>3.6.1. Định nghĩa</b>		
3.6.2. Sự phát triển của cách tiếp cận		
3.6.3. Quá trình tiếp thị xã hội		
3.6.4. Tiếp thị xã hội và các nhóm tập trung		
<b>CHƯƠNG 4: NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH TRONG NHÂN HỌC</b>	<b>10</b>	
<b>4.1. Nhân học như là một nghiên cứu chính sách</b>	2	
4.1.1. Quá trình chính sách		
4.1.2. Một số thực hành nghiên cứu chính sách hiện thời		
4.1.3. Một khuôn khổ cho việc gia tăng thực hiện chính sách		
<b>4.2. Đánh giá tác động xã hội</b>	3	
4.2.1. Định nghĩa tác động xã hội		
4.2.2. Đạo luật của chính sách môi trường quốc gia		
4.2.3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường		
4.2.4. Các phương pháp và kỹ thuật		
4.2.5. Các bước trong quá trình đánh giá tác động xã hội		
<b>4.3. Đánh giá</b>	3	
4.3.1. Phương pháp luận nghiên cứu hợp nhất		
4.3.2. Quá trình đánh giá		
4.3.3. Các lý do tại sao thiết kế phần mềm lại thích hợp nhất		
4.3.4. Các lý do tại sao thiết kế phần cứng lại thích hợp nhất		
4.3.5. Các bối cảnh về vai trò của đánh giá		
4.3.6. Các bối cảnh về vai trò của đánh giá		
<b>4.4. Quản lý tài nguyên văn hóa</b>	2	
4.4.1. Trường hợp phần đất chôn cất của người châu Phi		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
4.4.2. Luật lệ và nguyên tắc		
4.4.3. Quá trình đánh giá tác động tài nguyên văn hóa		
4.4.4. Lưu trữ		
<b>ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA</b>	2	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1. Hoàng Thúy Hà (2015), *Bài giảng Nhân học ứng dụng*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Khoa Quan hệ quốc tế, Đại học Sài Gòn.

### 6.2. Tài liệu khác

2. Satish John Van Willigen. *Applied Anthropology*. Third Edition, Bergin & Garvey, First published in 2002

3. *Applied Anthropology, Domains of Application*, Edited by Kedia and John Van Willigen. Praeger. First Published in 2005.

4. *Applying Anthropology. An introductory Reader*. Sixth Edition. Aron Podolefsky, Peter J. Brown. Mc. Graw Hill. Copyright 2001.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 02

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở (thí sinh được sử dụng tài liệu), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Đăng Khánh**

**TS. Hoàng Thúy Hà**



UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN**  
**TỔNG QUAN VĂN HÓA – DU LỊCH VIỆT NAM**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **TỔNG QUAN VĂN HÓA - DU LỊCH VIỆT NAM**
- Mã học phần: 835022
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (20/10)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: KHOA HỌC CƠ BẢN**

**3. Mô tả học phần**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về những hoạt động của ngành du lịch. Qua đó, sinh viên hiểu được cơ cấu của ngành du lịch và những yêu cầu cần thiết của người làm du lịch trong tương lai.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về ngành du lịch Việt Nam, đồng thời đưa ra các dự báo về cơ hội nghề nghiệp trong tương lai giúp sinh viên định hướng nghề nghiệp phù hợp nhu cầu xã hội.

4.2. Về kỹ năng

Sinh viên học xong môn học này sẽ có được những kỹ năng nghiên cứu, phát triển du lịch phù hợp với các vùng tài nguyên.

4.3. Về thái độ

Môn học giúp sinh viên có được những nhận thức đúng đắn về những giá trị tài nguyên trong phát triển du lịch. Từ đó có thái độ học tập chuyên môn, rèn luyện kỹ năng nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Những lý luận về văn hóa du lịch</b>	<b>10</b>	Giảng viên thuyết giảng. Sử dụng video clip minh họa. Sinh viên nghiên cứu tài liệu
<b>1.1. Du lịch</b>	<b>5</b>	
1.1.1. Khái niệm		
1.1.2. Phân loại du lịch		
1.1.3. Động cơ du lịch		
1.1.4. Nhu cầu du lịch		
1.1.5. Tính thời vụ trong du lịch		
<b>1.2. Văn hóa</b>	<b>3</b>	
1.2.1. Khái niệm		
1.2.2. Nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa vật thể		
1.2.3. Nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa phi vật thể		
<b>1.3. Mối quan hệ giữa văn hóa và du lịch</b>	<b>2</b>	
1.3.1. Tác động của du lịch tới môi trường văn hóa, xã hội		
1.3.2. Tác động của văn hóa tới sự phát triển du lịch		
<b>Chương 2. Ngành du lịch Việt Nam</b>	<b>20</b>	Sinh viên tự chọn chủ đề thuyết minh theo nhóm
<b>2.1. Vị trí, vai trò của du lịch Việt Nam trong sự phát triển kinh tế - xã hội đất nước</b>	<b>10</b>	
<b>2.2. Các yếu tố cấu thành ngành du lịch</b>		
2.2.1. Tài nguyên du lịch		
2.2.2. Thị trường và sản phẩm du lịch		
2.2.3. Dịch vụ vận chuyển		
2.2.4. Dịch vụ lưu trú		
2.2.5. Dịch vụ ăn uống		
2.2.6. Các hoạt động vui chơi, giải trí		
2.2.7. Kinh doanh dịch vụ du lịch		
<b>2.3. Một số tổ chức du lịch quốc tế và Việt Nam</b>	<b>2</b>	Thuyết giảng. Sinh viên thực hành phân tích tác động của hợp tác quốc tế đối với du lịch.
2.3.1. Các tổ chức du lịch quốc tế		
2.3.2. Các tổ chức quản lý du lịch Việt Nam		
<b>2.4. Hợp tác quốc tế về du lịch</b>	<b>3</b>	
2.4.1. Các chính sách hợp tác quốc tế về du lịch		

2.4.2. Hợp tác với cơ quan du lịch quốc tế và khu vực		
<b>2.5. Cơ hội nghề nghiệp du lịch</b>	<b>5</b>	Các nhóm sinh viên thuyết minh.
2.5.1. Dự báo thị trường lao động		
2.5.2. Các công việc trong ngành du lịch		
2.5.3. Yêu cầu của công việc trong ngành du lịch		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Trần Đức Thanh (2005), *Nhập môn khoa học du lịch*, NXB ĐHQG, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

2. Trần Thị Thúy Lan, Nguyễn Đình Quang (2005), *Tổng quan du lịch*, NXB Hà Nội.
3. Ngô Thị Diệu An, Nguyễn Thị Oanh Kiều (2014), *Giáo trình tổng quan du lịch*, NXB Đà Nẵng
4. Trần Thúy Anh (Chủ biên) (2011), *Giáo trình du lịch văn hóa - Những vấn đề lý luận và nghiệp vụ*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở (sinh viên được sử dụng tài liệu), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.1;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà    TS. Nguyễn Đăng Khánh    ThS. Nguyễn Thị Lan Hạnh**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

## HỌC PHẦN ĐẠI CƯƠNG LỊCH SỬ VIỆT NAM

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **ĐẠI CƯƠNG LỊCH SỬ VIỆT NAM**
- Mã học phần: 835303
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (21/9)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: KHOA HỌC CƠ BẢN

### 3. Mô tả học phần:

- Học phần bao gồm những kiến thức về cơ sở phân kỳ lịch sử nói chung, lịch sử dân tộc nói riêng; kiến thức về nội dung và đặc điểm của lịch sử dân tộc qua các thời kỳ từ nguồn gốc đến nay.
- Cùng với tiến trình lịch sử dân tộc là quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam. Sự phát triển của lịch sử dân tộc gắn liền với quá trình đấu tranh chống ngoại xâm giành và bảo vệ độc lập dân tộc, bảo vệ di sản văn hóa của dân tộc. Từ những kiến thức lịch sử, rút ra nhiều bài học về: xây dựng chính quyền vững mạnh, phát huy khối đoàn kết toàn dân trong xây dựng và bảo vệ đất nước, ý thức trân trọng và phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng nền kinh tế tự chủ,... để phát huy và vận dụng vào thực tiễn của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.
- Nhận định xu hướng phát triển của Việt Nam trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa.

### 4. Mục tiêu cụ thể của học phần

4.1. Về kiến thức: Giúp người học nắm được:

- Hệ thống kiến thức cơ bản về tiến trình lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến nay.
- Nội dung, đặc điểm của từng giai đoạn, từng thời kỳ lịch sử trong tiến trình lịch sử dân tộc.
- Một số vấn đề cập nhật về tình hình Việt Nam trong bối cảnh khu vực và thế giới hiện nay.

- Từ kiến thức lịch sử, giúp người học nhận diện được giá trị văn hóa dân tộc để phát huy trong hiện tại và tương lai.

4.2. Về kỹ năng: Giúp người học:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng áp dụng phương pháp lịch sử, phương pháp tư duy logic, tổng hợp, phân tích, suy luận, làm việc nhóm,... trong quá trình tìm hiểu từng nội dung cụ thể của môn học.

- Trang bị cho người học phương pháp tiếp cận, phân tích tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa – tư tưởng, xã hội Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, từ đó rút ra quy luật và những bài học lịch sử, áp dụng vào thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển và bảo vệ đất nước.

- Vận dụng kiến thức được học phục vụ cho từng công việc cụ thể; áp dụng những bài học và quy luật lịch sử trong việc nhìn nhận, đánh giá khách quan, đúng đắn những vấn đề của lịch sử dân tộc trong quá khứ và trong thực tiễn.

4.3. Về thái độ:

- Bồi đắp tình yêu quê hương đất nước và lòng tự hào dân tộc; trân trọng những thành quả của các bậc tiền nhân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Giúp người học hiểu đúng những vấn đề về lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến nay trên cơ sở khoa học, khách quan, từ đó xác định được vai trò, trách nhiệm cũng như thái độ ứng xử đúng đắn của bản thân trước những vấn đề của lịch sử dân tộc trong quá khứ và phát huy trong hiện tại, tương lai.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Phần I: Khái quát chung</b>	4	- GV giới thiệu môn học, kế hoạch học tập học phần Đại cương LSVN. - GV hướng dẫn SV sử dụng phương pháp đặc trưng của môn học là phương pháp lịch sử và phương pháp logic, cùng với các phương pháp liên ngành như phân tích, tổng hợp,... trong suốt quá trình học học phần Đại cương LSVN - SV nghe giảng và thảo luận tại lớp
1. Khái quát những yếu tố địa lý – xã hội - văn hóa tác động đến tiến trình lịch sử Việt Nam		
a. Điều kiện địa lý - xã hội – văn hóa		
b. Bối cảnh khu vực – quốc tế tác động		
2. Phân kỳ lịch sử		
3. Giới thiệu khái quát các thời kỳ phát triển của lịch sử Việt Nam		

		- GV hướng dẫn sinh viên nắm được nguyên tắc, cơ sở phân kỳ lịch sử và các thời kỳ phát triển của LSVN từ nguồn gốc đến nay.
<b>Phần II: Tiến trình Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến nay</b>		
<b>Chương 1: Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ X</b>	4	-SV nghe giảng và thảo luận tại lớp - GV đặt vấn đề, SV thảo luận: vai trò của nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc đối với quá trình hình thành và phát triển nền văn hóa dân tộc; mối liên hệ của quá trình hình thành, phát triển, suy vong của vương quốc Champa và vương quốc Phù Nam với quá trình mở rộng lãnh thổ Việt Nam; ý nghĩa của các cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta thời Bắc thuộc, đặc biệt là ý nghĩa của chiến thắng Bạch Đằng năm 938,...
1.1. Việt Nam thời nguyên thủy		
1.2. Các quốc gia cổ đại trên đất nước Việt Nam		
1.3. Thời Bắc thuộc và các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc (179 tr.cn - 938)		
<b>Chương 2: Lịch sử Việt nam từ thế kỷ X đến năm 1858</b>	4	- SV thuyết trình theo các chủ đề được giao (Theo kế hoạch học tập). - GV đặt một số vấn đề, SV thảo luận: thành tựu và vai trò của nền văn minh Đại Việt đối với sự phát triển văn hóa dân tộc; vấn đề thống nhất đất nước thời Tây Sơn và nhà Nguyễn; vấn đề mở rộng lãnh thổ dưới thời các chúa Nguyễn và nhà Nguyễn,...
2.1. Việt Nam từ thế kỷ X đến cuối thế kỷ XV		
2.2. Việt Nam từ đầu thế kỷ XVI đến giữa thế kỷ XIX		- GV nhận xét, cho điểm

<b>Chương 3: Lịch sử Việt nam từ 1858 đến năm 1945</b>	8	- SV thuyết trình theo chủ đề được giao (theo kế hoạch học tập).
3.1. Việt Nam từ khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược (1858) đến cuối thế kỷ XIX		- GV đặt một số vấn đề, SV thảo luận: nguyên nhân dẫn đến mất nước; nguyên nhân thất bại của phong trào kháng Pháp theo lập trường phong kiến và theo khuynh hướng dân chủ tư sản; vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945,...
3.2. Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến năm 1930		
3.2.1. Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc (1919)		
3.2.2. Việt Nam từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất (1919) đến năm 1930		
3.3. Việt Nam trong giai đoạn 1930 – 1945		
3.3.1. Cách mạng Việt Nam giai đoạn 1930 – 1939		
3.3.2. Cuộc vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945) và sự ra đời của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa		- GV nhận xét, cho điểm
<b>Chương 4: Lịch sử Việt nam từ 1945 đến nay</b>	8	- SV thuyết trình theo chủ đề được giao (theo kế hoạch học tập)
4.1. Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa từ sau ngày 02/9/1945 đến trước ngày 19/12/1946		- GV nhận xét, cho điểm
4.2. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ (1946 - 1954)		- SV xem các đoạn phim tư liệu về các chiến dịch lớn trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, chiến tranh phá hoại của Mĩ ở miền Bắc, Tổng tấn công và nổi dậy mùa xuân 1975,...
4.3. Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội (1954 - 1975)		
4.4. Khôi phục, xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước từ sau năm 1975 đến nay		
<b>Phần III: Tổng kết:</b>	2	- GV hướng dẫn SV tổng kết học phần theo 4 chủ đề gợi ý.
1. Những nội dung chính của Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến nay		- GV nhận xét, đánh giá quá trình học tập của sinh viên.
2. Một số vấn đề cập nhật về tình hình Việt Nam trong bối cảnh khu vực và thế giới hiện nay		
3. Nhận định xu hướng phát triển của Việt Nam trong xu thế hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay		
4. Những giá trị văn hóa và truyền thống tốt đẹp		

của dân tộc được hình thành trong tiến trình lịch sử.		
---	--	--

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1. Trương Hữu Quýnh (Chủ biên, 2014), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập I, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên, 2014), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập II, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Lê Mậu Hãn (Chủ biên, 2014), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập III, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác:

4. Đào Duy Anh (2013), *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến thế kỷ XIX*, Nxb KHXH.
5. Nguyễn Đình Đầu (2013), *Việt Nam Quốc hiệu & Cương vực*, Nxb Trẻ, TP.HCM.
6. Trần Trọng Kim (2011), *Việt Nam sử lược*, Nxb KHXH.
7. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên, 2004), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/ hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1

- Điểm thuyết trình và thảo luận trên lớp: hệ số 0,3

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

TP. HCM, ngày tháng năm 2016

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Đăng Khánh**

**ThS. Trần Thị Ánh**



UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN**  
**VĂN HỌC – NGHỆ THUẬT VIỆT NAM**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **VĂN HỌC – NGHỆ THUẬT VIỆT NAM**
- Mã học phần: 835304
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (25/20)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần: Không
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: KHOA HỌC CƠ BẢN**

**3. Mô tả học phần**

Môn học trang bị những hiểu biết toàn diện và cơ bản về văn học-nghệ thuật Việt Nam từ lịch sử phát triển, sự phân loại các loại hình nghệ thuật đến những đặc điểm chức năng, hình thức và quy luật biểu hiện và phương pháp nghiên cứu.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Nắm vững những kiến thức cơ bản về văn học-nghệ thuật Việt Nam từ lịch sử phát triển, sự phân loại các loại hình nghệ thuật đến những đặc điểm chức năng, hình thức và quy luật biểu hiện và phương pháp nghiên cứu

4.2. Về kỹ năng

- Rèn luyện và phát triển kỹ năng, năng lực trải nghiệm, giao tiếp và đánh giá, năng lực diễn đạt, phân tích và diễn giải, năng lực kỹ thuật để xử lý và giải quyết các sự kiện, hiện tượng trong thực tiễn đời sống văn học-nghệ thuật Việt Nam.

4.3. Về thái độ

- SV biết yêu quý và trân trọng những giá trị của văn học-nghệ thuật Việt Nam, từ đó có những thái độ ứng xử đúng đắn, góp phần vào việc giữ gìn bản sắc của văn hoá dân tộc.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Những vấn đề chung về các loại hình văn học-nghệ thuật</b>	<b>5</b>	
<p>1.1. Các khái niệm liên quan</p> <p>1.2. Đối tượng phản ánh và nội dung của văn học-nghệ thuật</p> <p>1.3. Đặc trưng của văn học-nghệ thuật:</p> <p>1.3.1. Tính hình tượng</p> <p>1.3.2. Tính biểu cảm</p> <p>1.3.3. Tính thẩm mỹ</p> <p>1.3.4. Tính phản ánh và sáng tạo</p> <p>1.3. Chức năng của văn học-nghệ thuật</p> <p>13.1. Chức năng nhận thức</p> <p>1.3.2. Chức năng giáo dục</p> <p>1.3.3. Chức năng thẩm mỹ</p> <p>1.3.4. Các chức năng khác (Chức năng giao tiếp, chức năng giải trí,...)</p> <p>1.4. Nguồn gốc và sự phát triển của văn học-nghệ thuật</p> <p>1.5. Môi quan hệ giữa tư tưởng, triết học và văn học-nghệ thuật</p> <p>1.6. Sự phân loại các loại hình văn học- nghệ thuật</p> <p>1.7. Các phương pháp nghiên cứu</p>		<p>-SV chuẩn bị ở nhà, đọc kĩ tài liệu chính: (1), (2), (3) và tài liệu khác: (6), (7); tổ chức nội dung thuyết trình nhóm theo gợi ý đề tài của GV;</p> <p>Trên lớp: tích cực tham gia xây dựng bài ở lớp.</p> <p>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng =&gt; tổ chức tương tác nhóm, điều khiển, định hướng để SV nhận thức nắm các kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc trưng, chức năng, nguồn gốc, mối quan hệ, sự phân loại các loại hình văn học-nghệ thuật và các phương pháp nghiên cứu</p> <p>-Đánh giá SV theo 2 tiêu chí: 1. Chuẩn bị bài ở nhà 2. Tích cực tham gia có hiệu quả nội dung bài học trên lớp.</p>
<b>Chương 2. Nghệ thuật văn chương Việt Nam</b>	<b>10</b>	
<p>2.1. Văn học dân gian Việt Nam</p> <p>2.1.1. Khái niệm và nội dung biểu hiện: (Lao động sản xuất, tình yêu quê hương đất nước con người và đấu tranh với thế lực tự nhiên và xã hội,...)</p> <p>2.1.2. Hệ thống thể loại: (ca dao, dân ca, hò, vè,...)</p> <p>2..2. Văn học viết Việt Nam</p> <p>2.2.1. Khái niệm và nội dung biểu hiện (Nội dung yêu nước; nội dung nhân đạo; nội dung dân chủ)</p>		<p>-SV đọc kĩ tài liệu chính: (1), (2), và tài liệu khác: (7), (8); tổ chức nội dung thuyết trình nhóm theo gợi ý đề tài của GV;</p> <p>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng =&gt; tổ chức tương tác nhóm, điều</p>

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p>2.2.2. Các hình thức nghệ thuật chủ yếu (Các thể loại thơ, văn xuôi; chất liệu ngôn ngữ)</p> <p>2.2.3. Các khuynh hướng, trào lưu và tác giả, tác phẩm tiêu biểu qua các thời kì văn học</p> <p>2.3. <i>Thực hành minh giải/ minh họa: Nghiên cứu về đất nước, con người Việt Nam qua một số tác phẩm văn chương.</i></p>		<p>khiển, định hướng để SV nhận thức nắm các kiến thức cơ bản về khái niệm, hệ thống các thể loại, khuynh hướng, trào lưu và tác giả, tác phẩm tiêu biểu văn học Việt Nam</p> <p>- GV cho SV thực hành minh giải/ minh họa một số tác phẩm văn chương tiêu biểu</p>
<b>Chương 3. Nghệ thuật biểu diễn Việt Nam</b>	<b>10</b>	
<p>3.1. <i>Âm nhạc</i></p> <p>3.1.1. Khái niệm</p> <p>3.1.2. Đối tượng và hình thức thể hiện</p> <p>3.1.2.1. Theo hình thức thể hiện-cấu trúc (Thanh nhạc, khí nhạc, thể loại tổng hợp)</p> <p>3.1.2.2. Theo quy mô, nội dung thể hiện (Nhạc nhẹ, nhạc kinh viện)</p> <p>3.1.2.3. Theo chủ thể, khuynh hướng, mục đích sáng tạo (nhạc dân gian, nhạc cung đình, nhạc nghi lễ, nhạc chuyên nghiệp,..)</p> <p>3.1.3. Thành tựu tiêu biểu (Một số tác phẩm là Di sản thế giới / đoạt giải thưởng Nhà nước về văn học-nghệ thuật)</p> <p>3.1.2.4. Ngôn ngữ và hình tượng âm nhạc</p> <p>3.2. <i>Múa</i></p> <p>3.2.1. Khái niệm</p> <p>3.2.2. Đối tượng và hình thức thể hiện: (Múa dân gian, múa cung đình, múa nghi lễ, múa giải trí, kịch múa;/ múa đơn, múa đôi, múa tập thể)</p> <p>3.2.3. Thành tựu tiêu biểu (Một số tác phẩm đoạt giải thưởng Nhà nước về văn học-nghệ thuật)</p> <p>3.3. <i>Sân khấu</i></p> <p>3.3.1. Khái niệm</p> <p>3.3.2. Đối tượng và hình thức thể hiện: (Kịch hát</p>		<p>--SV đọc kỹ tài liệu chính: (1), (2), và tài liệu khác: (7), (8); tổ chức nội dung thuyết trình nhóm theo gợi ý đề tài của GV;</p> <p>SV chuẩn bị ở nhà, đọc kỹ tài liệu chính: (1), (2), và tài liệu khác: (6), (7), (8); tổ chức nội dung thuyết trình nhóm theo gợi ý đề tài của GV; tích cực tham gia xây dựng bài ở lớp.</p> <p>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng =&gt; tổ chức tương tác nhóm, điều khiển, định hướng để SV nhận thức nắm các kiến thức cơ bản về nghệ thuật biểu diễn Việt Nam .</p> <p>- GV cho SV thực hành minh họa một số tác phẩm tiêu biểu thuộc các loại hình thể loại, đặc biệt là những tác phẩm là Di sản thế giới /</p>

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p>dân tộc, kịch thơ, kịch nói, kịch múa, kịch hát, kịch câm, kịch múa rối hoặc phân loại theo cảm hứng chủ đạo (bi kịch, hài kịch, chính kịch)</p> <p>3.3.4. Thành tựu tiêu biểu (Một số tác phẩm đoạt giải thưởng Nhà nước về văn học-nghệ thuật)</p> <p>3.4. Điện ảnh</p> <p>3.4.1. Khái niệm</p> <p>3.4.2. Các thành tố của điện ảnh (tất cả các nghệ thuật, kĩ thuật, hình tượng thị giác và chuyển động)</p> <p>3.4.3. Phân loại: Phim truyện (phim nghệ thuật, phim truyền hình, phim hoạt hình,..) Phim thời sự, tài liệu</p> <p>2.2.4.4. Thành tựu tiêu biểu (Một số tác phẩm đoạt giải thưởng Nhà nước về văn học-nghệ thuật)</p> <p>3.5. Thực hành minh giải/ minh họa: Nghiên cứu đất nước, con người Việt Nam qua một số tác phẩm nghệ thuật biểu diễn</p>		<p>đoạt giải thưởng Nhà nước về văn học-nghệ thuật.</p> <p>-Đánh giá báo cáo thuyết trình/ tiểu luận giữa kì của SV theo 4 tiêu chí:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chuẩn bị báo cáo đầy đủ, chính xác, đúng trọng tâm.</li> <li>2. Trình bày báo cáo: lưu loát, rõ ràng, đúng thời gian.</li> <li>3. Khả năng giải quyết các vấn đề đặt ra và tương tác với các nhóm khác và với GV.</li> <li>4. Hoàn thiện báo cáo và nộp đúng thời hạn</li> </ol>
<p><b>Chương 4. Nghệ thuật tạo hình Việt Nam</b></p>	<p><b>10</b></p>	
<p>4.1. Kiến trúc</p> <p>4.1.1. Khái niệm</p> <p>4.1.2. Đối tượng và hình thức thể hiện</p> <p>4.1.2.1. Loại kiến trúc không gian sinh tồn thực dụng (nhà ở, cửa hàng, bến xe, ..)</p> <p>4.1.2.2. Loại kiến trúc không gian sinh tồn tinh thần (Đền, miếu, nhà thờ, lăng mộ, rạp hát, công viên, quảng trường...)</p> <p>4.1.2.3. Thành tựu tiêu biểu (Một số tác phẩm là Di sản thế giới / giải thưởng Nhà nước về văn học-nghệ thuật)</p> <p>4.2. Điêu khắc</p> <p>4.1.1. Khái niệm</p> <p>4.1.2. Đối tượng và hình thức thể hiện: Tượng, phù điêu, tượng đài,...) Chất liệu (đá, gỗ, đồng,..) Ngôn ngữ ( Khối, nét, mảng)</p> <p>4.1.2.3. Thành tựu tiêu biểu (Một số tác phẩm là Bảo vật quốc gia)</p>		<p>SV đọc kĩ tài liệu chính: (3) và tài liệu khác: (4), (5) (6), (7), (8), (9), (10); tích cực tham gia xây dựng bài ở lớp.</p> <p>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng =&gt; tổ chức tương tác nhóm, điều khiển, định hướng SV nắm các kiến thức cơ bản về nghệ thuật tạo hình Việt Nam .</p> <p>- GV cho SV thực hiện hoạt động thực hành minh giải một số tác phẩm tiêu biểu thuộc các loại hình thể loại, đặc biệt là những tác phẩm là Di sản thế giới/ Bảo vật quốc gia/ đoạt giải thưởng</p>

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p>4.3. Hội họa</p> <p>4.3.1. Khái niệm</p> <p>4.3.2. Đối tượng và hình thức thể hiện: Theo đối tượng (Tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật, tranh chân dung, tranh cổ động, quảng cáo,..) theo chất liệu (Tranh sơn dầu, sơn mài, tranh lụa, màu nước, kí họa,..) theo phương thức sáng tác (Tranh dân gian, cổ điển, tranh hiện thực siêu thực, tượng trưng,..)</p> <p>4.3.3. Thành tựu tiêu biểu (Một số tác phẩm là Bảo vật quốc gia)</p> <p>4.4. Thực hành minh giải/ minh họa: Nghiên cứu đất nước, con người Việt Nam qua một số tác phẩm nghệ thuật tạo hình.</p>		<p>Nhà nước về văn học-nghệ thuật.</p> <p>-Đánh giá báo cáo thuyết trình/ tiểu luận giữa kì của SV theo 4 tiêu chí (đã nêu ở trên)</p>

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Đinh Gia Khánh (chủ biên) - Chu Xuân Diên- Võ Quang Nhơn (2010), *Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Giáo dục.
2. Lê Trí Viễn (1987), *Đặc điểm lịch sử văn học Việt Nam*, Nxb ĐH&THCN.
3. Đặng Thái Hoàng-Nguyễn Văn Đỉnh (chủ biên) 2013, *Giáo trình lịch sử nghệ thuật* (tập 1), Nxb Xây dựng.

### 6.2. Tài liệu khác

4. Phạm Anh Dũng (chủ biên)-Nguyễn Thị Lan (2014), *Kiến trúc đình chùa Nam Bộ*, Nxb Xây dựng.
5. Nguyễn Duy Hình (2013), *Văn minh Lạc Việt*, . NXB Văn hóa – Thông tin.
6. Đỗ Văn Khang (2004), *Nghệ thuật học*, Nxb ĐHQG HN.
7. Trần Ngọc Thêm (2009), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB GD, tái bản.
8. Trần Ngọc Thêm (2004), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam: cái nhìn hệ thống – loại hình*, NXB TP Hồ Chí Minh,
9. Chu Quang Trứ (2013), *Văn hóa Việt Nam nhìn từ mỹ thuật*, Nxb Mỹ thuật.
10. Nguyễn Quân (2006), *Ngôn ngữ của hình và màu sắc*, Nxb Văn hóa-Thông tin.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở (thí sinh được sử dụng tài liệu), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số: 0.5

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà      TS. Nguyễn Đăng Khánh      TS. Nguyễn Đăng Khánh**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN**  
**VĂN HÓA PHƯƠNG ĐÔNG - PHƯƠNG TÂY**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **VĂN HÓA PHƯƠNG ĐÔNG - PHƯƠNG TÂY**
- Mã học phần: 835305
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (25/20)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần: Không
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: KHOA HỌC CƠ BẢN**

**3. Mô tả học phần**

Môn học trang bị những hiểu biết toàn diện và cơ bản về văn hóa phương Đông-phương Tây bao gồm: đặc điểm hai loại hình văn hóa trọng tĩnh và trọng động. cơ sở triết học-tư tưởng, đặc điểm, thành tựu và sự ảnh hưởng của văn hóa phương Đông-phương Tây ra khu vực và thế giới

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

- Nắm vững những kiến thức cơ bản của môn học về đặc điểm hai loại hình văn hóa trọng tĩnh và trọng động. cơ sở triết học-tư tưởng của hai loại hình văn hóa, đặc điểm đối sánh các hệ giá trị, những thành tựu và sự ảnh hưởng của văn hóa phương Đông-phương Tây ra khu vực và thế giới

4.2. Về kỹ năng

- Rèn luyện và phát triển kỹ năng, năng lực trải nghiệm, giao tiếp và đánh giá, năng lực diễn đạt, phân tích và diễn giải, năng lực kỹ thuật để xử lý và giải quyết các sự kiện, hiện tượng văn hoá trong thực tiễn đời sống văn hóa phương Đông-phương Tây.

4.3. Về thái độ

- SV biết yêu quý và trân trọng những giá trị của văn hóa phương Đông-phương Tây, từ đó có những thái độ ứng xử đúng đắn, góp phần vào việc tiếp thu những giá trị bản sắc của các dân tộc phương Đông-phương Tây trong dòng chảy của hội nhập và toàn cầu hóa hiện nay.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Khái quát về phương Đông - phương Tây</b>	<b>15</b>	
<p>1.1. Khái niệm phương Đông - phương Tây</p> <p>1.2. Không gian văn hóa phương Đông- phương Tây</p> <p>1.2.1. Tiêu chí phân định không gian văn hóa</p> <p>1.2.2. Xác định phương Đông- phương Tây</p> <p>1.2.2.1. Tọa độ địa lí và hằng số tự nhiên của phương Đông- phương Tây</p> <p>a) Phương Đông: vùng Đông-Nam (toàn bộ châu Á và châu Phi)</p> <p>b) Phương Tây: vùng Tây-Bắc (gồm Tây Âu-Bắc Mỹ- Mỹ La tinh)</p> <p>1.2.2.2. Chủng tộc, ngôn ngữ:</p> <p>a). Sự hình thành và phân bố các chủng người ở trung tâm phía Đông(Úc-Á): a) Đại chủng Á (Mongoloid)</p> <p>b) Đại chủng Úc, hay phương Nam (Australoid)</p> <p>b) Sự hình thành và phân bố các chủng người ở trung tâm phía Tây (Phi-Âu): a) Đại chủng Âu (Europeoid)</p> <p>b) Đại chủng Phi (Negroid).</p> <p>1.2.2.3. Tư tưởng, tôn giáo:</p> <p>a) Phương Đông: Ấn Độ và Trung Hoa;</p> <p>b) Phương Tây: Hy Lạp và La Mã cổ đại</p> <p>1.3. Các loại hình văn hóa nhân loại</p> <p>1.3.1. Tiêu chí phân định</p> <p>1.3.1.1. Phân định theo định hướng hành vi</p> <p>1.3.1.2. Phân định theo cấu trúc-hệ thống</p> <p>1.3.2. Hai loại hình văn hóa trọng tĩnh và trọng động</p> <p>1.3.2.1. Đặc trưng loại hình văn hóa nông nghiệp trọng tĩnh phương Đông</p> <p>1.3.2.2. Đặc trưng loại hình văn hóa du mục trọng động phương Tây</p>		<p>-SV chuẩn bị ở nhà: đọc kĩ tài liệu chính: (1), (2), (3) và tài liệu khác: (6), (7); tổ chức nội dung thuyết trình theo gợi ý đề tài của GV;</p> <p>Trên lớp: SV tích cực tham gia xây dựng bài ở lớp.</p> <p>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng =&gt; tổ chức điều khiển nhóm thuyết trình để SV nắm các kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở tự nhiên, xã hội, hai loại hình kinh tế, hai loại hình văn hóa trọng tĩnh và trọng động phương Đông-phương Tây</p> <p>-Đánh giá SV theo 2 tiêu chí: 1. Chuẩn bị bài ở nhà</p> <p>2. Tích cực tham gia có hiệu quả nội dung bài học trên lớp.</p>
<b>Chương 2. Cơ sở, đặc điểm và thành tựu văn hóa phương Đông-phương Tây</b>	<b>15</b>	
2.1.Cơ sở triết học-tư tưởng của văn hóa phương		SV chuẩn bị ở nhà: đọc kĩ



<p>Đông-phương Tây</p> <p>2.1.1. Đối tượng của triết học</p> <p>2.1.2. Phương pháp nhận thức</p> <p>2.2. Đặc điểm văn hóa phương Đông-phương Tây</p> <p>2.2.1. Các khu vực phương Đông và phương Tây</p> <p>2.2.2. Đối sánh các hệ giá trị văn hóa phương Đông-phương Tây</p> <p>2.2.2.1. Tính chất nông nghiệp–nông thôn phương Đông và tính chất du mục, thương nghiệp, đô thị và công nghiệp phương Tây</p> <p>2.2.2.2. Tính chất “chủ toàn”, tổng hợp phương Đông và tính chất “chủ biệt”, phân tích, khách quan phương Tây</p> <p>2.2.2.3. Tính chất trọng cộng đồng, trọng tình cảm, mềm dẻo phương Đông và tính chất trọng cá nhân, trọng lí, trọng nguyên tắc phương Tây</p> <p>2.2.2.4. Tính chất hòa đồng thuận tự nhiên phương Đông và tính chất coi thường, chinh phục tự nhiên phương Tây</p> <p>2.2.2.5. Tính chất trọng tĩnh, hướng nội và khép kín phương Đông và tính chất trọng động, hướng ngoại, cởi mở phương Tây</p> <p>2.3. Thành tựu của văn hoá phương Đông-phương Tây</p> <p>2.3.1. Về khoa học-kỹ thuật: phương Đông với toán học, thiên văn, địa lí, y học; phương Tây với các cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và thời hậu công nghiệp</p> <p>2.3.2. Về triết học: phương Đông với vấn đề con người, vấn đề biện chứng, vấn đề luân lí, đạo đức; phương Tây với chủ nghĩa Thần học, Khai sáng</p> <p>2.3.3. Về tôn giáo: phương Đông với Bàlamôn giáo (Brahmanism) Hindu giáo, Phật giáo (Buddhism) Hồi giáo (Islam); phương Tây với Ki-tô giáo</p> <p>2.3.4. Về ngôn ngữ: phương Đông với chữ viết Ai Cập, chữ Luỡng Hà, chữ Ấn Độ, chữ Pali. chữ Thái, Lào, Chăm, Khmer; phương Tây với chữ La-tinh</p> <p>2.3.5. Về văn học: phương Đông với sử thi Ấn Độ Mahabharata và Ramayana, Kinh Thi, thơ Đường (Trung Quốc), Nghìn lẻ một đêm (Luỡng Hà);</p>	<p>tài liệu chính: (1), (2), (3) và tài liệu khác: (5), (6); tổ chức nội dung thuyết trình theo gợi ý đề tài của GV;</p> <p>- Theo sự phân nhóm, GV nêu vấn đề+đàm thoại+thuyết giảng =&gt; điều khiển, tương tác với các nhóm thuyết trình để định hướng cho SV nắm các kiến thức cơ bản về cơ sở triết học tư tưởng, đặc điểm đối sánh các hệ giá trị văn hóa và thành tựu văn hóa phương Đông-phương Tây</p> <p>- Đánh giá báo cáo thuyết trình/ tiểu luận giữa kì của SV theo 4 tiêu chí:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chuẩn bị báo cáo đầy đủ, chính xác, đúng trọng tâm.</li> <li>2. Trình bày báo cáo: lưu loát, rõ ràng, đúng thời gian.</li> <li>3. Khả năng giải quyết các vấn đề đặt ra và tương tác với các thành viên nhóm khác và với GV.</li> <li>4. Hoàn thiện báo cáo và nộp đúng thời hạn</li> </ol>
---	---

<p>phương Tây với sử thi Hi Lạp-La Mã cổ đại</p> <p>2.3.6. Nghệ thuật: phương Đông với Kim tự tháp Ai Cập, kiến trúc Hindu giáo và Phật giáo Ấn Độ, kiến trúc cung điện A-rập; phương Tây với nghệ thuật Hy-La cổ đại</p>		
<p><b>Chương 3. Sự tiếp xúc và ảnh hưởng của văn hóa phương Đông-phương Tây ra khu vực và thế giới</b></p>	<b>15</b>	
<p>3.1. Từ nền văn minh tối cổ phương Đông- phương Tây</p> <p>3.1.1. Những nền văn minh cổ đại phương Đông: Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, A-rập, Trung Hoa</p> <p>1.5.2. Những nền văn minh cổ đại phương Tây: Hy Lạp và La Mã</p> <p>3.2. Các con đường tiếp xúc văn hóa phương Đông-phương Tây</p> <p>3.2.1. Con đường thương mại hàng hải</p> <p>3.2.2. Con đường du lịch</p> <p>3.2.3. Con đường xâm lược, chinh phục</p> <p>3.2.4. Con đường nghệ thuật</p> <p>3.2.5. Con đường di dân</p> <p>3.3. Sự ảnh hưởng của văn hóa phương Đông-phương Tây</p> <p>3.3.1. Ảnh hưởng của phương Đông: văn hóa A-rập, Ấn Độ, văn hóa Đông Bắc Á (Hàn Quốc, Nhật Bản,..)</p> <p>3.3.2. Ảnh hưởng của phương Tây: văn hóa Hy-La, văn hóa Âu-Mỹ hiện đại</p>		<p>- SV chuẩn bị ở nhà: đọc kỹ tài liệu chính: (1), (2), (3) và tài liệu khác: (5), (6), (7); tổ chức nội dung thuyết trình theo gợi ý đề tài của GV;</p> <p>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng =&gt; tổ chức điều khiển nhóm thuyết trình để SV nhận thức các kiến thức cơ bản về sự tiếp xúc và ảnh hưởng của văn hóa phương Đông-phương Tây ra khu vực và thế giới theo hệ thống các tiêu mục của chương, từ 3.1. đến 3.3. thông qua các đề tài nhóm.</p> <p>- Đánh giá báo cáo thuyết trình/ tiểu luận giữa kì của SV theo 4 tiêu chí (đã nêu ở Chương 2)</p>

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Mai Ngọc Chừ (2009), *Văn hóa và ngôn ngữ phương Đông*, NXB Phương Đông
2. Konrat (1997), *Phương Tây và phương Đông*, NXB Giáo Dục
3. Nguyễn Đức Hòa (2011), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Trẻ.

### 6.2. Tài liệu khác

4. Phạm Tuấn Anh (2005), *Một góc nhìn phương Đông-phương Tây & cục diện thế giới*, NXB Thanh Niên.



UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

## HỌC PHẦN ĐỊA LÝ DU LỊCH VIỆT NAM

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **ĐỊA LÝ DU LỊCH VIỆT NAM**
- Mã học phần: 835103
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (25/20)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: KHOA HỌC CƠ BẢN

### 3. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản và phương pháp nghiên cứu về địa lý du lịch; vận dụng nghiên cứu phát triển tại từng vùng du lịch cụ thể. Từ đó, giúp sinh viên có kiến thức tổng quan về hệ thống tài nguyên du lịch Việt Nam.

### 4. Mục tiêu học phần

#### 4.1. Về kiến thức

- Nắm vững bản chất đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của khoa học Địa lí du lịch.

- Nắm vững những tri thức cơ bản và cập nhật về Địa lí du lịch.

#### 4.2. Về kỹ năng

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các nguồn lực phát triển du lịch theo ngành và theo lãnh thổ.

- Có khả năng viết, trình bày các báo cáo về đề tài nghiên cứu liên quan đến dự án phát triển kinh doanh du lịch. Có kỹ năng phản biện, giao tiếp, quảng bá du lịch.

- Có khả năng vận dụng những kiến thức được học vào hoạt động thực tế trong lĩnh vực du lịch của Việt Nam.

#### 4.3. Về thái độ

Môn học giúp sinh viên có được những nhận thức đúng đắn về những tài nguyên du lịch và sẽ có những thái độ ứng xử phù hợp trong khai thác, quản lý phát triển du lịch.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá	
<b>Chương 1. Cơ sở lý luận</b>	<b>15</b>	Thuyết giảng	
<b>1.1. Du lịch</b>	3		
1.1.1. Các khái niệm			
1.1.2. Vai trò và ý nghĩa đối với kinh tế - xã hội - môi trường của du lịch			
<b>1.2. Địa lý du lịch</b>	2		
1.2.1. Đối tượng của Địa lý du lịch			
1.2.2. Nhiệm vụ của Địa lý du lịch			
<b>1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch</b>	5		Sinh viên thảo luận theo nhóm các vấn đề tại nội dung 1.3 và 1.4.
1.3.1. Tài nguyên du lịch			
1.3.2. Các nhân tố kinh tế - xã hội và chính trị			
1.3.3. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất - kỹ thuật			
<b>1.4. Tổ chức lãnh thổ du lịch</b>	5		
1.4.1. Quan niệm về tổ chức lãnh thổ du lịch			
1.4.2. Các hình thức tổ chức lãnh thổ du lịch			
1.4.3. Hệ thống phân vị trong phân vùng du lịch			
1.4.4. Hệ thống tiêu chí trong phân vùng du lịch			
<b>Chương 2. Địa lý du lịch Việt Nam</b>	<b>30</b>	Giảng viên hướng dẫn sinh viên phương pháp nghiên cứu các vùng du lịch cụ thể. Chia lớp thành các nhóm thuyết minh theo từng vùng.	
<b>2.1. Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ</b>	4		
2.1.1. Tài nguyên du lịch			
2.1.2. Sản phẩm du lịch đặc trưng			
2.1.3. Điểm - Tuyến du lịch quan trọng của vùng			
<b>2.2. Vùng Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc</b>	4		
2.2.1. Tài nguyên du lịch			
2.2.2. Sản phẩm du lịch đặc trưng			
2.2.3. Điểm - Tuyến du lịch quan trọng của vùng			
<b>2.3. Vùng Bắc Trung Bộ</b>	4		

2.3.1. Tài nguyên du lịch		
2.3.2. Sản phẩm du lịch đặc trưng		
2.3.3. Điểm - Tuyến du lịch quan trọng của vùng		
<b>2.4. Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ</b>	<b>4</b>	Giảng viên hướng dẫn sinh viên phương pháp nghiên cứu các vùng du lịch cụ thể. Chia lớp thành các nhóm thuyết minh theo từng vùng.
2.4.1. Tài nguyên du lịch		
2.4.2. Sản phẩm du lịch đặc trưng		
2.4.3. Điểm - Tuyến du lịch quan trọng của vùng		
<b>2.5. Vùng Tây Nguyên</b>	<b>4</b>	
2.5.1. Tài nguyên du lịch		
2.5.2. Sản phẩm du lịch đặc trưng		
2.5.3. Điểm - Tuyến du lịch quan trọng của vùng	<b>5</b>	
<b>2.6. Vùng Đông Nam Bộ</b>		
2.6.1. Tài nguyên du lịch		
2.6.2. Sản phẩm du lịch đặc trưng	<b>5</b>	
2.6.3. Điểm - Tuyến du lịch quan trọng của vùng		
<b>2.7. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long (Tây Nam Bộ)</b>		
2.7.1. Tài nguyên du lịch	<b>5</b>	
2.7.2. Sản phẩm du lịch đặc trưng		
2.7.3. Điểm - Tuyến du lịch quan trọng của vùng		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) (2011), *Địa lý du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Bùi Thị Hải Yến (chủ biên), Phạm Hồng Long (2009), *Tài nguyên du lịch*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

3. Tổng cục du lịch (2012), *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở, thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2;



**HỌC PHẦN**  
**PHÁP LUẬT DI SẢN VĂN HÓA VÀ DU LỊCH**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **PHÁP LUẬT DI SẢN VĂN HÓA VÀ DU LỊCH**
- Mã học phần: 835070
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30,0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: KHOA HỌC CƠ BẢN**

**3. Mô tả học phần:**

Học phần Pháp luật Di sản văn hóa và Du lịch là môn học pháp lý thuộc kiến thức chung của ngành chính trong chương trình đào tạo cử nhân Việt Nam học, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tài nguyên du lịch và hoạt động du lịch; quyền và nghĩa vụ của khách du lịch, tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch, tổ chức, cá nhân khác có hoạt động liên quan đến du lịch. Quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân đối với di sản văn hóa, phát huy, bảo tồn giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trong pháp luật của Việt Nam.

Truyền đạt cho sinh viên những kiến thức cơ bản của pháp luật Việt Nam liên quan đến Du lịch và Di sản văn hóa của nước ta.

Hướng dẫn cho người học thành thạo năng lực thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu pháp lý liên quan đến việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm của nhân dân trong việc tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; ứng xử đúng pháp luật trong những trường hợp phát sinh trong hoạt động nghề nghiệp.

**4. Mục tiêu của HP/MH**

4.1. Về kiến thức:



- Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học pháp lý liên quan đến những quy định về Du lịch và Di sản văn hóa của nhà nước ta thuộc chuyên ngành đào tạo Việt Nam học.

- Trình bày được các khái niệm cơ bản của pháp luật về du lịch và di sản văn hóa, hiểu được các quy định về đăng ký kinh doanh, tổ chức, quản lý doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch theo quy định của pháp luật.

- Hiểu biết được các quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước khi tham gia hoạt động vào lĩnh vực văn hóa du lịch cũng như trách nhiệm của công dân phải bảo tồn phát huy các di sản văn hóa quốc gia.

- Biết được các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, du lịch; thẩm quyền xử phạt, nguyên tắc xử phạt và cách xác định các hành vi cũng như chủ thể có thẩm quyền xử phạt nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân mình hoặc tổ chức do mình đại diện... Đồng thời qua đó, tránh bản thân vi phạm pháp luật và ứng xử đúng pháp luật trong trường hợp để hành vi xảy ra.

#### 4.2. Về kỹ năng:

- Hình thành và phát triển kỹ năng tổng hợp, so sánh, phân tích, đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể liên quan đến việc các chủ thể tham gia hoạt động du lịch và khai thác tài nguyên thiên nhiên di sản văn hóa, các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước đối với du lịch và bảo tồn di sản văn hóa.

- Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm và kỹ năng bình luận, diễn đạt, thuyết trình trước công chúng.

- Phát triển kỹ năng tư duy, sáng tạo, khám phá tìm tòi, trau dồi và phát triển năng lực đánh giá và tự đánh giá.

#### 4.3. Về thái độ:

- Hình thành sự chủ động trong việc bổ sung, củng cố và nâng cao trình độ nhận thức của người học về các vấn đề Chính sách phát triển du lịch, Nội dung quản lý nhà nước về du lịch, Mục đích khai thác sử dụng Di sản Văn hóa, các hành vi bị cấm trong lĩnh vực di sản văn hóa.

- Chủ động vận dụng kiến thức đã học để phân tích và giải quyết các vấn đề như trách nhiệm quản lý, bảo vệ, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch, quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển du lịch trong thực tiễn.

- Hình thành tính tự tin, bản lĩnh cho sinh viên

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

NỘI DUNG CHI TIẾT HỌC PHẦN	SỐ TIẾT	PHƯƠNG PHÁP DẠY- HỌC VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ
<b>Chương I : NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT DU LỊCH</b>	<b>3.0</b>	Hướng dẫn, gợi mở Thảo luận, thuyết trình. Hỏi, đáp
<b>1.1. Khái niệm, Phạm vi điều chỉnh, Đối tượng điều chỉnh</b>	1.0	
1.1.1 Khái niệm du lịch, pháp luật du lịch		
1.1.2. Đối tượng điều chỉnh		
1.1.3. Phương pháp điều chỉnh		
<b>1.2. Chính sách phát triển du lịch</b>	0.5	
<b>1.3. Nội dung quản lý nhà nước về du lịch</b>	0.5	
<b>1.4. Cơ quan quản lý Nhà nước trong lĩnh vực du lịch</b>	0.5	
<b>1.5. Các hành vi bị cấm trong lĩnh vực du lịch</b>	0.5	
<b>Chương II: TÀI NGUYÊN DU LỊCH VÀ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH</b>	<b>4.0</b>	
<b>2.1. Tài nguyên du lịch</b>	1.0	
2.1.1 Khái niệm		
2.1.2 Đặc điểm		
2.1.3 Phân loại		
2.1.3 Quản lý nhà nước đối với tài nguyên du lịch		
<b>2.2. Quy hoạch phát triển du lịch</b>	0.5	
2.2.1. Khái niệm		
2.2.2. Nguyên tắc xây dựng quy hoạch phát triển du lịch		
2.2.3. Nội dung quy hoạch phát triển du lịch	0.5	
2.3.4. Thẩm quyền lập, phê duyệt, quyết định quy hoạch phát triển du lịch		
<b>2.3 Khu du lịch, Điểm du lịch, Tuyến du lịch, Đô thị du lịch</b>	2.0	
2.3.1. Khái niệm, phân loại khu du lịch		
2.3.2. Khái niệm, phân loại điểm du lịch		
2.3.3. Khái niệm, phân loại tuyến du lịch		

2.3.4. Khái niệm, phân loại đô thị du lịch			
2.3.5 Thẩm quyền công nhận khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch			
<b>Chương III: KHÁCH DU LỊCH, HƯỚNG DẪN VIÊN DU LỊCH</b>	<b>2.0</b>		
<b>3.1 Khách du lịch</b>	1.0	Hướng dẫn, gợi mở Thảo luận, thuyết trình. Hỏi, đáp . Vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các bài tập tình huống.	
3.1.1 Khái niệm, phân loại			
3.1.2 Quyền và nghĩa vụ của khách du lịch			
<b>3.2 Hướng dẫn viên du lịch</b>	1.0		
3.2.1 Khái niệm, phân loại			
3.2.2 Điều kiện hành nghề, tiêu chuẩn, thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên			
3.2.3 Đổi, cấp lại, thu hồi thẻ hướng dẫn viên			
3.2.3 Quyền và nghĩa vụ của hướng dẫn viên			
<b>Chương IV: KINH DOANH DU LỊCH</b>	<b>8.0</b>		
<b>4.2 Kinh doanh du lịch</b>	1.0		
4.2.1 Khái niệm, đặc điểm			
4.2.2 Phân loại			
<b>4.3 Kinh doanh lữ hành</b>	1.0		
4.3.1. Điều kiện kinh doanh lữ hành du lịch		Hướng dẫn, gợi mở Thảo luận, thuyết trình. Hỏi, đáp . Vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các bài tập tình huống.	
4.3.2. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành du lịch			
<b>4.4. Kinh doanh vận chuyển khách du lịch</b>	1.5		
4.4.1. Điều kiện kinh doanh vận chuyển khách du lịch			
4.4.2 Quyền của tổ chức, cá nhân kinh doanh vận chuyển khách du lịch			
<b>4.5 Kinh doanh lưu trú du lịch</b>	1.5		
4.5.1 Khái niệm, phân loại cơ sở lưu trú du lịch			
4.5.2 Xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch			
4.5.3 Điều kiện kinh doanh lưu trú du lịch			
4.5.4 Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh lưu trú du lịch			
<b>4.6 Kinh doanh phát triển khu du lịch và điểm du lịch</b>	1.5		

4.6.1 Khái niệm khu du lịch, điểm du lịch		
4.6.2 Điều kiện kinh doanh khu du lịch, điểm du lịch		
4.6.3 Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh phát triển khu du lịch, điểm du lịch		
<b>4.7 Kinh doanh dịch vụ du lịch trong khu du lịch, điểm du lịch, đô thị du lịch ( KDL, ĐDL, ĐTDL)</b>	<b>1.5</b>	
4.7.1 Khái niệm		
4.7.2 Điều kiện kinh doanh dịch vụ du lịch trong KDL, ĐDL, ĐTDL		
4.7.3. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch trong KDL, ĐDL, ĐTDL		
<b>Chương V: XÚC TIẾN DU LỊCH VÀ HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ DU LỊCH</b>	<b>2.0</b>	
<b>5.1. Xúc tiến du lịch</b>	<b>1.0</b>	
5.1.1. Khái niệm xúc tiến du lịch		
5.2.2 Nội dung xúc tiến du lịch		
5.3.3 Chính sách xúc tiến du lịch		
5.2.3 Thẩm quyền xúc tiến du lịch		
<b>5.2 Hợp tác quốc tế về du lịch</b>	<b>1.0</b>	
5.2.1 Khái niệm hợp tác quốc tế về du lịch		
5.2.2 Nội dung hợp tác quốc tế về du lịch		
5.2.3 Chính sách hợp tác quốc tế về du lịch		
5.2.4 Thẩm quyền hợp tác quốc tế về du lịch		
<b>Chương VI: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT DI SẢN VĂN HÓA</b>	<b>5.0</b>	
<b>6.1. Khái quát chung về Luật di sản văn hóa</b>	<b>2.0</b>	Hướng dẫn, gợi mở
6.1.1 Khái niệm pháp luật di sản văn hóa		Thảo luận, thuyết trình.
6.1.2. Đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của Luật di sản văn hóa		Hỏi, đáp . Vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các
6.1.3 Nội dung quản lý nhà nước đối với di sản văn hóa		bài tập tình huống.
6.1.4 Hành vi bị cấm trong lĩnh vực bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa		

6.1.5 Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân quản lý di sản văn hóa		
<b>6.2 Di sản văn hóa</b>	3.0	
6.2.1 Khái niệm văn hóa, di sản văn hóa		
6.2.2 Tiêu chí, phân loại di sản văn hóa		
6.2.3 Thẩm quyền quản lý NN đối với di sản văn hóa		
6.2.4 Nguyên tắc bảo tồn, phát huy các di sản văn hóa		
<b>Chương VII. THANH TRA, XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH VỀ DU LỊCH VÀ DI SẢN VĂN HÓA</b>	<b>6.0</b>	Hướng dẫn, gợi mở Thảo luận, thuyết trình.
<b>7.1. Thanh tra trong lĩnh vực du lịch và quản lý di sản văn hóa.</b>	1.0	Hỏi, đáp . Vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các bài tập tình huống.
7.1.1. Khái niệm thanh tra		
7.1.2 Thẩm quyền thanh tra		
7.1.3 Nội dung thanh tra		
7.1.4 Quy trình thanh tra		
<b>7.2. Xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch và quản lý di sản văn hóa.</b>	4.0	
7.2.1 Khái niệm vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực du lịch, quản lý di sản văn hóa		
7.2.2 Hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực du lịch và quản lý di sản văn hóa.		
7.2.3 Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính		
7.2.4 Hình thức xử phạt, mức xử phạt		
7.2.5 Thủ tục xử phạt		
<b>7.3 Khiếu nại, giải quyết khiếu nại</b>	1.0	
7.3.1 Khái niệm khiếu nại, giải quyết khiếu nại		
7.3.2 Thẩm quyền giải quyết		
7.3.3 Trình tự, thủ tục khiếu nại, giải quyết khiếu nại		

## 6. Tài liệu học tập

- Luật du lịch 2005.
- Luật Di sản văn hóa năm 2001.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa 2009.
- Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012.

- Nghị định 92/2007/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01 tháng 6 năm 2007 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Du lịch 2005.

- Nghị định 98/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 21 tháng 9 năm 2010 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

- Nghị định số 158/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12 tháng 11 năm 2013 Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo.

- Thông tư 88/2008/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch về lưu trú du lịch.

- Thông tư 89/2008/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2008 Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Du lịch về kinh doanh lữ hành, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp du lịch nước ngoài tại Việt Nam, hướng dẫn du lịch và xúc tiến du lịch.

## **7. Phương pháp đánh giá học phần**

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở (thí sinh được sử dụng tài liệu), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập, kiểm tra: hệ số 0.1;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.1;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà    TS. Nguyễn Đăng Khánh    ThS. Nguyễn Lâm Trâm Anh**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
**NGÀNH: VIỆT NAM HỌC**

**HỌC PHẦN**  
**KĨ NĂNG SOẠN THẢO VĂN BẢN**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **KĨ NĂNG SOẠN THẢO VĂN BẢN**
- Mã học phần: 854003
- Số tín chỉ: 3 (3,0)
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (30;10;05)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ**

**3. Mô tả học phần**

Trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về văn bản, về kĩ năng tạo lập các loại văn bản thuộc những phong cách khác nhau. Tăng cường rèn luyện cho người học khả năng xây dựng các loại hình văn bản thuộc lĩnh vực chuyên môn và phạm vi sử dụng phục vụ cho hoạt động giao tiếp. Nội dung của học phần gồm có:

- Khái quát về văn bản.
- Những quy tắc cơ bản về chính tả, dùng từ, đặt câu, dựng đoạn trong văn bản.
- Phương pháp soạn thảo văn bản.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Cung cấp kiến thức tổng quát về văn bản (khái niệm, đặc trưng, chức năng, phân loại, cấu trúc văn bản, ...), phương pháp soạn thảo văn bản (nguyên tắc, yêu cầu, trình tự soạn thảo văn bản, quy tắc sử dụng tiếng Việt, ...)

4.2. Về kĩ năng

- Vận dụng kiến thức cơ bản để tạo lập được văn bản.
- Hình thành khả năng soạn thảo văn bản và biết cách phát hiện, sửa lỗi cho một văn bản về nội dung và hình thức.

4.3. Về thái độ

Nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu và vận dụng góp phần đạt yêu cầu và hiệu quả học tập của học phần.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ VĂN BẢN</b></p> <p><b>1.1. Khái niệm</b></p> <p><b>1.2. Đặc điểm cơ bản của văn bản</b></p> <p>1.2.1. Văn bản có tính mục đích.</p> <p>1.2.2. Văn bản có tính chỉnh thể.</p> <p>1.2.3. Văn bản có tính chính xác và liên kết chặt chẽ, mạch lạc.</p> <p>1.2.4. Văn bản có tính phong cách.</p> <p><b>1.3. Chức năng của văn bản</b></p> <p>1.3.1. Chức năng thông tin.</p> <p>1.3.2. Chức năng tác động.</p> <p>1.3.3. Chức năng lưu trữ</p> <p><b>1.4. Phân loại văn bản</b></p> <p>1.4.1. Cơ sở phân loại văn bản.</p> <p>1.4.2. Hệ thống phân loại văn bản.</p> <p><b>1.5. Cấu trúc văn bản</b></p> <p>1.5.1. Phần mở đầu.</p> <p>1.5.2. Phần chính</p> <p>1.5.3. Phần kết</p> <p>1.5.4. Đầu đề</p> <p><b>1.6. Các loại quan hệ của văn bản</b></p> <p>1.6.1. Quan hệ hướng nội của văn bản.</p> <p>1.6.2. Quan hệ hướng ngoại của văn bản.</p> <p><b>1.7. Phong cách chức năng của văn bản</b></p> <p>1.7.1. Khái niệm</p> <p>1.7.2. Đặc trưng của các loại văn bản</p> <p>1.7.3. Đặc điểm ngôn ngữ của các loại văn bản thường được sử dụng.</p>	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình, thảo luận, hướng dẫn sinh viên tự học, phương pháp dự án</li> <li>- Tăng cường thực hành, chú trọng rèn kỹ năng vận dụng</li> <li>- Hình thức kiểm tra: tự luận.</li> <li>• <i>Thuyết trình:</i> 1.1; 1.2; 1.4; 1.5; 1.7.</li> <li>• <i>Thảo luận:</i> 1.3; 1.6.</li> <li>• <i>Thực hành:</i> tìm các thể loại văn bản. Phân tích đặc trưng và đặc điểm về phương diện lựa chọn, kết hợp các yếu tố ngôn ngữ.</li> </ul>
<p><b>Chương 2. NHỮNG QUY TẮC SỬ DỤNG TIẾNG VIỆT TRONG VĂN BẢN</b></p> <p><b>2.1. Quy tắc chính tả</b></p> <p>2.1.1. Khái niệm</p>	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>Thuyết trình:</i> 2.1; 2.2; 2.3; 2.4.</li> <li>• <i>Thảo luận:</i> những nguyên tắc rèn luyện chính tả, từ, câu.</li> </ul>



Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p>2.1.2. Một số quy định về chính tả tiếng Việt</p> <p><b>2.2. Quy tắc sử dụng từ ngữ</b></p> <p>2.2.1. Những yêu cầu chung về việc dùng từ</p> <p>2.2.2. Một số thao tác dùng từ và rèn luyện về từ</p> <p><b>2.3. Quy tắc viết câu</b></p> <p>2.3.1. Những yêu cầu chung về câu</p> <p>2.3.2. Viết câu</p> <p><b>2.4. Dựng đoạn văn bản</b></p> <p>2.4.1. Khái niệm</p> <p>2.4.2. Yêu cầu chung của một đoạn văn bản</p> <p>2.4.3. Dựng đoạn văn bản theo kết cấu</p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Thực hành:</b> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định các hình thức dùng chính tả.</li> <li>- Phát hiện lỗi dùng từ, sử dụng lại cho đúng; chọn từ thích hợp với định nghĩa, lời giải thích.</li> <li>- Phát hiện lỗi về câu, sửa lại cho đúng.</li> <li>- Hình thành đoạn văn bản theo các hướng triển khai lập luận, theo chủ đề.</li> </ul> </li> </ul>
<p><b>CHƯƠNG 3. SOẠN THẢO VĂN BẢN</b></p> <p><b>3.1. Chuẩn văn bản</b></p> <p>3.1.1. Chuẩn hình thức</p> <p>3.1.2. Chuẩn lôgic</p> <p>3.1.3. Chuẩn cấu trúc</p> <p>3.1.4. Chuẩn ngữ dụng</p> <p>3.1.5. Chuẩn hoàn chỉnh</p> <p><b>3.2. Những yêu cầu của việc soạn thảo văn bản</b></p> <p>3.2.1. Nắm được phong cách chức năng của văn bản và trình tự, kỹ thuật soạn thảo văn bản.</p> <p>3.2.2. Tuân thủ những chuẩn mực sử dụng của tiếng Việt</p> <p>3.2.3. Nội dung của văn bản phải cụ thể, rõ ràng, tránh mơ hồ về nghĩa</p> <p>3.2.4. Có phong cách ngôn ngữ nhất định và phù hợp với mục đích sử dụng.</p> <p><b>3.3. Quy trình soạn thảo văn bản</b></p> <p>3.3.1. Định hướng cho văn bản</p> <p>3.3.2. Lập chương trình hay lập đề cương cho văn bản</p> <p>3.3.3. Hiện thực hóa chương trình ( hình thành văn bản)</p> <p>3.3.4. Kiểm tra, sửa chữa, hoàn thiện văn bản</p>	25	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <b>Thuyết trình:</b> 3.1; 3.2; 3.3; 3.4.</li> <li>• <b>Thảo luận:</b> 3.2; 3.3. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thể thức văn bản</li> <li>- Nguyên tắc soạn thảo văn bản</li> </ul> </li> <li>• <b>Thực hành:</b> soạn thảo các loại hình văn bản thông dụng: khoa học, hành chính, chính luận, báo chí.</li> </ul> <p><b>- Hướng dẫn sinh viên tự học:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thực hành về chính tả, dùng từ, đặt câu để nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt trong văn bản.</li> <li>+ Suu tầm và soạn thảo các loại văn bản thông dụng.</li> </ul>

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>3.4. Kỹ năng soạn thảo một số văn bản thông dụng</b></p> <p><b>3.4.1. Văn bản khoa học</b></p> <p>    <b>3.4.1.1.</b> Soạn thảo văn bản khoa học</p> <p>    <b>3.4.1.2.</b> Một số loại văn bản khoa học</p> <p><b>3.4.2. Văn bản hành chính - công vụ</b></p> <p>    <b>3.4.2.1.</b> Soạn thảo văn bản hành chính – công vụ</p> <p>    <b>3.4.2.2.</b> Trình bày một số văn bản hành chính thông dụng</p> <p><b>3.4.3. Văn bản báo chí – công luận</b></p> <p>    <b>3.4.3.1.</b> Soạn thảo văn bản báo chí – công luận</p> <p>    <b>3.4.3.2.</b> Trình bày một số văn bản báo chí</p> <p><b>3.4.4. Văn bản chính luận</b></p> <p>    <b>3.4.4.1.</b> Soạn thảo văn bản chính luận</p> <p>    <b>3.4.4.2.</b> Một số văn bản chính luận</p>		<p>- <i>Bài tập dự án: hình thành một tiểu luận về nội dung trọng tâm của học phần mà bản thân tâm đắc ( quy trình soạn thảo văn bản khoa học, hành chính, báo chí, chính luận và thực hành theo mẫu).</i></p> <p><i>Đánh giá 1: điểm Thuyết trình+Thực hành ( cá nhân/nhóm).</i></p> <p><i>Đánh giá 2: Bài kiểm tra giữa kì</i></p> <p><i>Điểm quá trình là trung bình cộng của đánh giá 1 và đánh giá 2.</i></p>

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Thị Ly Kha (2010), *Dùng từ, viết câu và soạn thảo văn bản*, NXB Giáo dục, TP.HCM.
2. Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh (2003), *Tiếng Việt thực hành*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Lê Xuân Soan, Nguyễn Hồng Kiên, Hoàng Thị Tâm (2012), *Kỹ thuật soạn thảo văn bản*, NXB Tổng hợp Tp.HCM
4. Nguyễn Minh Thuyết ( Chủ biên), Nguyễn Văn Hiệp (1997), *Tiếng Việt thực hành*, NXB Giáo Dục.

### 6.2. Tài liệu khác:

1. Lê Trung Hoa (2002), *Lỗi chính tả và cách khắc phục*, NXB KHXH, TP.HCM.
2. Hồ Lê, Trần Thị Ngọc Lang, Tô Đình Nghĩa (2002), *Lỗi từ vựng và cách khắc phục*, NXB KHXH, TP.Hồ Chí Minh.
3. Cao Xuân Hạo, Nguyễn Kiên Trường, Võ Xuân Trang, Trần Thị Tuyết Mai, Lý Tùng Hiếu (2002), *Lỗi ngữ pháp và cách khắc phục*, NXB KHXH, TP.Hồ Chí Minh.
4. Lưu Kiến Thanh (2013), *Hướng dẫn soạn thảo văn bản hành chính nhà nước*, NXB Thống kê.

## **7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 02
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thực hành/bài tập, kiểm tra: hệ số 0.1
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.5.
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG NGÀNH**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà      TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang      ThS. Trương Thiên Hương**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

## HỌC PHẦN KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN**
- Mã học phần: 835306
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45  
(25/20)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ

### 3. Mô tả học phần

Môn học cung cấp những hiểu biết toàn diện và cơ bản về đàm phán bao gồm khái niệm, sự phân loại đàm phán, mô hình đàm phán, các kiểu và phương pháp đàm phán, các kỹ thuật, kỹ năng đàm phán.

### 4. Mục tiêu học phần

#### 4.1. Về kiến thức

- Nắm vững những kiến thức cơ bản và mang tính hệ thống, toàn diện về đàm phán bao gồm khái niệm, sự phân loại đàm phán, mô hình đàm phán, các kiểu và phương pháp đàm phán, các kỹ thuật, kỹ năng đàm phán.

#### 4.2. Về kỹ năng

- Rèn luyện và phát triển kỹ năng, năng lực trải nghiệm, giao tiếp và đánh giá, năng lực diễn đạt, phân tích và diễn giải, năng lực kỹ thuật để xử lý và giải quyết các vấn đề của đàm phán để có thể vận dụng ở đầu ra của ngành học.

#### 4.3. Về thái độ

- SV biết yêu quý, trân trọng và ứng xử đúng đắn đối với những giá trị của đàm phán trong đời sống giao tiếp thực tiễn.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Khái quát về đàm phán</b>	<b>15</b>	
1.1. <i>Khái niệm đàm phán</i> 1.2. Đặc tính của đàm phán 1.3. Chức năng của đàm phán 1.2. <i>Phân loại đàm phán</i> 1.2.1. Dựa vào đối tượng của đàm phán 1.2.2. Dựa vào hình thức của đàm phán 1.2.3. Dựa vào thái độ của đàm phán 1.2.4. Dựa vào chiến lược của đàm phán 1.3. <i>Cấu trúc của hoạt động đàm phán</i> 1.3.1. Mô hình đàm phán 1.3.1.1. Chủ thể và đối tượng đàm phán 1.3.1.2. Các nhân tố tác động tới đàm phán 1.3.1.3. Các kênh và thông điệp đàm phán 1.4. <i>Thực hành</i> Nhận diện các loại đàm phán và các nhân tố trong mô hình đàm phán		<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV chuẩn bị: đọc kỹ tài liệu; tổ chức nội dung thuyết trình theo gợi ý đề tài của GV;</li> <li>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng =&gt; tổ chức điều khiển nhóm thuyết trình</li> <li>- GV cho SV thực hành nhằm rèn luyện các kỹ năng.</li> </ul>
<b>Chương 2. Các kiểu và phương pháp đàm phán</b>	<b>15</b>	
2.1. Các kiểu đàm phán 2.1.1. Đàm phán kiểu mềm 2.1.2. Đàm phán kiểu cứng 2.1.3. Đàm phán kiểu nguyên tắc 2.2. Phương pháp tổ chức đàm phán 2.2.1. <i>Chuẩn bị đàm phán</i> 2.2.1. Xác định mục tiêu, yêu cầu 2.2.2. Xác định đối tượng và thành phần tham dự 2.2.3. Dự kiến nội dung, thời gian, chiến lược và các nhân tố ảnh hưởng đến đàm phán 2.2.4. Xử lý thông tin liên quan tới đối tác đàm phán 2.3. <i>Tổ chức quá trình đàm phán</i> 2.3.1. Giai đoạn 1: Nghiên cứu, thăm dò, tranh luận, dự đoán 2.3.2. Giai đoạn 2: Nêu lập luận và xác định khuôn khổ chung, thỏa thuận trong tương lai 2.3.3. Giai đoạn 3: Thỏa thuận quan điểm, lập		SV đọc kỹ tài liệu; tổ chức nội dung thuyết trình theo gợi ý đề tài của GV; <ul style="list-style-type: none"> <li>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng =&gt; tổ chức điều khiển nhóm thuyết trình và thực hành rèn luyện các kỹ năng</li> <li>-Đánh giá SV thực hành hoặc báo cáo thuyết trình/ tiểu luận theo 3 tiêu chí:              1. Chuẩn bị: đầy đủ, chính xác, đúng trọng tâm.              2. Trình bày: lưu loát, rõ ràng, đúng thời gian.              3. Tương tác: Khả năng giải quyết các vấn đề và với các</li> </ul>

trường 2.4. <i>Thực hành</i> - Các công tác chuẩn bị đàm phán - Thực hiện một số tình huống giả định theo các giai đoạn đàm phán		thành viên khác và với GV.
<b>Chương 3. Các kỹ thuật, kỹ năng đàm phán</b>	<b>15</b>	
3.1. Chiến lược, chiến thuật đàm phán 3.1.1. Chiến lược, chiến thuật đàm phán hợp tác 3.1.1.1. Chiến lược, chiến thuật “Thắng” 3.1.1.2. Chiến lược, chiến thuật “Cùng thắng” 3.1.2. Chiến lược, chiến thuật đàm phán đối đầu 3.1.2.1. Chiến lược, chiến thuật “Thắng - Thua” 3.1.2.2. Chiến lược, chiến thuật “Thua - Thắng” 3.2. Một số kỹ năng cơ bản trong đàm phán 3.2.1. Kỹ năng lắng nghe 3.2.2. Lợi ích của lắng nghe 3.2.3. Trở ngại của lắng nghe 3.2.4. Các mức độ của lắng nghe 3.2.5. Kỹ năng cần thiết của lắng nghe 3.2.5.1. Biểu lộ sự quan tâm 3.2.5.2. Gọi mở 3.2.5.3. Phản ánh 3.2.2. Kỹ năng đặt câu hỏi 3.2.2.1. Dùng câu hỏi để thu thập thông tin 3.2.2.2. Dùng câu hỏi để đạt các mục đích khác 3.3. Kỹ năng đàm phán bằng thư tín 3.3.1. Nguyên tắc và yêu cầu của đàm phán bằng thư tín 3.3.2. Kỹ thuật sử dụng các loại thư tín dùng trong đàm phán 3.4. <i>Thực hành</i>		- SV đọc kỹ tài liệu; tổ chức nội dung thuyết trình theo gợi ý đề tài của GV; - GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng => tổ chức điều khiển nhóm thuyết trình để SV nắm các kiến thức cơ bản và thực hành rèn luyện các kỹ năng

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Thái Trí Dũng (2012), *Nghệ thuật giao tiếp và thương lượng*, NXB ĐHQG Tp.HCM.

### 6.2. Tài liệu khác

2. Vũ Dương Huân (2015), *Ngoại giao và công tác ngoại giao*, NXB Chính trị Quốc gia

3. Nguyễn Văn Đính (2007). *Giáo trình tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch*. NXB Thống Kê. Hà Nội
4. Trịnh Xuân Dũng (2010). *Kỹ năng giao tiếp*. NXB ĐH QG Hà Nội
5. Nguyễn Văn Lê. (2009) *Nhập môn khoa học giao tiếp*. NXB Giáo dục

## **7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở (thí sinh được sử dụng tài liệu), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.1;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số: 0.5
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

		<i>Thành phố Hồ Chí Minh, ngày</i>		<i>tháng</i>	<i>năm 2016</i>
<b>DUYỆT</b>	<b>TRƯỞNG KHOA</b>	<b>TRƯỞNG BỘ MÔN</b>	<b>NGƯỜI BIÊN SOẠN</b>		

**TS. Hoàng Thúy Hà      TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang      TS. Nguyễn Đăng Khánh**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

## HỌC PHẦN KĨ NĂNG THUYẾT TRÌNH – THUYẾT MINH

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **KĨ NĂNG THUYẾT TRÌNH - THUYẾT MINH**
- Mã học phần: 835307
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45  
(30/10/5)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ

### 3. Mô tả học phần

Trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về phương pháp thuyết trình, thuyết minh. Tăng cường rèn luyện cho người học những kĩ năng thuyết trình, thuyết minh trong các tình huống giao tiếp. Nội dung của học phần gồm có:

- Khái quát về thuyết trình, thuyết minh
- Tổ chức thuyết trình, thuyết minh
- Kĩ thuật thuyết trình, thuyết minh

### 4. Mục tiêu học phần

#### 4.1. Về kiến thức

Nắm vững những nguyên tắc, yêu cầu của kĩ năng thuyết trình, thuyết minh.

#### 4.2. Về kĩ năng

- Vận dụng kiến thức vào việc thuyết trình, thuyết minh trong học tập, giao tiếp.

- Hình thành năng lực thuyết trình, thuyết minh phục vụ cho học tập và nghiệp vụ chuyên môn của ngành học.

#### 4.3. Về thái độ

Nâng cao ý thức tự học, tính tích cực, tinh thần hợp tác trong học tập, thực hành của sinh viên góp phần đạt yêu cầu và hiệu quả của học phần.



## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Chương 1. KHÁI QUÁT VỀ THUYẾT TRÌNH, THUYẾT MINH</b></p> <p><b>1.8. Phân biệt khái niệm thuyết trình, thuyết minh</b></p> <p>1.8.1. Thuyết trình</p> <p>1.8.2. Thuyết minh</p> <p><b>1.9. Vai trò của thuyết trình, thuyết minh trong hoạt động giao tiếp</b></p> <p>1.2.1. Hình thành tư duy đối thoại</p> <p>1.2.2. Nâng cao hiệu quả giao tiếp</p> <p><b>1.10. Hình thức của thuyết trình, thuyết minh</b></p> <p>1.3.1. Hình thức trực tiếp</p> <p>1.3.2. Hình thức gián tiếp</p> <p><b>1.4. Các kỹ năng cơ bản hỗ trợ cho thuyết trình, thuyết minh</b></p> <p>1.4.1. Kỹ năng giao tiếp phi ngôn từ</p> <p>1.4.2. Kỹ năng đặt câu hỏi</p> <p>1.4.3. Kỹ năng mở đầu</p> <p>1.4.4. Kỹ năng kết thúc</p> <p><b>1.5. Một số phương pháp thuyết minh và những yêu cầu cơ bản khi vận dụng phương pháp thuyết minh</b></p> <p>1.5.1. Một số phương pháp thuyết minh</p> <p>1.5.2. Những yêu cầu cơ bản khi vận dụng phương pháp thuyết minh</p>	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuyết trình, thảo luận, hướng dẫn sinh viên tự học, phương pháp dự án</li> <li>- Tăng cường thực hành, chú trọng rèn kỹ năng vận dụng</li> <li>- Hình thức kiểm tra: tự luận.</li> <li>- Thuyết trình: 1.1; 1.2; 1.3.</li> <li>- Thảo luận: 1.4; 1.4; Tư duy đối thoại (tư duy đối thoại với sự hình thành tri thức; tư duy đối thoại với sự phát triển nhân cách).</li> <li>-Thực hành: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Về các kỹ năng giao tiếp phi ngôn từ, đặt câu hỏi, mở đầu, kết thúc.</li> <li>+ Một số phương pháp thuyết minh cơ bản.</li> </ul> </li> </ul>
<p><b>CHƯƠNG 2. TỔ CHỨC THUYẾT TRÌNH, THUYẾT MINH</b></p> <p><b>2.1. Các thành tố tham gia vào quá trình thuyết trình, thuyết minh</b></p> <p>2.1.1. Các yếu tố trực tiếp và gián tiếp liên quan tới chủ thể thuyết trình, thuyết minh</p> <p>2.1.2. Phương tiện giao tiếp của thuyết trình, thuyết minh</p> <p>2.1.3 Hoàn cảnh giao tiếp của thuyết trình, thuyết minh</p> <p>2.1.4 Điều kiện giao tiếp của thuyết trình, thuyết minh</p> <p>2.1.5 Nhiễu và cách khắc phục nhiễu của thuyết trình,</p>	20	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Thuyết trình: 2.1; 2.2; 2.3.</li> <li>-Thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vận dụng phương pháp tương tác trong thuyết trình, thuyết minh.</li> <li>+ Nhiễu và cách khắc phục nhiễu của thuyết trình, thuyết minh.</li> </ul> </li> <li>- Thực hành: 2.4; chọn một</li> </ul>

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p>thuyết minh</p> <p><b>2.2. Các hình thái của thuyết trình, thuyết minh</b></p> <p>2.2.1. Hình thái ngôn từ</p> <p>2.2.2. Hình thái phi ngôn từ (Ngôn ngữ hình thể, vật thể, ...)</p> <p><b>2.3. Quy trình, cách thức thực hiện thuyết trình, thuyết minh</b></p> <p>2.3.1. Quy trình thực hiện</p> <p>2.3.1.1. Chuẩn bị</p> <p>2.3.1.2. Tiến hành thuyết trình, thuyết minh</p> <p>2.3.1.3. Đánh giá hiệu quả</p> <p>2.3.2. Cách thức thực hiện</p> <p>2.3.2.1. Cấu trúc bài thuyết trình, thuyết minh</p> <p>2.3.2.2. Trình bày bài thuyết trình, thuyết minh</p> <p><b>2.4. Thực hành</b></p> <p>2.4.1. Phân tích các thành tố tham gia vào quá trình thuyết trình, thuyết minh.</p> <p>2.4.2. Luyện tập thuyết trình, thuyết minh theo quy trình.</p> <p>2.4.3. Cách thức thuyết trình, thuyết minh hiệu quả.</p>		<p>vấn đề theo sự gợi ý của giảng viên để thuyết trình trên lớp (cá nhân/nhóm).</p>
<p><b>CHƯƠNG 3. KỸ THUẬT THUYẾT TRÌNH THUYẾT MINH</b></p> <p><b>3.1 Sử dụng phương tiện kỹ thuật trong thuyết trình, thuyết minh</b></p> <p>3.1.1. Tạo các slide truyền cảm hứng</p> <p>3.1.2. Sử dụng video hiệu quả</p> <p>3.1.3. Sử dụng sơ đồ tư duy</p> <p>3.1.4. Sử dụng công cụ, phương tiện hỗ trợ</p> <p>3.1.5. Sử dụng trang phục, bục thuyết trình, thuyết minh</p> <p><b>3.2 Kỹ thuật truyền đạt bài thuyết trình, thuyết minh</b></p> <p>3.2.1. Cách mở đầu</p> <p>3.2.2. Cách kết thúc</p> <p>3.2.3. Cách chuyển ý</p> <p>3.2.4. Cách kiểm soát nội dung thông tin</p> <p>3.2.5. Cách kiểm soát các yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ</p>	15	<p>- Thuyết trình: 3.1; 3.2 .</p> <p>- Thảo luận: 3.2; những tiêu chí đánh giá thuyết trình, thuyết minh</p> <p>-Thực hành: 3.3.</p> <p>- Hướng dẫn sinh viên tự học.</p> <p>+ Những cách để cải thiện kỹ năng thuyết trình, thuyết minh.</p> <p>- Bài tập dự án: hình thành một tiểu luận về nội dung của học phần mà bản thân tâm đắc.</p> <p>Đánh giá 1: điểm Thuyết trình+Thực hành (cá</p>

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p>3.2.6. Cách di chuyển và kiểm soát yếu tố gây nhiễu</p> <p><b>3.3 Thực hành</b></p> <p>3.3.1. Sử dụng sơ đồ tư duy trong thuyết trình, thuyết minh.</p> <p>3.3.2. Điều khiển không khí thuyết trình, thuyết minh.</p> <p>3.3.3. Vận dụng kỹ thuật truyền đạt vào một chủ đề, đối tượng cụ thể.</p>		<p>nhân/nhóm).</p> <p>Đánh giá 2: Bài kiểm tra giữa kì</p> <p>Điểm quá trình là trung bình cộng của đánh giá 1 và đánh giá 2.</p>

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Thụy Khánh Chương (chủ biên) (2015), *Bản đồ tư duy trong thuyết trình*, NXB Dân Trí.
2. Philip Colins (2014), *Nghệ thuật thuyết trình*, NXB Thanh Hóa
3. Dương Thị Liễu (2013), *Giáo trình Kỹ năng thuyết trình*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân
4. Lại Thế Luyện (2014), *Kỹ năng thuyết trình hiệu quả*, NXB Thời đại
5. Đoàn Chí Thiện (2014), *Kỹ năng thuyết trình*, NXB Thông tin - Truyền thông

### 6.2. Tài liệu khác:

1. Richard Hall (2015), *Thật đơn giản – thuyết trình*, NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.
2. Đặng Xuân Hải (2012), *Kỹ thuật dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ*, NXB Bách Khoa, Hà Nội.
3. Phong Liễu (2007), *Diễn thuyết trước công chúng*, NXB Thanh Hóa.
4. Wilbert.J McKeachie – *Những thủ thuật trong dạy học* (bản dịch của dự án Việt-Bỉ Đào tạo Giáo viên các trường Sư phạm).

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 02
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thực hành/bài tập, kiểm tra: hệ số 0.1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.5.
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang**

**ThS. Trương Thiên Hương**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
 NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

## HỌC PHẦN KINH TẾ DU LỊCH

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **KINH TẾ DU LỊCH**
- Mã học phần: 835065
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (35/10)
- Trình độ đào tạo: Đại học/Cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ

### 3. Mô tả Học phần:

HP Kinh tế du lịch cung cấp khối kiến thức về ngành công nghiệp du lịch liên quan đến cung – cầu, lao động, dịch vụ và quy hoạch phát triển kinh tế du lịch.

### 4. Mục tiêu cụ thể của học phần:

4.1. Về kiến thức: Hiểu, trình bày, phân tích và vận dụng được những kiến thức cơ bản của kinh tế du lịch như quan hệ cung cầu, lao động, khách du lịch, điểm đến du lịch, tăng trưởng GDP, đầu tư và các chỉ số phát triển bền vững của ngành du lịch gồm :

- Tổng hợp một số lí thuyết chung về kinh tế du lịch thế giới.
- Nhu cầu và khả năng đáp ứng nhu cầu du lịch.
- Thị trường du lịch
- Tác động của kinh tế du lịch
- Lao động trong du lịch
- Phân tích các chỉ số phát triển kinh tế du lịch: như chất lượng điểm đến, chất lượng nhân lực, chỉ số an toàn, chuỗi giá trị chuyển đi của khách và các chỉ số về môi trường du lịch.

4.2. Về kỹ năng: Phân tích, tổng hợp và đánh giá hiệu quả công tác quản trị lý kinh tế du lịch. Hiểu được những vấn đề cơ bản của kinh tế du lịch. Phân tích được quan hệ cung cầu của ngành du lịch. Hiểu và phân tích được mức tăng trưởng và đóng góp của du lịch vào GDP của quốc gia, hiểu và phân tích được bản chất, mối liên hệ và những tác động của lao động trong ngành du lịch. Hiểu và phân tích được những chỉ số phát triển du lịch bền vững.

4.3. Về thái độ: Nhận thức đúng về bản chất và giá trị của môn học, có thái độ nghiêm túc trong học tập và làm việc nhóm.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học phần:

Nội dung chi tiết Học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b><u>Chương 1: DU LỊCH &amp; KINH TẾ DU LỊCH</u></b>	5	Thuyết giảng và xác định mục tiêu & nhiệm vụ học tập cho sv
1.1. Giới thiệu kinh tế du lịch thế giới và Việt Nam		
1.2. Đặc điểm và những tác động của du lịch đối với kinh tế		
1.3. Đóng góp của du lịch vào kinh tế		
1.4. Xu hướng phát triển của kinh tế du lịch		
<b><u>Chương 2: SẢN PHẨM DU LỊCH</u></b>	6	Thuyết giảng và bài tập tình huống.
2.1. Khái niệm sản phẩm du lịch		
2.2. Đặc trưng của sản phẩm du lịch		
2.3. Cầu trong kinh tế du lịch		
2.4. Cung trong kinh tế du lịch	3	Thuyết giảng & bài tập.
2.5. Quan hệ Cung – Cầu trong kinh tế du lịch		
2.6. Dự báo về Cung – Cầu của kinh tế du lịch		
<b><u>Chương 3: CÁC THÀNH TỐ VÀ DỊCH VỤ CỦA KINH TẾ DU LỊCH</u></b>	5	Thuyết giảng.
3.1. Tổng hợp các thành tố của kinh tế du lịch		
3.2. Dịch vụ lưu trú		
3.3. Dịch vụ vận chuyển du lịch		
3.4. Dịch vụ ẩm thực du lịch		
3.5. Dịch vụ lễ hành		
3.6. Dịch vụ giải trí du lịch		
3.7. Dịch vụ công trong kinh tế du lịch		
<b><u>Chương 4: LAO ĐỘNG TRONG DU LỊCH</u></b>	5	Thảo luận và thuyết trình nhóm học tập.
4.1. Đặc điểm lao động du lịch		
4.2. Nhu cầu lao động du lịch		
4.3. Xu thế phát triển lao động du lịch		
<b><u>Chương 5: CẠNH TRANH KINH TẾ DU LỊCH</u></b>	4	Thảo luận & thuyết giảng
5.1. Khái niệm cạnh tranh		
5.2. Chỉ số năng lực cạnh tranh lễ hành TPCI		
5.3. Chỉ số chất lượng điểm đến		
<b><u>Chương 6: QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ DU LỊCH VIỆT NAM</u></b>	6	Thuyết giảng & bài tập thực hành.
6.1. Mục tiêu phát triển		
6.2. Định hướng phát triển		

6.3. Chính sách phát triển kinh tế du lịch Việt Nam		
6.4. Ôn tập		Tổng kết, ôn tập

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu học tập chính

- Tập bài giảng của giảng viên.
- Nguyễn Văn Đính – Trần Thị Minh Hòa(2006), Giáo trình Kinh tế du lịch, Nxb LĐXH
- Nguyễn Hồng Giáp (2002), *Kinh tế du lịch*. Nxb Trẻ.

### 6.2. Tài liệu tham khảo khác

- Đào Ngọc Cảnh (2004), *Tổng quan về du lịch*, Đại học Cần Thơ.
- Larry Dwyer, Peter Forsyth and Wayner Dwyer (2010), *Tourism Economics and Policy*, Chanel View.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở (sinh viên được sử dụng tài liệu), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0,1;
- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0,1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,2;
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0,5

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

TP. HCM, ngày      tháng      năm 2016

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG KHOA**                      **TRƯỞNG BỘ MÔN**                      **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà      TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang      ThS. Trần Anh Dũng**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
 NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

## HỌC PHẦN DU LỊCH QUỐC TẾ

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **DU LỊCH QUỐC TẾ**
- Mã học phần: 835123
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45  
(35/10)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ

### 3. Mô tả học phần:

Du lịch quốc tế cung cấp khối kiến thức về hoạt động kinh doanh lữ hành quốc tế. Sinh viên được hướng dẫn tiếp cận khối kiến thức du lịch quốc tế như du lịch Inbound, du lịch Outbound, du lịch tàu biển, dịch vụ hàng không quốc tế, xuất nhập cảnh và quản lý điều hành tour du lịch quốc tế.

### 4. Mục tiêu cụ thể của học phần:

4.1. *Về kiến thức*: Hiểu, trình bày, phân tích và vận dụng được những kiến thức trong hoạt động kinh doanh du lịch quốc tế :

- Tổng hợp một số vấn đề chung về du lịch quốc tế.
- Giới thiệu một số Tổ chức du lịch quốc tế.
- Nguyên tắc, nghiệp vụ tổ chức, quản lý, điều hành tua du lịch quốc tế
- Công tác quản lí nhà nước về du lịch quốc tế

4.2. *Về kỹ năng*: Phân tích, tổng hợp và đánh giá hiệu quả công tác quản trị trong hoạt động kinh doanh du lịch quốc tế.

4.3. *Về thái độ*: Có thái độ đúng đắn trong học tập và nghiên cứu, nhận thức rõ được vai trò của khoa học quản trị trong hoạt động kinh doanh du lịch quốc tế để có thể giải quyết những vấn đề của thực tiễn.



### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học phần:

Nội dung chi tiết Học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b><u>Chương 1: TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH QUỐC TẾ</u></b>	3	Thuyết giảng và xác định mục tiêu & nhiệm vụ học tập cho sv
1.1. Khái niệm du lịch quốc tế		
1.2. Lịch sử phát triển du lịch thế giới		
1.3. Đối tượng kinh doanh du lịch quốc tế		
1.3. Vai trò, chức năng của hoạt động kinh doanh du lịch quốc tế		
1.4. Các thuật ngữ chuyên ngành du lịch quốc tế		
<b><u>Chương 2: Xây dựng mô hình &amp; tổ chức kinh doanh du lịch quốc tế Inbound &amp; Outbound</u></b>	3	Thuyết giảng và bài tập tình huống.
2.1. Mô hình kinh doanh du lịch Inbound		
2.2. Đặc điểm kinh doanh Inbound		
2.3. Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận trong kinh doanh du lịch Inbound		
2.4. Đối tượng khách du lịch Inbound	3	Thuyết giảng & bài tập.
2.5. Chiến lược phát triển du lịch Inbound		
2.6. Mô hình kinh doanh du lịch Outbound		
2.7. Đặc điểm kinh doanh Inbound		
2.8. Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận trong kinh doanh du lịch Outbound		
2.9. Đối tượng khách du lịch Outbound		
2.10. Chiến lược phát triển du lịch Outbound		
<b><u>Chương 3: DU LỊCH TÀU BIỂN</u></b>	5	Thuyết giảng.
3.1. Khái niệm và lịch sử phát triển du lịch tàu biển		
3.2. Đối tượng khách du lịch tàu biển		
3.3. Bản chất sản phẩm dịch vụ của du lịch tàu biển		
3.4. Thị trường kinh doanh du lịch tàu biển		
3.5. Du lịch tàu biển tại Việt Nam		
<b><u>Chương 4: DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ</u></b>	5	Thảo luận và thuyết trình nhóm học tập.
5.1. Lịch sử phát triển hàng không thế giới		
5.2. Các tổ chức hàng không quốc tế		
5.3. Mã chuyên bay và sân bay quốc tế		

5.4. Hệ thống đặt vé hàng không quốc tế CSR		
5.5. Vé máy bay		
5.6. Loại máy bay		
5.7. Quản lý nhà nước về hàng không quốc tế tại VN		
<b>Chương 5: XUẤT NHẬP CẢNH</b>	3	Thảo luận & thuyết giảng
5.1. Khái niệm xuất cảnh, nhập cảnh & quá cảnh		
5.2. Visa & Passport		
5.3. Quản lý xuất nhập cảnh tại VN		
5.4. Thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh và quá cảnh		
<b>Chương 6: CÁC TỔ CHỨC DU LỊCH QUỐC TẾ</b>	3	Thuyết giảng.
6.1. Các tổ chức luật du lịch quốc tế		
6.2. Các tổ chức nghề du lịch quốc tế		
<b>Chương 7: QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH DU LỊCH QUỐC TẾ</b>	4	Thuyết giảng & bài tập
7.1. Khái niệm, mục tiêu và đối tượng		
7.2. Quy trình điều hành tour quốc tế		
7.3. Quản lý chất lượng dịch vụ tour quốc tế		
7.4. Ôn tập		Tổng kết, ôn tập

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu học tập chính

- Tập bài giảng của giảng viên.
- Hồ Thị Thu Hồ (2006), *Giáo trình các vùng du lịch Thế giới*. Đại học Cần Thơ.
- Võ Sơn Đông (2010), *Những điều cần biết khi hướng dẫn khách du lịch đi nước ngoài*, Nxb Thời Đại, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu tham khảo

- Đào Ngọc Cảnh (2004), *Tổng quan về du lịch*, Đại học Cần Thơ.
- Tô Tâm (2006), *Du lịch thế giới – Singapore*. Nxb Thế Giới.
- Lê Sĩ Tuấn (2005), *Sổ tay các nước trên thế giới*. Nxb Giáo dục.
- [www.unwto.org](http://www.unwto.org)
- [www.iata.org](http://www.iata.org)

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01.
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Viết tiểu luận.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0,1;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0,1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,2;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0,5
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*TP. HCM, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang**

**ThS. Trần Anh Dũng**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
 NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN**  
**DU LỊCH VĂN HÓA SÀI GÒN – TPHCM**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **DU LỊCH VĂN HÓA SÀI GÒN - TPHCM**
- Mã học phần: 835309
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (30/15)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước:
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ**

**3. Mô tả học phần**

Môn học trang bị những tri thức về hai dạng tài nguyên nhân văn vật thể và tài nguyên nhân văn phi vật thể cùng lịch sử hình thành và phát triển của văn hóa đô thị Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh, những nhân tố ảnh hưởng tới du lịch văn hóa, mô hình và những loại kỹ năng nghiệp vụ cơ bản về du lịch văn hóa như kỹ năng nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa từ tài nguyên nhân văn, kỹ năng kết nối với các loại hình di sản và nghệ thuật, kỹ năng thiết kế, xúc tiến và bán sản phẩm chương trình tour và phương pháp xây dựng một chương trình du lịch văn hóa cụ thể.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức về hai dạng tài nguyên nhân văn vật thể và tài nguyên nhân văn phi vật thể cùng lịch sử hình thành và phát triển của văn hóa đô thị Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh, những nhân tố ảnh hưởng tới du lịch văn hóa, mô hình và những loại kỹ năng nghiệp vụ cơ bản về du lịch văn hóa.

- Nắm vững những hiểu biết cơ bản

4.2. Về kỹ năng

- Rèn luyện và phát triển kỹ năng, năng lực trải nghiệm, giao tiếp và đánh giá, năng lực diễn đạt, phân tích và diễn giải, năng lực kỹ thuật để xử lí, nhận diện, phân tích và khai thác các giá trị của di sản Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh, thiết kế

chương trình tour cụ thể, thực hiện có hiệu quả các nghiệp vụ của một hướng dẫn viên chuyên nghiệp.

#### 4.3. Về thái độ

- SV biết yêu quý, trân trọng, tự hào và ứng xử đúng với những giá trị của tài nguyên văn vật thể và tài nguyên văn phi vật thể cùng lịch sử của văn hóa đô thị Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh, góp phần vào việc giữ gìn bản sắc của văn hoá dân tộc Việt Nam.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Khái quát về du lịch văn hóa và Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh</b>	<b>6</b>	
<p><i>1.1. Khái quát về du lịch văn hóa</i></p> <p>1.1.1. Khái niệm, đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ của du lịch văn hóa</p> <p>1.1.2. Phân biệt du lịch văn hóa và văn hóa du lịch</p> <p>1.1.3. Các thành tố của du lịch văn hóa</p> <p>1.1.3.1. Tài nguyên du lịch</p> <p>1.1.3.2. Khách du lịch</p> <p>1.1.3.3. Nhà cung ứng, tổ chức, điều hành và hướng dẫn viên du lịch</p> <p>1.1.4. Những nhân tố ảnh hưởng tới du lịch văn hóa</p> <p>a). Tự nhiên</p> <p>b). Xã hội</p> <p>c) Ngành du lịch</p> <p>d) Môi trường văn hóa trong du lịch</p> <p>1.1.5. Các mô hình du lịch văn hóa</p> <p>1.1.6. Kỹ năng và nghiệp vụ du lịch văn hóa</p> <p><i>1.2. Khái quát về Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh</i></p> <p>1.2.1. Tọa độ, vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên của Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>1.2.2. Điều kiện xã hội và quá trình hình thành, phát triển của Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh</p>		<p>-SV chuẩn bị ở nhà: đọc kĩ tài liệu chính: (1), (2), (3) và tài liệu khác: (6), (7); tổ chức nội dung thuyết trình nhóm theo gợi ý đề tài của GV;</p> <p>Trên lớp: SV tích cực tham gia xây dựng bài.</p> <p>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng =&gt; tổ chức điều khiển, định hướng để SV nhận thức nắm các kiến thức cơ bản từ 1.1. đến 1.9.</p> <p>-Đánh giá SV theo 2 tiêu chí: 1. Chuẩn bị bài ở nhà 2. Tích cực tham gia có hiệu quả nội dung bài học trên lớp.</p>
<b>Chương 2. Tài nguyên du lịch văn hóa Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh</b>	<b>12</b>	
2.1. <i>Tài nguyên nhân văn vật thể và phi vật thể của Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh</i>		-SV chuẩn bị ở nhà, đọc kĩ tài liệu chính: (1), (2), và tài

<p>2.1.1. <i>Tài nguyên nhân văn vật thể</i></p> <p>2.1.1.1. <i>Các công trình kiến trúc phục vụ tín ngưỡng-tôn giáo:</i> Chùa Giác Lâm, chùa Giác Viên, chùa Nam Thiên Nhất Trụ, chùa Xá Lợi, chùa Bà Thiên Hậu, chùa Ngọc Hoàng, chùa Ấn Quang, chùa Phụng Sơn, chùa Linh Sơn, Thiền Viện Vạn Hạnh, Đền thờ Trần Hưng Đạo, Nhà thờ Đức Bà, nhà thờ Huyện Sỹ, nhà thờ Chợ Quán, nhà thờ Thánh Phanxicô Xaviê (nhà thờ Cha Tam), Đền tưởng niệm liệt sĩ Bến Dược.</p> <p>2.1.1.2. <i>Các công trình phục vụ nhu cầu sinh hoạt và tìm hiểu, nghiên cứu</i></p> <p>Hội trường Thống Nhất (dinh Độc Lập), Trụ sở UBND Tp.HCM, Nhà hát Lớn, Bưu điện Sài Gòn, Bảo tàng phụ nữ Nam Bộ, Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh (Bến Nhà Rồng), Bảo tàng Chứng tích Chiến tranh, Địa đạo Củ Chi, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại Tp.HCM, Bảo tàng Cách mạng thành phố (dinh Gia Long cũ), Bảo tàng Chủ tịch Tôn Đức Thắng, Bảo tàng Mỹ thuật Tp.HCM, Khách sạn Majestic, Khách sạn Continental, Khách sạn Rex, Khách sạn Grand, Hotel Chợ Lớn, Chợ Bến Thành, Chợ An Đông.</p> <p>2.1.1.3. <i>Danh thắng:</i> Thảo Cầm Viên, Công viên Đầm Sen, Khu du lịch Kỳ Hòa, Công viên Văn hóa Tp.HCM, khu du lịch Văn Thánh, Công viên nước Sài Gòn, Khu du lịch Suối Tiên, Khu du lịch làng nghề “Một thoáng Việt Nam”, Mười tám thôn Vườn Trầu, Khu du lịch sinh thái Vàm Sát và Lâm viên Cần Giờ.</p> <p>2.1.2. <i>Tài nguyên nhân văn phi vật thể</i></p> <p>2.1.2.1. <i>Tín ngưỡng</i></p> <p>- Tín ngưỡng ở cộng đồng:</p> <p>+ Cơ sở thờ tự: Đình, miếu, nhà vuông, đền thờ, chùa</p> <p>+ Đối tượng thờ: a) Đối với người Việt: Thờ Thành Hoàng Bốn Cảnh, thờ thần linh; thờ danh nhân, anh hùng liệt sĩ; thờ tổ nghề, Tiên Sư, dòng họ; b) Đối</p>	<p>liệu khác: (3), (5), (6), (7), (8), (9), (10), (11); tổ chức nội dung thuyết trình nhóm theo gợi ý đề tài của GV;</p> <p>Trên lớp: SV tích cực tham gia xây dựng bài ở lớp.</p> <p>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng =&gt; tổ chức phân nhóm, điều khiển SV nắm các kiến thức cơ bản về quá trình phát triển, hệ giá trị, tài nguyên nhân văn vật thể và phi vật thể của Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- GV cho SV thực hành:</p> <p>Lập danh sách:</p> <p>+ Những điểm có <i>tài nguyên nhân văn vật thể</i> cụ thể là hệ thống đền, chùa, nhà thờ- Di tích lịch sử văn hóa của Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh như ở 2.3.1.1. hay các công trình phục vụ nhu cầu sinh hoạt và tìm hiểu, nghiên cứu như ở 2.3.1.2. hoặc các danh thắng như ở 2.3.1.3.</p> <p>+ Những điểm có <i>tài nguyên nhân văn phi vật thể</i>, cụ thể như ở 2.3.2.</p> <p>b) Thu thập thông tin và mô tả những điểm đã hoặc chưa được khai thác vào du lịch</p> <p>- Đánh giá thực hành/ báo</p>
---	--

<p>với người Hoa: thờ thần của 3 cõi Thiên-Địa-Nhân; c) Đối với người Khmer: thờ thần Neak Ta, Thần Nông (chùa Chantaransay và chùa Pôtivong) - Tín ngưỡng ở gia đình 2.1.2.2. <i>Lễ hội:</i> -Lễ hội thờ các anh hùng dân tộc, danh nhân: Lễ hội trong ngày giỗ vua Hùng, Ngày giỗ Trần Hưng Đạo, Lễ giỗ Lê văn Duyệt, Lễ giỗ Phan Công Hớn, Hội chùa Ông Bồn, Lễ hội miếu ông Địa -Lễ hội thờ các Tiên hiền, Hậu hiền, các tổ Nghề: Lễ Kỳ Yên đình Phú Nhuận, đình Bình Đông, Lễ hội ngư dân Cần Giờ, Lễ Giỗ Tổ nghề kim hoàn, Lễ giỗ tổ cái lương, hát bội. -Lễ hội của các dân tộc ít người: Lễ hội của người Hoa (lễ Nguyên Tiêu), Lễ hội của người Khmer (Tết năm mới- Chôl Chnam Thmây, Lễ cúng ông bà- Đôlta, Lễ trông trăng- Ooc om bok), Lễ hội của người Chăm (theo Hội lịch: Lễ sinh nhật thiên sứ Muhamed-12/3, Lễ Ramadan 1-30/9, Lễ bố thí 1/10) 2.3. <i>Thực hành</i> a) Lập danh sách những điểm có tài nguyên nhân văn vật thể/ phi vật thể của Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh b) Thu thập thông tin và mô tả những điểm đã hoặc chưa được khai thác vào du lịch.</p>		<p>cáo thuyết trình/ tiểu luận của SV theo 4 tiêu chí: 1. Chuẩn bị: đầy đủ, chính xác, đúng trọng tâm. 2. Trình bày: lưu loát, rõ ràng, đúng thời gian. 3. Tương tác: Khả năng giải quyết các vấn đề và với các thành viên khác và với GV 4. Hoàn thiện báo cáo và nộp đúng thời hạn</p>
<p><b>Chương 3. Kỹ năng, nghiệp vụ trong du lịch văn hóa Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh</b></p>	12	
<p>3.1. <i>Kỹ năng nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa</i> 3.1.1. Các yếu tố nhận diện: a). Xác định không gian của di sản vật thể và phi vật thể b). Xác định thời gian của di sản vật thể và phi vật thể c). Xác định đối tác và mục đích, vai trò liên quan 3.1.2. Các yếu tố khai thác, đưa di sản vào tour a) Xác định các yếu tố “vật chất” và “tinh thần” của di sản vật thể và phi vật thể được phép khai thác</p>		<p>-SV chuẩn bị ở nhà, đọc kỹ tài liệu chính và tài liệu khác; tổ chức nội dung thuyết trình theo gợi ý đề tài của GV; - GV tổ chức tương tác, điều khiển SV thực hành rèn kỹ năng nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa, kỹ năng thiết kế chương trình du lịch văn hóa, kỹ năng tổ chức các</p>

<p>b) Xác định khả năng được tham gia hay quan sát của khách du lịch ở điểm có di sản vật thể và phi vật thể</p> <p>3.1.3. Thực hành nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa của di sản vật thể và phi vật thể (ở 2.3.1 và 2.3.2)</p> <p>3.2. <i>Kỹ năng thiết kế chương trình du lịch văn hóa</i></p> <p>3.2.1. Quy trình thực hiện</p> <p>3.2.2. Thiết kế các loại tour</p> <p>a) Thiết kế tour chủ động</p> <p>b) Thiết kế tour theo yêu cầu khách hàng</p> <p>c) Thiết kế tour theo các mức giá (mức giá trọn gói, mức giá cơ bản hay mức giá tự chọn)</p> <p>d) Thiết kế tour theo nội dung và mục đích chuyến đi</p> <p>3.2.3. <i>Thực hành thiết kế các loại tour</i></p> <p>a) Hotel Tour</p> <p>b) City Tour</p> <p>3.3. <i>Kỹ năng tổ chức các hoạt động xúc tiến và bán chương trình du lịch văn hóa</i></p> <p>3.3.1. Các hình thức xúc tiến: Marketing trực tiếp, quảng cáo, quan hệ công chúng và tuyên truyền, bán hàng trực tiếp, internet,...</p> <p>3.3.2. Kỹ năng tổ chức các hoạt động xúc tiến</p> <p>a) Thiết kế, in ấn và phân phát ấn phẩm quảng cáo</p> <p>b) Cập nhật thông tin lên trang web</p> <p>c) Xây dựng chương trình kích thích tiêu thụ</p> <p>d) Xây dựng thương hiệu và quan hệ công chúng</p> <p>3.3.3. Kỹ năng bán chương trình du lịch văn hóa</p> <p>a) Bán tại văn phòng công ty hoặc travel desk</p> <p>b) Tiếp xúc trực tiếp</p> <p>c) Bán qua phương tiện truyền thông</p> <p>3.4. <i>Kỹ năng thông tin và giao tiếp ứng xử trong chương trình du lịch văn hóa</i></p> <p>3.4.1. Kỹ năng thông tin</p> <p>a) Thu thập thông tin du lịch về những điểm tham quan</p> <p>b) Cung cấp thông tin cần thiết về các điểm và định hướng khách</p>	<p>hoạt động xúc tiến và bán chương trình du lịch văn hóa, kỹ năng thông tin và giao tiếp ứng xử trong chương trình du lịch văn hóa thông qua các sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Phiếu nhận diện và mô tả các giá trị văn hóa có thể khai thác của di sản vật thể và phi vật thể Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh</li> <li>+ Bản thiết kế các ấn phẩm quảng cáo, các chương trình du lịch văn hóa Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh nội vùng hoặc liên vùng</li> <li>+ Các kịch bản giao tiếp ứng xử với các loại đối tượng trong chương trình du lịch văn hóa;</li> <li>+ Tổ chức Hotel tour về các Khách sạn là Di sản Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh như Khách sạn Majestic, Khách sạn Rex, Khách sạn Continental, Khách sạn Grand Hotel</li> </ul> <p>-Đánh giá thực hành/ báo cáo thuyết trình/ tiểu luận của SV theo 4 tiêu chí:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chuẩn bị: đầy đủ, chính xác, đúng trọng tâm.</li> <li>2. Trình bày: lưu loát, rõ ràng, đúng thời gian.</li> <li>3. Tương tác: Khả năng giải quyết các vấn đề và với các thành viên khác và với GV</li> </ol>
---	---



<p>3.4.2. Kỹ năng giao tiếp ứng xử trong du lịch văn hóa</p> <p>a) Giao tiếp, ứng xử giữa nhà cung ứng, hướng dẫn viên du lịch và khách du lịch</p> <p>b) Giao tiếp, ứng xử giữa chính quyền, ban quản lý di tích, dân cư địa phương và khách du lịch</p> <p>c) Ứng xử với những điểm du lịch tôn giáo, tín ngưỡng</p> <p>3.5. <i>Thực hành</i></p> <p>a) Lập phiếu nhận diện và khai thác các giá trị văn hóa ở những điểm có tài nguyên nhân văn vật thể/ phi vật thể của Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>b) Thu thập thông tin du lịch về những điểm tham quan của Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>c) Thiết kế các chương trình du lịch Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh của tuyến nội vùng và liên vùng với sự kết nối các điểm tài nguyên có tài nguyên nhân văn vật thể/ phi vật thể.</p> <p>d) Thực hành thực địa một tour du lịch văn hóa Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh theo hai dạng Hotel Tour hoặc City Tour</p>	<p>4. Tính khả thi: Đảm bảo thực hiện được Hotel Tour hoặc City Tour theo nhóm/lớp</p>
---	--

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Trần Thúy Anh (cb) (2014), *Giáo trình du lịch văn hóa-Những vấn đề lý luận và nghiệp vụ*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
2. Nguyễn Viết Ngoạn (2014), *Di sản Sài Gòn*, NXB Thời đại.

### 6.2. Tài liệu khác

3. Nguyễn Đình Đầu (2007), *100 câu hỏi đáp địa lý Sài Gòn-Thành phố Hồ Chí Minh-Tp.HCM*, Nxb Tp.HCM.
4. Nguyễn Đức Hiệp (2016), *Sài Gòn –Chợ Lớn qua những tư liệu quý trước 1945*, Nxb Văn hóa-Văn nghệ.
5. Nhiều tác giả (2010), *300 câu hỏi Sài Gòn-Tp HCM*, NXB Văn hóa Sài Gòn.
6. Nhiều tác giả (2014), *Sài Gòn xưa và nay*, NXB Thời đại.
7. Nguyễn Thanh Lợi (2015), *Sài Gòn-đất và người*, Nxb Tổng hợp Tp.HCM.
8. Sơn Nam (1984), *Đất Gia Định xưa*, Nxb Tp.HCM.
9. Vương Hồng Sển (1994), *Sài Gòn năm xưa*, Nxb Tp.HCM.
10. Trương Vĩnh Kí (1997) (Nguyễn Đình Đầu dịch), *Kí ức lịch sử về Sài Gòn và các vùng phụ cận*, Nxb Trẻ.

11. Trần Văn Giàu (cb) (1990), *Địa chí văn hóa Tp.HCM* tập 1,2,3, Nxb Tp.HCM.
12. Tổng cục Du lịch Việt Nam (2007), *Non nước Việt Nam*.
13. Thanh Phương-Lê Trung Hoa (2008), *Từ điển Sài Gòn*, NXB Trẻ.
14. Trần Nhật Vy (2015), *Từ Bến Nghé tới Sài Gòn*, Nxb Văn hóa-Văn nghệ.
15. Bùi Hải Yến (2006), *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, H.

### **7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở (thí sinh được sử dụng tài liệu), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.1;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số: 0.5
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang**

**TS. Nguyễn Đăng Khánh**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN**  
**PHƯƠNG NGỮ VÀ VÙNG VĂN HÓA VIỆT NAM**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **PHƯƠNG NGỮ VÀ VÙNG VĂN HÓA VIỆT NAM**
- Mã học phần: 835311
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45  
(25/20)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: KHOA HỌC CƠ BẢN**

**3. Mô tả học phần**

Môn học trang bị những hiểu biết toàn diện và cơ bản về ba vùng phương ngữ tiếng Việt và sáu vùng văn hóa Việt Nam bao gồm lịch sử phát triển, cơ sở phân định, đặc điểm của ba vùng phương ngữ tiếng Việt trên bình diện ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa, những đặc điểm tự nhiên- xã hội- tộc người và hệ giá trị đặc thù của sáu vùng văn hóa Việt Nam và những phương pháp nghiên cứu chuyên ngành.

**4. Mục tiêu học phần**

*4.1. Về kiến thức*

- Nắm vững những kiến thức cơ bản của học phần bao gồm lịch sử hình thành và phát triển, cơ sở phân định, đặc điểm của ba vùng phương ngữ tiếng Việt trên bình diện ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa, những đặc điểm tự nhiên- xã hội- tộc người và hệ giá trị đặc thù của sáu vùng văn hóa Việt Nam.

*4.2. Về kỹ năng*

- Rèn luyện và phát triển kỹ năng, năng lực trải nghiệm, giao tiếp và đánh giá, năng lực diễn đạt, phân tích và diễn giải, năng lực kỹ thuật để xử lý và giải quyết các yếu tố phương ngữ tiếng Việt và những giá trị đặc trưng của các vùng văn hóa Việt Nam.

*4.3. Về thái độ*

- SV biết yêu quý, trân trọng những giá trị của phương ngữ tiếng Việt và những giá trị đặc trưng của các vùng văn hóa Việt Nam, từ đó có những thái độ ứng xử đúng đắn, góp phần vào việc giữ gìn bản sắc của tiếng Việt và văn hoá dân tộc Việt Nam.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Những vấn đề chung về phương ngữ và vùng văn hóa Việt Nam</b>	15	
<p>1.1. Khái niệm phương ngữ và vùng văn hóa</p> <p>1.2. Mối quan hệ giữa văn hóa với phương ngữ và sự phản ánh các đặc trưng địa phương, dân tộc</p> <p>1.3. Lịch sử hình thành các vùng đất của Việt Nam</p> <p>1.3.1. Từ khu vực Bắc Bộ</p> <p>1.3.2. Mở rộng đến khu vực Trung Bộ</p> <p>1.3.3. Đến vùng đất mới Nam Bộ</p> <p>1.4. Cơ sở và kết quả phân định về vùng phương ngữ và vùng văn hóa Việt Nam</p> <p>1.3.1. Sự phân định về vùng phương ngữ tiếng Việt</p> <p>1.3.2. Sự phân định về vùng văn hóa Việt Nam</p> <p>1.4. Quá trình hình thành và phát triển của các vùng phương ngữ tiếng Việt</p> <p>1.5. Quá trình hình thành và phát triển của các vùng văn hóa Việt Nam</p> <p>1.6. Vai trò của vùng phương ngữ và vùng văn hóa</p> <p>1.7. Các phương pháp nghiên cứu phương ngữ và văn hóa vùng</p>		<p>- SV chuẩn bị ở nhà: đọc kỹ tài liệu chính: (1), (2), và tài liệu khác: (6), (7); tổ chức nội dung thuyết trình nhóm theo gợi ý đề tài của GV;</p> <p>Trên lớp: SV tích cực tham gia xây dựng bài ở lớp.</p> <p>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng =&gt; tổ chức tương tác nhóm, điều khiển, định hướng để SV nhận thức nắm các kiến thức cơ bản về khái niệm, 3 vùng phương ngữ và 6 vùng văn hóa Việt Nam, quá trình hình thành và phát triển của các vùng đó.</p> <p>-Đánh giá SV theo 2 tiêu chí: 1. Chuẩn bị bài ở nhà 2. Tích cực tham gia có hiệu quả nội dung bài học trên lớp.</p>
<b>Chương 2. Đặc điểm các vùng phương ngữ tiếng Việt</b>	15	
<p>2.1. <i>Đặc điểm của phương ngữ Bắc</i></p> <p>2.1.1. Đặc điểm về ngữ âm</p> <p>2.1.2. Đặc điểm về từ vựng - ngữ nghĩa</p> <p>2.1.3. Đặc điểm về ngữ pháp</p> <p>2.2. <i>Đặc điểm của phương ngữ Trung</i></p> <p>2.2.1. Đặc điểm về ngữ âm</p> <p>2.2.2. Đặc điểm từ vựng - ngữ nghĩa</p> <p>2.2.3. Đặc điểm về ngữ pháp</p> <p>2.3. <i>Đặc điểm của phương ngữ Nam</i></p>		<p>-SV chuẩn bị, đọc kỹ tài liệu chính: (1), (2), và tài liệu khác: (3), (5), (6), (7), (8); tổ chức nội dung thuyết trình nhóm theo gợi ý đề tài của GV;</p> <p>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng =&gt; tổ chức tương tác nhóm, điều</p>

<p>2.3.1. Đặc điểm về ngữ âm</p> <p>2.3.2. Đặc điểm về từ vựng - ngữ nghĩa</p> <p>2.3.3. Đặc điểm về ngữ pháp</p> <p>2.4. Các lớp từ địa phương tiếng Việt với những kiểu khác biệt về đặc điểm ngôn ngữ</p> <p>2.5. Hệ thống đại từ, ngữ khí từ các vùng phương ngữ</p> <p>2.6. Hoạt động của phương ngữ trong thực tiễn sử dụng của xã hội</p> <p>2.6.1. Phương ngữ trong sử dụng thường ngày</p> <p>2.6.2. Phương ngữ trong sáng tác, truyền thông</p> <p>2.7. Thực hành minh họa, diễn giả các mẫu về 3 vùng phương ngữ</p>		<p>khuyến, định hướng SV nắm các kiến thức cơ bản về đặc điểm ngữ âm, từ vựng - ngữ nghĩa và ngữ pháp 6 vùng phương ngữ tiếng Việt.</p> <p>- GV cho SV thực hành một số mẫu minh họa hoặc một số tác phẩm tiêu biểu thuộc các thể loại có sử dụng phương ngữ</p>
<p><b>Chương 3. Đặc điểm và hệ giá trị đặc thù của các vùng văn hóa Việt Nam</b></p>	15	
<p>3.1. Khái niệm văn hóa vùng và vùng văn hóa</p> <p>3.2. Sự phân vùng văn hóa ở Việt Nam</p> <p>3.2.1. Nguyên tắc và kết quả phân định</p> <p>3.1.2. Những nghiên cứu nổi bật về văn hóa vùng Việt Nam</p> <p>3.3. Đặc trưng của các vùng văn hóa ở Việt Nam</p> <p>3.3.1. Đặc điểm tự nhiên- xã hội- tộc người và hệ giá trị đặc thù của vùng văn hóa Việt Bắc</p> <p>3.3.2. Đặc điểm tự nhiên- xã hội- tộc người và hệ giá trị đặc thù của vùng văn hóa Tây Bắc</p> <p>3.3.3. Đặc điểm tự nhiên- xã hội- tộc người và hệ giá trị đặc thù của vùng văn hóa châu thổ Bắc Bộ</p> <p>3.3.4. Đặc điểm tự nhiên- xã hội- tộc người và hệ giá trị đặc thù của vùng văn hóa Trung Bộ</p> <p>3.3.5. Đặc điểm tự nhiên- xã hội- tộc người và hệ giá trị đặc thù của vùng văn hóa Tây Nguyên</p> <p>3.3.6. Đặc điểm tự nhiên- xã hội- tộc người và hệ giá trị đặc thù của vùng văn hóa Nam Bộ</p> <p>3.4. Thực hành</p> <p>3.4.1. Thiết lập bảng mẫu mô tả thông tin về hệ giá trị đặc thù của 6 vùng văn hóa ở Việt Nam</p> <p>3.4.2. Chọn minh họa, diễn giải một số tác phẩm tiêu biểu thuộc thể loại nghệ thuật diễn xướng là những di sản cấp địa phương/ Quốc gia/ thế giới</p>		<p>-SV chuẩn bị ở nhà, đọc kỹ tài liệu chính: (2), và tài liệu khác: (4), (5), (10), (11); tổ chức nội dung thuyết trình nhóm theo gợi ý đề tài của GV; tích cực tham gia xây dựng bài ở lớp.</p> <p>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng =&gt; tổ chức trưng tác nhóm, điều khiển, định hướng SV nắm các kiến thức cơ bản về đặc điểm tự nhiên- xã hội- tộc người và hệ giá trị đặc thù của 6 vùng văn hóa.</p> <p>- GV cho SV thực hành diễn giải minh họa một số tác phẩm tiêu biểu thuộc thể loại nghệ thuật diễn xướng, đặc biệt là những tác phẩm là Di sản thế giới/ Di sản cấp Quốc gia.</p> <p>-Đánh giá báo cáo thuyết trình/ tiểu luận theo 4 tiêu</p>

	chí: 1. Chuẩn bị báo cáo đầy đủ, chính xác, đúng trọng tâm. 2. Trình bày báo cáo: lưu loát, rõ ràng, đúng thời gian. 3. Khả năng giải quyết các vấn đề và tương tác với các thành viên khác và với GV. 4. Hoàn thiện báo cáo và nộp đúng thời hạn
--	---

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Hoàng Thị Châu, *Phương ngữ học tiếng Việt*, Nxb ĐHQG Hà Nội, H. 2004.
2. Ngô Đức Thịnh (1993), *Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, H.

### 6.2. Tài liệu khác

3. Nguyễn Văn Ái (1994), *Từ điển phương ngữ Nam bộ*, NXB Tp. HCM
4. Nguyễn Duy Hình (2013), *Văn minh Lạc Việt*, . NXB Văn hóa – Thông tin.
5. Đinh Gia Khánh (1995), *Các vùng văn hóa Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội.
6. Trần Thị Ngọc Lang (1995), *Phương ngữ Nam Bộ*, Nxb KHXH, H.
7. Trần Thị Ngọc Lang (2005), *Một số vấn đề về phương ngữ xã hội*, Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ, Nxb Khoa học Xã hội.
8. Huỳnh Công Tín (1996), *Từ điển phương ngữ Nam Bộ*, NXB KHXH, H.
9. Trần Ngọc Thêm (2009), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB GD, tái bản.
- 10.. Trần Ngọc Thêm (2004), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam: cái nhìn hệ thống – loại hình*, NXB TP Hồ Chí Minh,
11. Trần Ngọc Thêm (2014), *Văn hóa người Việt vùng Tây Nam Bộ*, Nxb Văn hóa Văn nghệ
12. Trần Ngọc Thêm (2016), *Hệ giá trị Việt Nam- từ truyền thống đến hiện đại và tương lai*, NXB Văn hóa Văn nghệ.
13. Trần Quốc Vượng (1998), *Việt Nam-Cái nhìn địa văn hóa*, Nxb Văn hóa Dân tộc.
14. Website: [www.vanhoahoc.edu.vn](http://www.vanhoahoc.edu.vn)

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở (thí sinh được sử dụng tài liệu), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.1;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số: 0.5

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Đăng Khánh**

**TS. Nguyễn Đăng Khánh**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN**  
**TÂM LÝ – GIAO TIẾP DU LỊCH**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **TÂM LÝ – GIAO TIẾP DU LỊCH**
- Mã học phần: 835105
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (35/10)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: KHOA HỌC CƠ BẢN**

**3. Mô tả học phần:**

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản của tâm lý học & Giao tiếp ứng xử trong du lịch.

Biết được tâm lý của từng loại khách theo nhiều cách phân loại khác nhau để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của họ trong quá trình hướng dẫn du lịch.

Môn học trang bị cho học viên những nguyên tắc khoa học, những phương thức tiến hành giao tiếp với khách hàng, đồng thời mở rộng khả năng giao tiếp với khách để mang lại hiệu quả cao nhất trong quá trình làm việc.

**4. Mục tiêu cụ thể của học phần**

4.1. Về kiến thức: Tâm lý khách du lịch & Giao tiếp ứng xử trong du lịch được cấu trúc bởi 3 phần liên kết nhau: Tâm lý đại cương cung cấp những kiến thức cơ bản về tâm lý học. Tâm lý du lịch cung cấp những kiến thức về hành vi của người tiêu dùng du lịch, những đặc điểm cơ bản trong tâm lý của nhóm du khách và Nghệ thuật giao tiếp ứng xử của chủ thể là nhân lực thuộc nhà cung ứng du lịch.

4.2. Về kỹ năng: Học phần này đặt ra yêu cầu đối với người làm nghề du lịch tương lai, đặc biệt là đối với hướng dẫn viên du lịch (về nắm bắt tâm lý, kỹ năng giao tiếp, xử lý tình huống...). Trên cơ sở đó, người học có được kiến thức nhất định trong những nghi thức và phương pháp giao tiếp ứng xử cơ bản trong những tình huống quan hệ giao tiếp (cần sự nhạy bén, lịch thiệp và thuyết phục du khách).



Người học cần tiếp thu và rèn luyện không ngừng, từng bước hình thành nhân cách lịch sự, văn minh của người làm trong lĩnh vực kinh doanh du lịch.

4.3. Về thái độ: tích cực và sự lịch thiệp hoạt động trong ngành dịch vụ

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học phần:

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương I: Các hiện tượng tâm lý xã hội trong du lịch</b>	<b>10</b>	Thuyết giảng, cho xem hình ảnh & video clip minh họa
1. Khái quát về tâm lý xã hội	5	
1.1. Tâm lý xã hội là gì?		
1.2. Các quy luật hình thành tâm lý xã hội		
1.2.1. Quy luật kế thừa		
1.2.2. Quy luật lây lan		
1.2.3. Quy luật bắt chước		
1.2.4. Quy luật tác động qua lại giữa con người với con người		
2. Một số hiện tượng tâm lý xã hội ảnh hưởng đến khách du lịch	5	Thảo luận nhóm, thuyết trình
2.1. Phong tục tập quán		
2.2. Tín ngưỡng - tôn giáo		
2.3. Tính cách dân tộc		
2.4. Thị hiếu và mốt		
2.5. Bầu không khí tâm lý		
<b>Chương II: Tâm lý du khách</b>	<b>15</b>	Thảo luận nhóm, thuyết trình (SV minh họa bằng nhiều hình thức)
1. Phân loại khách du lịch	2	
1.1. Tâm lý du lịch theo giới tính		
1.1.1. Khách du lịch là nữ		
1.1.2. Khách du lịch là nam		
1.2. Tâm lý khách theo lứa tuổi	1	
1.2.1. Du khách là người cao tuổi		
1.2.2. Khách du lịch là trẻ em		
1.3. Tâm lý khách theo châu lục	2	
1.3.1. Tâm lý người châu Á		
1.3.2. Tâm lý người châu Âu		
1.3.3. Tâm lý người châu Phi		
1.3.4. Tâm lý người châu Mỹ		
1.4. Tâm lý khách theo quốc gia, dân tộc	2	

1.5. Tâm lý khách du lịch theo nghề nghiệp	2	
1.5.1. Khách du lịch là người chỉ huy		
1.5.2. Khách du lịch là nghệ sỹ		
1.5.3. Khách du lịch là các nhà kinh doanh		
1.5.4. Khách du lịch là các nhà khoa học		
1.5.5. Khách du lịch là công nhân		
1.6. Tâm lý khách du lịch theo tín ngưỡng tôn giáo	2	
1.6.1. Tâm lý người theo đạo Phật		
1.6.2. Tâm lý người theo đạo Hồi		
1.6.3. Tâm lý người theo đạo Thiên Chúa		
1.7. Đặc điểm tiêu dùng của khách ba lô		
2. Tâm trạng của khách du lịch	2	
2.1. Tâm trạng của khách du lịch		
2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tâm trạng của khách du lịch		
3. Sở thích của khách du lịch	2	
3.1. Khái niệm		
3.2. Sự hình thành sở thích du lịch		
<b>Chương III: Giao tiếp trong du lịch</b>	<b>20</b>	Thuyết giảng và thực hành
1. Hướng dẫn chung	2	
2. Kỹ năng lắng nghe và nói	3	
3. Những điều cấm kị	1	
4. Giao tiếp trong quá trình phục vụ khách du lịch	3	
4.1. Đón tiếp khách		
4.2. Trong quá trình phục vụ		
4.3. Tiền khách		
5. Một số nghi thức giao tiếp cơ bản trong hoạt động du lịch	2	Thực hành theo nhóm
5.1. Điện thoại		
5.2. Công văn, thư tín		
5.3. Danh thiếp		
5.4. Fax		
5.5. Internet		
5.6. Một số nghi lễ của giao tiếp	4	Xem video clip minh họa, rút ra nhận xét-thực hành
5.6.1. Chào hỏi		
5.6.2. Bắt tay		
5.6.3. Giới thiệu làm quen		
6. Một số nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du	5	Thuyết giảng và thực

lịch		hành
6.1. Nghệ thuật xã giao trong đàm phán		
6.2. Nghệ thuật xã giao trong các cuộc họp		
6.3. Kỹ năng cần thiết trong đối ngoại phục vụ du lịch		
6.3.1. Các yếu tố trong hoạt động đối ngoại		
6.3.2. Tiếp xúc đối ngoại trong du lịch		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

- [1]. Nguyễn Văn Đính (chủ biên). Giáo trình tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch. NXB Thống kê. Hà Nội. 1995  
 [2]. Nguyễn Văn Lê. Tâm lý học du lịch. NXB Trẻ. 1997  
 [3]. Trần Thu Hà. Giáo trình tâm lý học du lịch. NXB Trẻ. 1997

### 6.2. Tài liệu tham khảo khác:

- [1]. Hoàng Anh. Giao tiếp sư phạm. NXB Đại học sư phạm Hà Nội. 2005  
 [2]. Dale Carnegie. Đắc nhân tâm. NXB Đồng Tháp. 2003  
 [3]. Thái Trí Dũng. Kỹ năng giao tiếp và thương lượng trong kinh doanh. NXB Thống kê. Hà Nội. 2004  
 [4]. Trịnh Xuân Dũng. Kỹ năng giao tiếp. NXB ĐHQG Hà Nội. 2000  
 [5]. Nguyễn Văn Lê. Nhập môn khoa học giao tiếp. NXB Giáo dục. 1998

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.  
 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01.  
 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở (thí sinh được sử dụng tài liệu); thời gian làm bài: 90 phút.  
 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/ hệ số tương ứng:  
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0,1  
 - Điểm thuyết trình và thảo luận trên lớp: hệ số 0,4  
 - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0,5  
 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Đăng Khánh**

**ThS. Nguyễn Thị Hồng Trang**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
 NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN**  
**PHONG TỤC - TÍN NGƯỠNG - TÔN GIÁO VIỆT NAM**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **PHONG TỤC - TÍN NGƯỠNG - TÔN GIÁO VIỆT NAM**
- Mã học phần: 835312
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45  
(25/20)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: KHOA HỌC CƠ BẢN**

**3. Mô tả học phần**

Học phần giới thiệu một số phong tục tập quán của người Việt và các dân tộc thiểu số khác. Học phần còn cung cấp cho người học những kiến thức về tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam; vai trò tích cực và tiêu cực của tôn giáo – tín ngưỡng trong sự phát triển của xã hội.

Với những kiến thức học được từ học phần này, sinh viên có thể nhận diện, giải thích những phong tục truyền thống, tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam với tư cách là một hướng dẫn viên du lịch tại các công ty lữ hành hoặc là những chuyên viên trong các cơ quan quản lý văn hóa.

**4. Mục tiêu học phần**

- 4.1. Về kiến thức: Cung cấp kiến thức về: phong tục tập quán, lễ hội, tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam.
- 4.2. Về kĩ năng: giúp sinh viên hiểu và giải thích những phong tục, tập quán, lễ hội, tín ngưỡng, tôn giáo của các dân tộc Việt Nam.
- 4.3. Về thái độ: giúp sinh viên trân trọng và có ý thức giữ gìn những giá trị văn hóa truyền thống về phong tục, tập quán, lễ hội tín ngưỡng, tôn giáo Việt Nam.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số Tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Chương 1. Phong tục, lễ hội Việt Nam</b></p> <p>1.1. Phong tục sinh con, cách đặt tên, cách nuôi dạy con</p> <p>1.1.1. Phong tục sinh con</p> <p>1.2.2. Cách đặt tên con</p> <p>1.3.3 Cách nuôi dạy con trẻ</p> <p>1.2. Phong tục hôn nhân xưa và nay</p> <p>1.2.1. Phong tục hôn nhân xưa và nay của người Việt</p> <p>1.2.2. Phong tục hôn nhân xưa và nay của các dân tộc thiểu số Việt Nam</p> <p>1.2.2.1. Hôn nhân của người Hoa</p> <p>1.2.2.2. Hôn nhân của người Chăm</p> <p>1.2.2.3. Hôn nhân của người Khơ me</p> <p>1.2.2.4. Hôn nhân của một vài dân tộc thiểu số khác</p> <p>1.3. Phong tục tang ma xưa và nay</p> <p>1.3.1. Phong tục tang ma xưa và nay của người Việt</p> <p>1.3.2. Phong tục tang ma xưa và nay của các dân tộc thiểu số Việt Nam</p> <p>1.3.2.1. Tang ma của người Hoa</p> <p>1.3.2.2. Tang ma của người Chăm</p> <p>1.3.2.3 Tang ma của người Khơ me</p> <p>1.3.2.4. Tang của một vài dân tộc thiểu số khác</p> <p>1.4: Lễ hội Việt Nam</p> <p>1.4.1. Phong tục lễ tết</p> <p>1.4.2. Lễ Hội</p> <p>Thảo luận</p> <p>Ôn tập</p> <p>Kiểm tra</p>	15	<p>Phương pháp thuyết trình</p> <p>Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề</p>
<p><b>Chương 2. Tín ngưỡng Việt Nam</b></p> <p>2.1. Tín ngưỡng phồn thực</p> <p>2.2. Tín ngưỡng sùng bái tự nhiên</p> <p>2.3. Tín ngưỡng sùng bái con người</p> <p>2.4. Tín ngưỡng sùng bái thần linh</p> <p>Ôn tập</p>	5	<p>Phương pháp thuyết trình</p> <p>Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề</p>

<b>Chương 3. Tôn giáo ở Việt Nam</b>		
3.1. Lý luận về tôn giáo	5	Phương pháp thuyết trình Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề
3.1.1. Khái niệm:		
3.1.2. Vấn đề giữa tín ngưỡng và tôn giáo		
3.1.3. Nguồn gốc của tôn giáo		
3.1.4. Những tính chất của tôn giáo		
3.1.5. Chức năng xã hội của tôn giáo		
3.1.6. Kết cấu của một tôn giáo		
3.1.7. Những con đường phát triển của tôn giáo		
3.1.8. Quan điểm của Đảng và nhà nước ta về vấn đề tôn giáo		
3.2. Một số tôn giáo lớn ở Việt Nam	20	Thảo luận nhóm - thuyết trình
3.2.1. Phật giáo		
3.2.2. Đạo giáo		
3.2.3. Phật giáo Việt Nam		
3.2.4. Công giáo		
3.2.5. Tin lành		
3.2.6. Hồi giáo		
3.2.7. Đạo Cao Đài		
3.2.8. Đạo Hòa Hảo		
Ôn tập		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Toan Ánh, *Phong tục Việt Nam*, NXB Văn Nghệ.
2. Đỗ Hạ - Quang Vinh, *Tìm hiểu phong tục cổ truyền Việt Nam*, NXB Thanh Hóa.
3. Nguyễn Thanh Xuân (2005), *Một số tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội.
4. Đặng Nghiêm Vạn (2001), *Lý luận về tôn giáo và tình hình tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia.

### 6.2. Tài liệu khác

- 1 Toan Ánh, *Tìm hiểu phong tục Việt Nam qua Tết lễ, hội hè*, NXB Tổng hợp Đồng Tháp.
2. Lê Trung Vũ và một số tác giả, *Nghi lễ đời người*, NXB Văn hóa Dân tộc.
3. Trương Thìn, *Lễ tang Việt Nam truyền thống và kế thừa*, NXB Hà Nội.
4. Lê Trung Hoa, *Họ và tên người Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội.

5. Tổng cục chính trị, Cục Dân vận và Tuyên truyền đặc biệt (1998), *Một số hiểu biết về tôn giáo*, Nxb Quân đội nhân dân.

6. Châu Quốc Tuấn (1994), *Tài liệu huấn luyện cán bộ tôn giáo ở cơ sở*, Ban Tôn giáo Thành phố.

### **7. Phương pháp đánh giá học phần**

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở (thí sinh được sử dụng tài liệu), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Đăng Khánh**

**TS. Nguyễn Mạnh Tiến**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

## HỌC PHẦN VĂN HÓA ẨM THỰC

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **VĂN HÓA ẨM THỰC**
- Mã học phần: 835313
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45  
(30/5/10)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: KHOA HỌC CƠ BẢN

### 3. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu về ẩm thực Việt Nam và một số nước trên thế giới như Trung Hoa, Nhật bản, Hàn quốc, Pháp, Ý, Mỹ.

### 4. Mục tiêu học phần

#### 4.1. Về kiến thức

- Trình bày được những yếu tố ảnh hưởng đến văn hoá ẩm thực Việt Nam và thế giới; nét đặc trưng, độc đáo của ẩm thực nói chung và ẩm thực từng quốc gia, vùng miền nói riêng.
- Trình bày được đặc điểm văn hóa ẩm thực một số nước Châu Á và Âu, Mỹ như Trung Hoa, Nhật bản, Hàn Quốc, Pháp, Ý, Mỹ.
- Liệt kê được một số đặc sản ở mỗi quốc gia, vùng miền.

#### 4.2. Về kỹ năng

- Vận dụng được trong chế biến món ăn địa phương.
- Đánh giá được những ưu điểm của ẩm thực từng địa phương.
- Vận dụng các kiến thức về tổ chức tiệc để trình bày một bữa tiệc theo phong cách châu Âu.

#### 4.3. Về thái độ

- Hình thành thái độ chuyên cần, tinh thần quý trọng, bảo tồn, phát huy những vốn quý của văn hoá ẩm thực dân tộc.
- Hình thành ý thức tôn trọng ẩm thực các nước.



## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Ẩm thực Việt Nam</b>	<b>20t</b>	- Tổ chức giảng dạy tại phòng học lý thuyết - Seminar theo từng chủ đề - Giao dự án cho sinh viên sau khi hoàn tất học phần. - Kiểm tra trắc nghiệm kết hợp điểm seminar và dự án.
<b>1.1. Đặc trưng cơ bản của ẩm thực Việt Nam</b>		
1.1.1. Đặc trưng ẩm thực vùng Bắc Bộ		
1.1.2. Đặc trưng ẩm thực vùng Trung Bộ		
1.1.3. Đặc trưng ẩm thực vùng Nam Bộ		
<b>1.2. Món ăn và thức uống tiêu biểu của người Việt</b>		
1.2.1. Món ăn thường ngày và lễ, tiệc		
1.2.2. Thức uống truyền thống tiêu biểu		
<b>Chương 2: Ẩm thực thế giới</b>	<b>25t</b>	
<b>2.1. Ẩm thực Châu Á</b>		
2.1.1 Ẩm thực ở một số nước Đông Nam Á		
2.1.2. Ẩm thực các nước khối Đông Á (Trung Hoa, Nhật Bản và Hàn Quốc)		
<b>2.2. Ẩm thực phương Tây</b>		
2.2.1. Ẩm thực châu Âu: các nước Pháp, Ý		
2.2.2. Ẩm thực châu Mỹ: Hoa Kỳ và Mexico		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Thị Diệu Thảo, *GT Văn hóa ẩm thực Việt Nam*, NXB Đại học SP Hà nội, 2005.
2. Nguyễn Thị Diệu Thảo, *Văn hóa ẩm thực Việt Nam và thế giới*, NXB Phụ Nữ, 2015.

### 6.2 Tài liệu khác

1. Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB TP Hồ Chí Minh, 1997.
2. Trần Quốc Vượng, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB giáo dục, 1997.
3. Nguyễn Thị Diệu Thảo, *GT Món ăn Việt Nam*, NXB Đại học sư phạm Hà nội, năm 2004.
4. Nguyễn Thị Diệu Thảo, *GT Món ăn các nước*, NXB Đại học sư phạm Hà nội, năm 2005.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 45 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.1;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.5

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà    TS. Nguyễn Đăng Khánh    TS. Nguyễn Thị Diệu Thảo**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN**  
**HỆ THỐNG DI TÍCH LỊCH SỬ -**  
**VĂN HÓA VÀ DANH THẮNG VIỆT NAM**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **HỆ THỐNG DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA VÀ DANH THẮNG VIỆT NAM**

- Mã học phần: 835310

- Số tín chỉ: 3

- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45  
(25/20)

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Điều kiện để học học phần:

+ Đòi hỏi học phần học trước: Không

+ Đòi hỏi học phần học song hành: Không

+ Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: KHOA HỌC CƠ BẢN**

**3. Mô tả học phần**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về hệ thống di tích lịch sử, văn hóa và danh thắng Việt Nam. Qua học phần này, sinh viên có thể thiết kế tuyến điểm và thuyết minh những điểm di tích trên tuyến điểm đó. Sinh viên có ý thức trân trọng, yêu quý và bảo vệ những di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng Việt Nam.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về di sản thế giới tại Việt Nam, một số di tích lịch sử, văn hóa Việt Nam cấp quốc gia tiêu biểu và một số danh thắng Việt Nam.

**4.2. Về kỹ năng**

Sinh viên nắm vững kiến thức và có thể thuyết trình về những di sản thế giới tại Việt Nam, những di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng tiêu biểu ở Việt Nam. Sinh viên có thể thiết kế một tour du lịch.

**4.3. Về thái độ**

Học phần giúp sinh viên yêu quý quê hương đất nước, trân trọng những di sản Việt Nam và có ý thức bảo vệ và quảng bá những di tích, danh thắng Việt Nam đến mọi người.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Chương 1. Di sản thế giới tại Việt Nam</b></p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.1.1. Khái niệm di sản</p> <p>1.1.1.1. Khái niệm di sản văn hóa vật thể</p> <p>1.1.1.2. Khái niệm di sản văn hóa phi vật thể</p> <p>1.1.1.3. Khái niệm di sản thế giới</p> <p>1.1.1.5. Những tiêu chí của di sản thế giới</p> <p>1.1.2. Khái niệm di tích</p> <p>1.1.2.1. Di tích cấp tỉnh</p> <p>1.1.2.2. Di tích cấp quốc gia</p> <p>1.1.2.3. Di tích cấp quốc gia đặc biệt</p> <p>1.2. Những di sản thế giới tại Việt Nam</p> <p>1.2.1. Những di sản phi vật thể thế giới tại Việt Nam</p> <p>1.2.2. Những di sản vật thể thế giới tại Việt Nam</p> <p>1.2.3. Những di sản thiên nhiên thế giới tại Việt Nam</p>	<b>10</b>	<p><b>Phương pháp thuyết trình</b></p> <p><b>Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề</b></p>
<p><b>Chương 2. Di tích lịch sử Việt Nam</b></p> <p>2.1. Di tích khảo cổ</p> <p>2.2. Di tích lịch sử thời quân chủ</p> <p>2.3. Di tích lịch sử thời cách mạng</p>	<b>15</b>	<p><b>Phương pháp thuyết trình</b></p> <p><b>Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề</b></p>
<p><b>Chương 3. Di tích văn hóa Việt Nam</b></p> <p>3.1. Di tích văn hóa: Miếu, đền, đình, chùa, nhà thờ, thánh thất,...</p> <p>3.2. Di tích văn hóa: Cổ đô, phố cổ, nhà cổ, chợ cổ</p> <p>3.3. Di tích lịch sử: Lăng tẩm, mộ táng</p>	<b>10</b>	<p><b>Phương pháp thuyết trình</b></p> <p><b>Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề</b></p>
<p><b>Chương 4. Danh thắng Việt Nam</b></p> <p>4.1. Danh thắng Việt Nam: Ao, hồ, sông biển, đảo</p> <p>4.2. Danh thắng Việt Nam: Rừng, núi, hang động, sa</p>	<b>10</b>	<p><b>Phương pháp thuyết trình</b></p> <p><b>Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề</b></p>

mạc,...		
---------	--	--

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Vũ Thế Bình chủ biên, *Non nước Việt Nam* (2005), NXB VH TT, Hà Nội.
2. Bùi Thị Hải Yến, *Tuyển điểm Du lịch Việt Nam* (2006), NXB Giáo dục.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm, đề mở (thí sinh được sử dụng tài liệu), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Đăng Khánh**

**TS. Nguyễn Mạnh Tiến**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN**  
**THIẾT KẾ VÀ ĐIỀU HÀNH CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **THIẾT KẾ VÀ ĐIỀU HÀNH CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH**

- Mã học phần: 835314

- Số tín chỉ: 3

- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45  
(25;20)

- Trình độ đào tạo: Đại học

- Điều kiện để học học phần:

+ Đòi hỏi học phần học trước: Không

+ Đòi hỏi học phần học song hành: Không

+ Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ**

**3. Mô tả học phần**

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch; những kiến thức và kỹ năng về thiết kế và tổ chức Tour du lịch, phương pháp định giá Tour, hoạt động marketing và bán Tour du lịch...; nhằm giúp người học có được kiến thức và kỹ năng trong xây dựng, thực hiện và quản lý các Tour du lịch.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức về tour du lịch, phương pháp xây dựng chương trình du lịch, tính giá, tiếp thị, chào bán và quản lý điều hành tour du lịch.

4.2. Về kỹ năng: Sinh viên có thể xây dựng chương trình tour, tính giá, tiếp thị, chào bán tour, tổ chức điều hành một tour du lịch.

4.3. Về thái độ: giúp cho sinh viên chủ động, tự giác, hào hứng trong việc thiết kế, điều hành tour du lịch.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Cơ sở lý luận về du lịch</b>	<b>6</b>	Phương pháp thuyết trình Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề
1.1. Khái niệm du lịch		
1.2. Chương trình du lịch		
1.3. Thiết kế tour du lịch		
1.4. Đơn vị cung ứng du lịch		
1.5. Kinh doanh lữ hành		
1.6. Doanh nghiệp lữ hành		
1.7. Hệ thống sản phẩm của doanh nghiệp lữ hành		
<b>Chương 2. Thiết kế chương trình du lịch</b>	<b>10</b>	Phương pháp thuyết trình Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề
2.1. Quy trình xây dựng chương trình du lịch		
2.1.1. Nghiên cứu thị trường du lịch		
2.1.2. Thiết kế chương trình du lịch		
2.1.3. Xây dựng tuyến cơ bản		
2.1.4. Xây dựng phương án thực hiện (chọn đối tác vận chuyển, lưu trú, ăn uống,...)		
2.1.5. Tính giá tour		
2.1.6. Quảng cáo, chào bán tour		
2.2. Những yêu cầu của việc thiết kế tour		
2.3. Một số chương trình du lịch ở Việt Nam và nước ngoài.		
Kiểm tra giữa kỳ: Thực hành thiết kế tour	<b>2</b>	<b>Kiểm tra viết</b>
<b>Chương 3. Tổ chức thực hiện và điều hành chương trình du lịch</b>	<b>10</b>	Phương pháp thuyết trình Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề
3.1. Quy trình điều hành chương trình du lịch		
3.1.1. Tiếp nhận hồ sơ bàn giao từ bộ phận kinh doanh		
3.1.2. Chuẩn bị dịch vụ (ăn, ở, phương tiện di chuyển, bảo hiểm,...)		
3.1.3. Chuẩn bị hướng dẫn viên suốt tuyến, hướng dẫn viên tại điểm		
3.1.4. Đặt cọc, tạm ứng kinh phí tour		

3.1.5. Xác nhận dịch vụ		
3.1.6. Hợp hướng dẫn viên, bàn giao tour		
3.1.7. Theo dõi tiến trình tour		
3.1.8. Kết thúc tour		
3.2. Đánh giá chất lượng của một chương trình du lịch		
Ôn tập: Thực hành điều hành tour	<b>2</b>	

## 6. Tài liệu học tập

- 6.1. Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành, Nguyễn Văn Đỉnh và Phạm Hồng Chương, Nxb Thống kê;
- 6.2. Giáo trình quản trị kinh doanh lữ hành, Nguyễn Văn Mạnh và Phạm Hồng Chương, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân;
- 6.3. Công nghệ du lịch, Dennis L. Foster, Dịch giả Trần Đình Hải, Nxb Thống kê
- 6.4. Cẩm nang nghiệp vụ tiếp thị và du lịch, Trần Ngọc Nam và Hoàng Anh, NXb Lao động – Xã hội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở (thí sinh được sử dụng tài liệu), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang**

**TS. Nguyễn Mạnh Tiên**



UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

## HỌC PHẦN TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **TRUYỀN THÔNG ĐẠI CHÚNG**
- Mã học phần: 835315
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (35/10)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ

### 3. Mô tả học phần

Đây là môn học có tính cách nhập môn đối với các vấn đề cơ bản của truyền thông đại chúng. *Truyền thông đại chúng* là học phần cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến truyền thông đại chúng gồm các khái niệm, thuật ngữ cơ bản như công chúng, đại chúng... và các hướng tiếp cận nghiên cứu khoa học truyền thông đại chúng đã đạt được thành tựu như nghiên cứu về văn hóa, qui chiếu đạo đức, nghiên cứu tác động của truyền thông đại chúng. Học phần giới thiệu và phân tích có hệ thống về các phương tiện truyền thông đại chúng hiện đại; các nguyên tắc phương pháp chính nhằm quản lí, điều hành, phát huy tốt vai trò, sức mạnh của các loại hình phương tiện truyền thông đại chúng trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Môn học cũng giới thiệu với sinh viên một số trường hợp nghiên cứu về ảnh hưởng tương tác của truyền thông đại chúng đối với xã hội và mối quan hệ toàn cầu.

### 4. Mục tiêu cụ thể của học phần

#### 4.1. Về kiến thức:

Sinh viên cần nắm được những kiến thức sau:

- Nắm được những khái niệm cơ bản về khoa học truyền thông đại chúng, mô hình, quy trình của truyền thông đại chúng.
- Nhận diện được các loại hình truyền thông đại chúng khác nhau.
- Hiểu rõ được quy trình và tầm quan trọng của truyền thông.

#### 4.2. Về kỹ năng

- Có kỹ năng đánh giá được mục tiêu, ý đồ của việc sử dụng các loại hình truyền thông đại chúng và kỹ năng phân tích được nội dung một văn bản (báo chí, truyền thanh, truyền hình) truyền thông đại chúng.

- Biết vận dụng lý thuyết và phương pháp nghiên cứu truyền thông đại chúng vào việc nhận diện và giải thích sự tác động của truyền thông đại chúng đối với các vấn đề văn hóa xã hội.

- Kỹ năng xử lý tư liệu được cung cấp và các tài liệu tự học.

- Kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình các chủ đề.

#### 4.3. Về thái độ:

- Có ý thức tự nghiên cứu; chủ động, độc lập chiếm lĩnh các nội dung kiến thức được giới thiệu và yêu cầu tìm hiểu ở nhà.

- Có tinh thần trách nhiệm trong làm việc nhóm.

- Thông qua môn học, xây dựng cho sinh viên lòng yêu thích đối với học phần, có những tri thức thông hiểu và thái độ nghiêm túc, chuẩn tắc về truyền thông. Những tri thức nắm bắt được có thể được vận dụng vào công tác quan hệ quốc tế, quan hệ công chúng quốc tế.

### 5. Kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Truyền thông và truyền thông đại chúng</b>	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên thuyết giảng</li> <li>- Hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu</li> <li>- Đặt hệ thống câu hỏi cho sinh viên nắm vững các vấn đề lý thuyết.</li> </ul>
1.1. Khái niệm		
1.2. Sơ lược lịch sử phát triển truyền thông đại chúng		
1.3. Mô hình và cơ chế tác động của truyền thông đại chúng		
1.4. Các chức năng xã hội của truyền thông đại chúng		
<b>Chương 2: Sách và xuất bản sách</b>	5	<p><b>Bước 1. Giáo viên hướng dẫn sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân nhóm</li> <li>- Phương pháp tiếp cận kiến thức</li> </ul>
2.1. Khái niệm và đặc điểm loại hình của sách		
2.2. Sơ lược lịch sử xuất bản sách		
2.3. Tổ chức hoạt động xuất bản sách		
<b>Chương 3: Báo in</b>		

3.1. Khái niệm và đặc điểm loại hình của báo in		- Phương pháp tự nghiên cứu. - Phương pháp làm việc nhóm.
3.2. Sơ lược lịch sử báo in		
3.3. Quy trình sản xuất sản phẩm báo in		
<b>Chương 4: Phát thanh</b>	5	<b>Bước 2.</b> Sinh viên: Phân các cá nhân chuẩn bị nội dung ở nhà cả về lí thuyết và các tình huống ứng xử
4.1. Khái niệm và đặc điểm loại hình của phát thanh		
4.2. Sơ lược lịch sử phát thanh		
4.3. Sản xuất các chương trình phát thanh		<b>Bước 3.</b> Các buổi học trên lớp, sinh viên tiến hành trao đổi thảo luận từng vấn đề, từng tình huống ứng xử theo sự giám sát và hướng dẫn của giảng viên (Vận dụng sáng tạo các hình thức thảo luận nhóm, các phương tiện trực quan sinh động để buổi thảo luận hứng thú, sinh động, dễ hiểu)
<b>Chương 5: Truyền hình</b>	5	
5.1. Khái niệm và đặc điểm của truyền hình		
5.2. Sơ lược lịch sử truyền hình		<b>Bước 4.</b> Sau khi trao đổi, thảo luận, GV sẽ giải đáp và làm rõ những vấn đề mà SV băn khoăn thắc mắc.
5.3. Kỹ thuật sản xuất các chương trình truyền hình		
<b>Chương 6: Quảng cáo</b>	5	
6.1. Khái niệm và phân loại quảng cáo		<b>Bước 5.</b> GV nêu câu hỏi đưa ra các bài tập tình huống để kiểm tra đánh giá và nâng cao nhận thức của sinh viên
6.2. Sơ lược lịch sử phát triển của quảng cáo		
6.3. Đặc trưng và vai trò xã hội của quảng cáo		
<b>Chương 7: Các loại hình truyền thông đại chúng khác</b>	5	
7.1. Điện ảnh		
7.2. Hãng tin tức		
7.3. Internet – mạng truyền thông toàn cầu		<b>Bước 5.</b> GV nêu câu hỏi đưa ra các bài tập tình huống để kiểm tra đánh giá và nâng cao nhận thức của sinh viên
<b>Chương 8: Những vấn đề truyền thông đại chúng trên thế giới</b>	5	
8.1. Toàn cầu hóa truyền thông đại chúng		
8.2. Mâu thuẫn chức năng của hệ thống truyền thông đại chúng		
<b>Chương 9: Quản lí và giao tiếp với các phương tiện truyền thông đại chúng</b>	5	
9.1. Những vấn đề nguyên tắc		
9.2. Quản lí nhà nước đối với hệ thống các phương tiện truyền thông đại chúng		
9.3. Giao tiếp, ứng xử với các phương tiện truyền thông đại chúng		
<b>ÔN TẬP, KIỂM TRA</b>	1	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1. Tạ Ngọc Tấn (2001), *Truyền thông đại chúng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

6.2. Tài liệu khác.

2. Trần Hữu Quang (2006), *Xã hội học Báo chí*, NXB Trẻ, 2006.

3. Julia T. Wood (2009), *Gendered Lives, Communication, Gender and Culture*, Wadsworth.

4. Michael Schudson (2003), *Sức mạnh của tin tức truyền thông* (The Powers of News), Thế Hùng, Trà My dịch, Nxb Chính trị quốc gia.

5. Nhiều tác giả (2007), *Truyền thông thế kỷ 20* (bộ 6 cuốn), NXB Kim Đồng.

6. Philippe Breton, Serge Proux (1996), *Bùng nổ truyền thông* (L'Explosion de la communication), Vũ Đình Phòng dịch, Nxb Văn hóa Thông tin.

### 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 02

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang**

**TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN**  
**DU LỊCH TÔN GIÁO - TÂM LINH VIỆT NAM**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **DU LỊCH TÔN GIÁO - TÂM LINH VIỆT NAM**
- Mã học phần: 835316
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45  
(25/20)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ**

**3. Mô tả học phần**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về du lịch tôn giáo, tâm linh, hệ thống lại những di tích văn hóa tôn giáo, tâm linh ở Việt Nam. Qua học phần này, sinh viên có thể phát hiện những tài nguyên du lịch tôn giáo, tâm linh, thiết kế tuyến điểm, xây dựng tour du lịch tôn giáo, tâm linh và thuyết minh những điểm di tích trên tuyến điểm đó.

**4. Mục tiêu học phần**

**4.1. Về kiến thức**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về du lịch tôn giáo, tâm linh, hệ thống lại những di tích văn hóa tôn giáo, tâm linh ở Việt Nam.

**4.2. Về kỹ năng**

Qua học phần này, sinh viên có thể phát hiện những tài nguyên du lịch tôn giáo, tâm linh, thiết kế tuyến điểm, xây dựng tour du lịch tôn giáo, tâm linh và thuyết minh những điểm di tích trên tuyến điểm đó.

**4.3. Về thái độ**

Học phần giúp sinh viên yêu quý quê hương đất nước, tự tìm tòi, trân trọng những di tích tôn giáo, tâm linh ở Việt Nam và có ý thức bảo vệ và quảng bá những di tích đó đến mọi người.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Cơ sở lý luận về du lịch, du lịch tôn giáo – tâm linh</b>		Phương pháp thuyết trình Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề
1.1. Khái niệm du lịch	5	
1.2. Phân loại du lịch		
1.3. Du lịch tôn giáo – tâm linh		
<b>Chương 2: Tài nguyên du lịch tôn giáo tâm linh</b>		Phương pháp thuyết trình Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề
2.1. Các cơ sở thờ tự	10	
2.1.1. Các cơ sở thờ tự tôn giáo		
2.1.1. Các cơ sở thờ tự tín ngưỡng dân gian		
2.2. Lễ hội		
2.2.1. Lễ hội tôn giáo		
2.2.2. Lễ hội tín ngưỡng dân gian		
<b>Chương 3: Một số chương trình du lịch tôn giáo – tâm linh</b>		Phương pháp thuyết trình Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề
3.1. Chương trình hành hương các di tích Phật giáo	10	
3.2. Chương trình hành hương các di tích Thiên Chúa giáo		
3.3. Chương trình hành hương các di tích Tin lành		
3.4. Chương trình hành hương các di tích Hồi giáo		
3.5. Chương trình hành hương các di tích Tâm linh		
<b>Ôn tập</b>	<b>5</b>	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Vũ Thế Bình chủ biên(2005), *Non nước Việt Nam*, NXB VHNT, Hà Nội.
2. Bùi Thị Hải Yến(2006), *Tuyển điểm Du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục.

### 6.2. Tài liệu khác

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở (thí sinh được sử dụng tài liệu), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.1;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.1;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang**

**TS. Nguyễn Mạnh Tiến**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

## HỌC PHẦN DU LỊCH SINH THÁI

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **DU LỊCH SINH THÁI**
- Mã học phần: 835317
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45  
(25/20)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ

### 3. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề lý luận và thực tiễn của du lịch sinh thái tại Việt Nam. Cung cấp bộ công cụ xây dựng và quy hoạch du lịch sinh thái mang tính bền vững. Đồng thời cung cấp kiến thức về các vùng du lịch sinh thái đặc trưng của Việt Nam

### 4. Mục tiêu học phần

#### 4.1. Về kiến thức

Môn học tập trung phân tích yêu cầu, đặc điểm của du lịch sinh thái từ đó xây dựng các hoạt động du lịch phù hợp nhằm hướng tới sự phát triển bền vững.

#### 4.2. Về kỹ năng

Sinh viên học xong môn học này sẽ có được những kỹ năng nghiên cứu, đánh giá, phát triển du lịch ở những vùng sinh thái nhạy cảm.

#### 4.3. Về thái độ

Môn học giúp sinh viên có được những nhận thức đúng đắn về những giá trị tài nguyên môi trường trong phát triển du lịch và sẽ có những thái độ ứng xử phù hợp trong khai thác, quản lý phát triển du lịch



## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Những vấn đề cơ bản của du lịch sinh thái</b>	<b>13</b>	Thuyết giảng
<b>1.1. Những khái niệm cơ bản</b>	<b>3</b>	
1.1.1. Khái niệm về du lịch sinh thái		
1.1.2. Các đặc trưng cơ bản của du lịch sinh thái		
1.1.3. Các nguyên tắc cơ bản của du lịch sinh thái		
1.1.4. Những yêu cầu cơ bản để phát triển du lịch sinh thái		
1.1.5. Đặc điểm của các đối tượng tham gia hoạt động du lịch sinh thái		
<b>1.2. Tài nguyên du lịch sinh thái</b>	<b>5</b>	Sinh viên thực hành thảo luận phần 1.2. Mỗi nhóm chọn 1 loại tài nguyên du lịch sinh thái để nghiên cứu và thuyết trình.
1.2.1. Khái niệm tài nguyên du lịch sinh thái		
1.2.2. Đặc điểm tài nguyên du lịch sinh thái		
1.2.3. Phân loại tài nguyên du lịch sinh thái		
<b>1.3. Quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái</b>	<b>5</b>	Thuyết giảng
1.3.1. Các yêu cầu cần thiết lựa chọn một khu vực để phát triển DLST		
1.3.2. Quy trình và nguyên tắc cơ bản của quy hoạch và thiết kế DLST		
<b>Chương 2. Điều kiện và tình hình phát triển DLST tại Việt nam</b>	<b>17</b>	
<b>2.1. Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái tại Việt Nam</b>	<b>5</b>	Thuyết giảng
2.1.1. Các hệ sinh thái điển hình	<b>5</b>	
2.1.1.1. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới		
2.1.1.2. Hệ sinh thái đất ngập nước		
2.1.1.3. Hệ sinh thái vùng cát ven biển		
2.1.1.4. Hệ sinh thái san hô		
2.1.2. Đa dạng sinh học		
2.1.4. Các tiềm năng khác		

<b>2.2. Hiện trạng phát triển du lịch sinh thái tại Việt Nam</b>	<b>10</b>	
2.2.1. DLST tại Vườn Quốc gia	2	Giảng viên thuyết giảng Nhóm sinh viên chọn chủ đề thảo luận trên lớp
2.2.2. DLST vùng núi	2	
2.2.3. DLST vùng biển	2	
2.2.4. Du lịch thám hiểm hang động	2	
2.2.5. DLST miệt vườn	2	
Kiểm tra giữa kỳ	2	
<b>Chương 3. Tổ chức không gian và loại hình DLST ở Việt Nam</b>	<b>15</b>	Các nhóm chọn 1 vùng DLST để nghiên cứu, thuyết minh nhằm làm nổi bật tiềm năng và tình hình phát triển DLST
3.1. DLST vùng núi và ven biển Đông Bắc	5	
3.2. DLST vùng núi Tây Bắc - Hoàng Liên Sơn		
3.3. DLST vùng đồng bằng sông Hồng	5	
3.4. DLST vùng Bắc Trung Bộ		
3.5. DLST vùng Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	5	
3.6. DLST vùng Đông Nam Bộ		
3.7. DLST vùng đồng bằng sông Cửu Long		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Phạm Trung Lương (2002), *Du lịch sinh thái - Những vấn đề lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Lê Huy Bá (chủ biên), Thái Lê Nguyên (2006), *Du lịch sinh thái*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

3. Phạm Trung Lương (1999), *Cơ sở khoa học phát triển du lịch sinh thái Việt Nam*, Viện nghiên cứu phát triển du lịch, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kỳ): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở, thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.1;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phân: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang**

**ThS. Nguyễn Thị Lan Hạnh**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

## HỌC PHẦN MARKETING DU LỊCH

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **MARKETING DU LỊCH**
- Mã học phần: 835106
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45 (35/10)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ

### 3. Mô tả học phần:

Marketing du lịch cung cấp kiến thức về thị trường, hình thành các kỹ năng quản trị marketing ( Nghiên cứu, lập kế hoạch, thực hiện và kiểm soát các hoạt động marketing tại các điểm, đô thị và doanh nghiệp du lịch). Học phần gồm 4 chương từ các vấn đề cơ bản của Marketing đến nghiên cứu và vận dụng Marketing trong du lịch. Trong bài giảng có sử dụng case study từ các doanh nghiệp để SV thảo luận, vận dụng vào thực tiễn khi đi thực tập tại doanh nghiệp.

### 4. Mục tiêu học phần:

4.1. Về kiến thức: nắm vững các nguyên tắc cơ bản và chuyên biệt của marketing du lịch.

Trong môn học này, sinh viên được khuyến khích đọc tài liệu học tập bằng tiếng Anh, được trao đổi kiến thức, kinh nghiệm về thị trường & các chiến lược marketing... với các chuyên gia trong thực tiễn.

4.2. Về kỹ năng: có khả năng thiết kế và thực hiện các chiến lược, sách lược marketing về các sản phẩm dịch vụ trong du lịch.

Ngoài ra, thông qua môn học, SV được rèn luyện thêm các kỹ năng:

- Kỹ năng làm việc nhóm
- Kỹ năng tương tác với Giảng viên
- Kỹ năng tương tác với Study Manager

4.3. Về thái độ: biết quan sát, phân tích và tiếp thu tích cực các loại hình marketing trong du lịch.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
--------------------------------	---------	--

<b>Chương 1. TỔNG QUAN VỀ MARKETING VÀ MARKETING DU LỊCH</b>	<b>5</b>	Thuyết giảng & xem phim tư liệu
<b>1.1. Khái niệm marketing và marketing du lịch; Marketing mix</b> <b>1.2. Quá trình phát triển của marketing và marketing du lịch</b> <b>1.3. Vai trò, chức năng của marketing</b> <b>1.4. Các thành phần của marketing</b> <b>1.5. Môi trường Marketing du lịch</b> 1.5.1. Môi trường Marketing vĩ mô 1.5.2. Môi trường Marketing vi mô		
<b>Chương 2. CÁC NỘI DUNG NGHIÊN CỨU CỦA MARKETING DU LỊCH</b>	<b>10</b>	
<b>2.1. Nghiên cứu marketing du lịch</b> 2.1.1. Mục tiêu, đối tượng nghiên cứu Marketing 2.1.2. Hệ thống thông tin Marketing du lịch 2.1.3. Quy trình nghiên cứu Marketing du lịch <b>2.2. Nghiên cứu hành vi tiêu dùng du lịch</b> 2.2.1. Đặc điểm của khách du lịch và khách du lịch mục tiêu 2.2.2. Đặc điểm của hành vi tiêu dùng và hành vi tiêu dùng du lịch 2.2.3. Phân tích hành vi tiêu dùng du lịch <b>2.3. Nghiên cứu phân khúc thị trường du lịch</b> 2.3.1. Thị trường du lịch 2.3.2. Sự phân khúc thị trường 2.3.3. Lựa chọn thị trường mục tiêu 2.3.4. Định vị trong thị trường <b>2.4. Thực hành</b> a) Nghiên cứu hành vi tiêu dùng du lịch b) Nghiên cứu phân khúc thị trường du lịch c) Nghiên cứu lựa chọn thị trường mục tiêu		Thuyết giảng. Xem video clip các hành vi tiêu dùng trong du lịch. Cho SV quan sát và nhận xét  Thuyết giảng. Phân tích 1 số báo cáo của Cty NCTT.  Case study từ các doanh nghiệp để SV thảo luận
<b>Chương 3. CHIẾN LƯỢC 4P TRONG MARKETING DU LỊCH</b>	<b>15</b>	Thảo luận và thuyết trình nhóm học tập.
<b>3.1. Chiến lược Sản phẩm ( Product)</b> 3.1.1. Khái niệm; Chiến lược xây dựng sản phẩm du lịch 3.1.2. Chiến lược phát triển sản phẩm mới <b>3.2. Chiến lược giá ( Price)</b> 3.2.1. Khái niệm; Chiến thuật định giá trong du lịch 3.2.2. Chiến thuật điều chỉnh giá trong du lịch 3.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng định giá và điều chỉnh giá <b>3.3. Chiến lược kênh phân phối ( Place)</b>		SV được lựa chọn đa dạng các SP trong thị trường du lịch để nghiên cứu. Chia nhóm thảo luận. Làm bài tập thực hành  Sau khi chọn được các mẫu sản phẩm du lịch khả thi, GV hướng dẫn SV xây dựng giá sản phẩm. GV đặt các tình

<p>3.3.1. Khái niệm; Vai trò, chức năng của kênh phân phối</p> <p>3.3.2. Các hình thức tổ chức kênh phân phối du lịch</p> <p>3.3.3. Chiến lược xây dựng kênh phân phối trong du lịch</p> <p>3.3.4. Quản trị kênh phân phối.</p> <p><b>3.4. Xúc tiến trong marketing du lịch (Promotion)</b></p> <p>3.4.1. Khái niệm; Quảng cáo và chiêu thị trong du lịch</p> <p>3.4.2. Truyền thông và quan hệ công chúng</p>		<p>huống để SV giải quyết.</p> <p>Thực hành xây dựng kênh phân phối và báo cáo.</p> <p>Tham gia ngoại khóa chương trình Marketer Talkshow hoặc tham gia 1 sự kiện. SV Đánh giá và phân tích rút BH kinh nghiệm</p>
<p><b>Chương 4. HOẠCH ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH MARKETING DU LỊCH</b></p>	<p><b>15</b></p>	<p>Thảo luận &amp; Thực hành</p>
<p>4.1. Xác định mục tiêu của chiến dịch marketing</p> <p>4.2. Xác định giới hạn, khả năng của chương trình marketing</p> <p>4.3. Khảo sát, điều tra marketing</p> <p>4.4. Lập kế hoạch</p> <p>4.5. Tổ chức thực hiện chương trình marketing du lịch</p> <p><b>Thực hành</b></p> <p>a. Phân tích các quảng cáo du lịch tại Việt Nam</p> <p>b. Lập kế hoạch Marketing</p>		<p>Thực hành là nội dung bắt buộc cho tất cả SV, nội dung đề tài là sự vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học vào các tình huống cụ thể. SV sẽ được chia nhóm, lựa chọn một thương hiệu hay công ty mà SV quan tâm, từ đó dưới sự hướng dẫn về phương pháp, nhóm sinh viên sẽ tiến hành làm việc nhóm và thực hiện đề tài dưới sự hướng dẫn của Giảng viên.</p>

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu học tập chính

- Nguyễn Văn Mạnh, *Giáo trình marketing du lịch*, NXB trường DHKTQD
- Philip Kotler: *Marketing căn bản*, NXB Thống kê, Hà Nội 1994

### 6.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Dung, *Marketing du lịch*, NXB giao thông vận tải, 2009
- Trần thị Hải Yến, *Tuyển điểm du lịch*, NXB Giáo Dục
- Dennis L. Foster, *Công nghệ du lịch*, NXB Giáo Dục
- Howard R. Mokowitz - Alex Gofman, *Chiến Lược Định Vị Người Tiêu Dùng*, NXB Lao Động 2016
- Tác giả Brian Tracy, *Thuật Quản Lý Bán Hàng*, NXB Thế Giới 2016
- Video clip về du lịch, nhà hàng, khách sạn...

### Hướng dẫn viết kế hoạch marketing tại đây:

- <http://www.slideshare.net/InfoQResearch/xy-dng-k-hoch-marketing-c-th-v-v-d-mu>
- <https://www.lynda.com/Analytics-tutorials/Online-Marketing>
- <http://doanhnhanso.info/marketing-online/cach-viet-mot-ke-hoach-internet-marketing/>

- [http://us.wow.com/search?s\\_pt=source2&s\\_it=aolsem&s\\_chn=92&q=ke%20marketing](http://us.wow.com/search?s_pt=source2&s_it=aolsem&s_chn=92&q=ke%20marketing)

### **7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 02
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở, thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0,2;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,2;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): hệ số 0,5
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày                      tháng                      năm 2016*

**DUYỆT**                      **TRƯỜNG KHOA**                      **TRƯỞNG BỘ MÔN**                      **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà      TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang      ThS. Nguyễn Thị Hồng Trang**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
 NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN  
 PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG**
- Mã học phần: 835029
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30  
(20/10)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: KHOA HỌC CƠ BẢN**

**3. Mô tả học phần**

Học phần này giới thiệu tổng quan về du lịch, môi trường và phát triển bền vững. Cung cấp bộ công cụ đánh giá tính bền vững trong phát triển du lịch của một vùng lãnh thổ. Từ đó, áp dụng để nghiên cứu phát triển du lịch bền vững tại các vùng sinh thái đặc trưng.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức

Môn học tập trung phân tích vai trò và tác động nhiều mặt của hoạt động du lịch đối với môi trường để làm cơ sở cho việc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án phát triển du lịch

4.2. Về kỹ năng

Sinh viên học xong môn học này sẽ có được những kỹ năng nghiên cứu, phát triển du lịch ở những vùng sinh thái nhạy cảm nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

4.3. Về thái độ

Môn học giúp sinh viên có được những nhận thức đúng đắn về những giá trị tài nguyên môi trường trong phát triển du lịch và sẽ có những thái độ ứng xử phù hợp trong khai thác, quản lý phát triển du lịch



### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Du lịch và môi trường</b>	7	Giảng viên thuyết giảng Sinh viên nghiên cứu tài liệu
<b>1.1. Du lịch</b>	3	
1.1.1. Khái niệm du lịch		
1.1.2. Tài nguyên du lịch		
1.1.2. Sản phẩm du lịch		
<b>1.2. Các đặc trưng cơ bản của lãnh thổ du lịch</b>	2	
1.2.1. Vòng đời của điểm du lịch		
1.2.2. Khả năng tải của điểm du lịch		
<b>1.3. Mối quan hệ giữa du lịch và môi trường</b>	2	
<b>Chương 2. Du lịch bền vững</b>	10	Sinh viên ứng dụng đánh giá độ bền vững của 1 điểm du lịch cụ thể.
<b>2.1. Khái niệm du lịch bền vững</b>	5	
<b>2.2. Yêu cầu và nguyên tắc của phát triển bền vững</b>		
<b>2.3. Nhận sinh thái</b>		
<b>2.4. Đánh giá độ bền vững</b>	5	
2.4.1. Khả năng tải của điểm du lịch		
2.4.2. Bộ chỉ thị môi trường của Tổ chức du lịch thế giới		
2.4.3. Bộ chỉ thị đánh giá nhanh tính bền vững của điểm du lịch		
<b>Chương 3. Du lịch bền vững ở các vùng sinh thái</b>	13	Giảng viên thuyết giảng. Sinh viên chọn chủ đề thuyết trình, thảo luận nhóm.
<b>3.1. Du lịch bền vững ở vùng biển</b>	3	
3.1.1. Các yếu tố ảnh hưởng tới du lịch vùng biển		
3.1.2. Tác động tới môi trường của du lịch vùng biển		
3.1.3. Quy hoạch bền vững vùng du lịch biển		
<b>3.2. Du lịch bền vững ở miền núi</b>	3	
3.2.1. Những đặc trưng sinh thái của miền núi		
3.2.2. Tác động tới môi trường của du lịch miền núi		
3.2.3. Phát triển du lịch bền vững ở miền núi		
<b>3.3. Du lịch bền vững ở vùng đồng bằng</b>	3	
3.3.1. Đặc trưng sinh thái vùng đồng bằng		
3.3.2. Tác động của du lịch tới môi trường vùng đồng bằng		

3.3.3. Phát triển du lịch bền vững ở đồng bằng		
3.4. Thực hành đánh giá độ bền vững tại các vùng sinh thái nhạy cảm	2	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Đình Hòe - Vũ Văn Hiếu (2001), *Du lịch bền vững*, NXB ĐHQG Hà Nội.
2. Phạm Trung Lương (2000), *Tài nguyên và môi trường du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục.
3. Lê Văn Thăng (2008), *Du lịch và môi trường*, NXB ĐHQG Hà Nội.
4. Nguyễn Đình Hòe (2009), *Môi trường và phát triển bền vững*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

5. Tổng cục du lịch Việt Nam (2000), *Sổ tay hướng dẫn đánh giá tác động môi trường cho phát triển du lịch*, NXB Công ty in Tiến Bộ

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở, thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.1;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG KHOA**                      **TRƯỞNG BỘ MÔN**                      **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà    TS. Nguyễn Đăng Khánh    ThS. Nguyễn Thị Lan Hạnh**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN**  
**HÁN - NÔM TRONG DU LỊCH**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **HÁN - NÔM TRONG DU LỊCH**
- Mã học phần: 835321
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (30/15)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: KHOA HỌC CƠ BẢN**

**3. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về chữ Hán và chữ Nôm để phục vụ cho hoạt động du lịch thông qua hệ thống văn tự, địa danh thời trung đại của Việt Nam. Rèn luyện kỹ năng nhận diện và viết được chữ Hán và chữ Nôm, bồi dưỡng năng lực nhận diện, giải nghĩa các văn tự, văn bản được viết bằng chữ Hán và chữ Nôm. Từ đó, thông qua học phần, sinh viên có được thái độ học tập tích cực, quý trọng những di sản văn học của quá khứ, tự hào về truyền thống văn hoá - lịch sử của dân tộc.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức:

Môn học tiếp tục nâng cao kiến thức và rèn luyện vốn từ Hán - Nôm, giới thiệu cấu trúc câu văn chữ Hán, thực hành để phân định quy tắc và cách thức sử dụng ngữ pháp Hán Nôm, bồi dưỡng năng lực cảm nhận, giải nghĩa hệ thống văn tự Hán - Nôm.

4.2. Về kỹ năng:

Môn học nhằm giúp cho sinh viên cách viết cách ghi nhận cũng như cách đọc chữ Hán và chữ Nôm, thực hành kỹ năng phân chia các thành phần câu văn chữ Hán, nhận diện và biết cách sử dụng một hư từ quan trọng tham gia vào việc cấu tạo câu văn chữ Hán để thực hành trong hoạt động du lịch, rèn luyện kỹ năng học tập theo nhóm, khảo sát thực tế.

## 4.3. Về thái độ:

Đánh giá đúng vị trí và vai trò của chữ Hán và chữ Nôm cũng như hệ thống văn tự chữ Hán và chữ Nôm trong lịch sử dân tộc Việt Nam.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Mở đầu: Giới thiệu học phần</b>	01	- Giảng viên thuyết giảng - Hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu
1. Nội dung		
2. Thời lượng		
3. Phương pháp		
4. Tài liệu học tập		
<b>Chương 1: Khái quát về chữ Hán, chữ Nôm</b>	12	- Thuyết trình + Sử dụng trình chiếu để tăng tính trực quan cho môn học. - Thi phạm cho SV thực hiện các quy tắc viết chữ Hán, chữ Nôm.
1.1. Khái quát về chữ Hán		
1.1.1. Lịch sử hình thành chữ Hán		
1.1.2. Các nguyên tắc cấu tạo chữ Hán		
1.1.3. Đặc điểm cơ bản của chữ Hán		
1.1.4. Bộ thủ trong chữ Hán		
1.1.5. Cách tra từ điển chữ Hán		
1.2. Khái quát về chữ Nôm		
1.2.1. Quá trình hình thành chữ Nôm		
1.2.2. Cấu tạo chữ Nôm		
1.3. Thực hành viết chữ Hán, chữ Nôm		
<b>Chương 2: Giải nghĩa tên địa danh, di tích lịch sử văn hóa chữ Hán – Nôm trong hoạt động du lịch</b>	12	- GV hướng dẫn SV đọc các tài liệu số 1, 2, 4, 6, 7 - GV thuyết giảng, chia nhóm SV tìm hiểu các vùng địa danh cùng ý nghĩa tên gọi các di tích lịch sử. - Thực hành viết chữ: GV thi phạm, yêu cầu SV luyện tập tại lớp.
2.1. Địa danh		
2.1.1. Sơ lược về phân vùng địa danh trong hoạt động du lịch		
2.1.2. Các cách cấu tạo tên địa danh		
2.1.3. Giải nghĩa tên một số địa danh tiêu biểu		
2.2. Di tích lịch sử văn hóa		
2.2.1. Một số lưu ý về tên gọi các di tích lịch sử văn hóa		

2.2.2. Kết cấu cú pháp, giải nghĩa tên gọi các di tích lịch sử văn hóa		
2.3. Thực hành (viết chữ Hán – Nôm tên địa danh, di tích lịch sử văn hóa)		
<b>Chương 3: Hán Nôm trong hệ thống các điểm du lịch ở Việt Nam</b>	10	- GV hướng dẫn SV đọc các tài liệu số 1, 2, 4, 8, 9 - GV thuyết giảng, phân chia các mẫu hoành phi, đối liên tiêu biểu để các nhóm SV chủ động tìm hiểu, giải nghĩa. - Thực hành viết chữ: GV thị phạm, yêu cầu SV luyện tập tại lớp.
3.1. Hoành phi, đại tự, đối liên		
3.1.1. Hình thức, nguyên tắc và cách thể hiện		
3.1.2. Nội dung, ý nghĩa		
3.2. Văn bia		
3.2.1. Chất liệu và cách bày trí		
3.2.2. Nội dung và cách đọc văn bia		
3.3. Lưu đề ở các di tích lịch sử văn hóa: cấu tạo, nội dung, ý nghĩa		
3.3.1. Hình thức, nguyên tắc và cách thể hiện		
3.3.2. Nội dung, ý nghĩa		
3.4. Thực hành (Minh giải một số hoành phi, đối liên, văn bia, lưu đề ở một số điểm du lịch tiêu biểu)		
<b>Chương 4: Hán Nôm trong một số sản phẩm du lịch ở Việt Nam</b>	08	- GV hướng dẫn SV đọc các tài liệu số 1, 2, 4, 8, 9 - Thực hành viết chữ: GV thị phạm, yêu cầu SV luyện tập tại lớp.
4.1. Xác định sản phẩm du lịch có yếu tố Hán – Nôm: điêu khắc, hội họa		
4.2. Giải thích nội dung, ý nghĩa, cấu trúc		
4.3. Thực hành viết chữ Hán Nôm của một số sản phẩm du lịch tiêu biểu		
<b>Ôn tập, kiểm tra</b>	02	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Thị Quỳnh Trang (2015), Bài giảng *Hán Nôm trong du lịch*, Tài liệu lưu hành nội bộ, Khoa Quan hệ quốc tế, Đại học Sài Gòn.
2. Lê Đình Khản, *Hán Nôm trong du lịch*, NXB Đại học Khoa học xã hội & nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh.

### 6.2. Tài liệu khác:

3. Đào Duy Anh (2000), *Từ điển Hán Việt*, NXB KHXH, Hà Nội.

4. Phạm Văn Khoái (2003), *Giáo trình Hán Nôm dành cho du lịch*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

5. Đặng Đức Siêu (1995), *Ngữ Văn Hán Nôm*, Tập I, NXB Giáo dục.

6. Đặng Đức Siêu - Nguyễn Ngọc San (1995), *Ngữ Văn Hán Nôm*, Tập II. NXB Giáo dục.

7. Nguyễn Ngọc San (2003), *Lý thuyết chữ Nôm, văn Nôm*, NXB Đại học sư phạm Hà Nội.

8. Phạm Thị Thùy Vinh (2015- chủ biên), *Văn bia Lê sơ*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

9. Đinh Khắc Thuận (2010), *Văn bia thời Mạc*, NXB Hải Phòng.

10. Trần Lê Sáng (2013), *5000 hoành phi câu đối Hán Nôm*, NXB Văn học.

### **7. Phương pháp đánh giá học phần**

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 02

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập, kiểm tra: hệ số 0.1;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.1;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày                      tháng                      năm 2016*

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG KHOA**                      **TRƯỞNG BỘ MÔN**                      **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà      TS. Nguyễn Đăng Khánh      TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN  
TUYỂN ĐIỂM DU LỊCH VIỆT NAM**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **TUYỂN ĐIỂM DU LỊCH VIỆT NAM**
- Mã học phần: 835322
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (35/10)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ**

**3. Mô tả học phần**

- Cung cấp những hiểu biết toàn diện và cơ bản về địa danh và tuyến du lịch bao gồm cơ sở nhận thức, địa danh và tuyến điểm ở các vùng du lịch Việt Nam, phương pháp xây dựng tuyến điểm du lịch.

**4. Mục tiêu học phần**

- Trang bị cho sinh viên kiến thức về các địa danh và hệ thống tuyến điểm du lịch Việt Nam.

- Giúp cho sinh viên nắm vững các điểm tham quan, du lịch trên các tuyến đã học. Từ đó, có thể thuyết minh chi tiết một số điểm tham quan, du lịch trong hệ thống tuyến điểm du lịch Việt Nam.

- Nắm vững được phương pháp xây dựng tuyến điểm du lịch cụ thể.

**4.1. Về kiến thức:**

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các địa danh và hệ thống tuyến điểm du lịch Việt Nam. Kết thúc môn học, sinh viên có đủ kiến thức về du lịch Việt Nam; thuyết minh chi tiết về các điểm tham quan du lịch trong hệ thống tuyến điểm du lịch Việt Nam; xây dựng và thiết kế một tuyến tham quan cụ thể.

**4.2. Về kỹ năng:**

- Trên cơ sở các kiến thức mà môn học trang bị, sinh viên có điều kiện hơn khi tiếp xúc với những chuyến đi thực tế, cuộc sống và tác nghiệp tại các công ty, doanh nghiệp lữ hành,... Từ đó, hình thành kỹ năng phát triển nghề nghiệp.

- Do đặc điểm của môn học có tính hệ thống cao, là sự kết hợp của nhiều nghiệp vụ, kiến thức khác nhau nên sinh viên cần có kỹ năng phân tích và thiết kế tư duy, tìm tòi, giải quyết những vấn đề, kỹ năng lựa chọn và ra quyết định xây dựng tuyến điểm du lịch hợp lý và hấp dẫn,...

#### **4.3. Về thái độ:**

- Nhìn nhận đúng tầm quan trọng của môn học và có những ý tưởng sáng tạo để góp phần phát triển ngành du lịch ở Việt Nam.

- Tạo sự hứng khởi cho sinh viên khi thực hành kỹ năng thuyết minh và xây dựng tuyến điểm. Từ đó, giúp sinh viên có thể áp dụng trong thực tế khi ra trường;

- Nhận thức được các chuẩn đầu ra của môn học để nâng cao năng lực cá nhân.

### **5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần**

<b>Nội dung chi tiết của học phần</b>	<b>Số tiết</b>	<b>Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá</b>
<b><i>Chương 1: Cơ sở nhận thức về địa danh và tuyến điểm du lịch</i></b>	<b>10</b>	
<p><i>1.1. Cơ sở nhận thức về địa danh và địa danh du lịch</i></p> <p>1.1.1. Khái niệm “Địa danh”</p> <p>1.1.2. Khái niệm “Địa danh du lịch</p> <p>1.1.3. Đặc điểm các vùng địa danh Việt Nam</p> <p>1.1.4. Nhận thức về địa danh</p> <p>1.1.4.1. Nhận thức từ góc độ địa-văn hóa (giá trị văn hóa trong địa danh)</p> <p>1.1.4.2. Nhận thức từ góc độ địa-ngôn ngữ (Cách đặt tên, nguồn gốc, ý nghĩa địa danh)</p> <p>1.1.4.3. Nhận thức từ góc độ địa-du lịch (Giá trị tài nguyên, sức hút du lịch)</p> <p>1.1.4.4. Vai trò của địa danh</p> <p><i>1.2. Cơ sở nhận thức về tuyến điểm du lịch</i></p> <p>1.2.1. Một số khái niệm liên quan (tuyến du lịch, điểm du lịch, khu du lịch, đô thị du lịch và quy hoạch du lịch, vùng du lịch)</p> <p>1.2.2. Cơ sở xác định tuyến</p> <p>1.2.3. Tuyến điểm và loại hình du lịch</p> <p>1.2.4. Tuyến điểm và vùng du lịch</p> <p><i>1.3. Thực hành (Nhận diện và phân tích một số vấn đề cơ bản về địa danh và địa danh du lịch trên Bản</i></p>		<p>- SV chuẩn bị: đọc kỹ tài liệu;</p> <p>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng</p> <p>- GV cho SV thực hành</p>



đồ du lịch Việt Nam)		
<b>Chương 2. Địa danh và tuyến điểm ở các vùng du lịch Việt Nam</b>	<b>20</b>	
<p>2.1. Địa danh và tuyến điểm ở vùng du lịch Trung du và miền núi phía Bắc: Hà Nội – Lào Cai – Sapa</p> <p>2.2. Địa danh và tuyến điểm ở vùng du lịch Đồng bằng sông Hồng và Duyên hải Đông Bắc:</p> <p>a/ Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh</p> <p>b/ Hà Nội – Hải Dương – Hưng Yên</p> <p>c/ Hà Nội – Vĩnh Phúc – Phú Thọ</p> <p>2.3 Địa danh và tuyến điểm ở vùng du lịch Bắc Trung Bộ</p> <p>a/ Huế – Đà Nẵng – Quảng Nam – Quảng Ngãi</p> <p>b/ Huế - Quảng Trị - Quảng Bình</p> <p>2.4. Địa danh và tuyến điểm ở vùng du lịch Tây Nguyên</p> <p>a/ TPHCM – Lâm Đồng</p> <p>b/ TPHCM – Buôn Ma Thuột – Pleiku – Kontum</p> <p>2.5. Địa danh và tuyến điểm ở vùng du lịch Đông Nam Bộ</p> <p>a/ TPHCM - Tây Ninh</p> <p>b/ Đồng Nai – Bà Rịa Vũng Tàu – Côn Đảo</p> <p>2.6. Địa danh và tuyến điểm ở vùng du lịch Tây Nam Bộ</p> <p>a/ TPHCM – Long An – Tiền Giang – Bến Tre</p> <p>b/ TPHCM – Vĩnh Long – Trà Vinh</p> <p>c/ TPHCM – Cần Thơ – Sóc Trăng – Bạc Liêu – Cà Mau</p> <p>d/ TPHCM – An Giang – Kiên Giang</p> <p>2.7. Thực hành: Dùng bản đồ du lịch địa phương và bản đồ các vùng du lịch Việt Nam để thực hiện:</p> <p>a/ Vẽ cung đoạn đường mỗi tuyến</p> <p>b/ Lập danh sách địa danh du lịch của mỗi tuyến;</p> <p>c/ Luyện tập nhận diện, xác định tọa độ và mô tả đặc trưng của các địa danh du lịch có trong các tuyến du lịch ở những bản đồ đó.</p>		<p>- SV đọc kĩ tài liệu và tổ chức nội dung thuyết trình theo gợi ý đề tài của GV;</p> <p>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng =&gt; tổ chức điều khiển nhóm thuyết trình và thực hành rèn luyện các kĩ năng.</p> <p>-Đánh giá SV thực hành hoặc báo cáo thuyết trình/ tiểu luận theo 3 tiêu chí:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chuẩn bị: đầy đủ, chính xác, đúng trọng tâm.</li> <li>2. Trình bày: lưu loát, rõ ràng, đúng thời gian.</li> <li>3. Tương tác: Khả năng giải quyết các vấn đề và với các thành viên khác và với GV.</li> </ol>
<b>Chương 3. Phương pháp xây dựng tuyến điểm du lịch</b>	<b>15</b>	

<p>3.1. Cơ sở xây dựng tuyến điểm</p> <p>3.2. Nguyên tắc xây dựng tuyến điểm</p> <p>3.3. Quy trình, cách thức xây dựng</p> <p>3.3.1. Xây dựng theo lãnh thổ du lịch</p> <p>a) Tuyến nội tỉnh</p> <p>b) Tuyến nội vùng</p> <p>c) Tuyến liên vùng</p> <p>d) Tuyến liên quốc gia</p> <p>3.3.2. Xây dựng theo loại hình phương tiện vận chuyển</p> <p>a) Tuyến du lịch đường bộ</p> <p>b) Tuyến du lịch đường không</p> <p>c) Tuyến du lịch đường biển</p> <p>d) Tuyến du lịch đường sông</p> <p>e) Tuyến du lịch đường sắt</p> <p>3.3.3. Xây dựng theo loại hình sản phẩm du lịch chuyên đề</p> <p>a) Tuyến du lịch về nguồn</p> <p>b) Tuyến du lịch di sản</p> <p>c) Tuyến du lịch sinh thái</p> <p>d) Tuyến du lịch biển đảo</p> <p>e) Tuyến du lịch MICE</p> <p>g) Tuyến du lịch làng nghề</p> <p>h) Tuyến du lịch Cộng đồng và du lịch Nông thôn</p> <p>k) Tuyến du lịch tâm linh</p> <p>l) Tuyến du lịch trên sông, hồ</p> <p>n) Tuyến du lịch lễ hội</p> <p>p) Tuyến du lịch liên kết khu vực quốc tế</p> <p>3.4. Thực hành: Lựa chọn, thiết kế, xây dựng tuyến điểm theo:</p> <p>a) Tuyến nội tỉnh, nội vùng, liên vùng và liên quốc gia</p> <p>b) Tuyến du lịch đường bộ, đường không, đường thủy</p> <p>c) Tuyến du lịch quốc tế</p>	<p>- SV đọc kỹ tài liệu; tổ chức nội dung thuyết trình theo gợi ý đề tài của GV;</p> <p>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng</p> <p>-Đánh giá thực hành hoặc báo cáo thuyết trình/ Tiểu luận theo các tiêu chí (như Ch.2)</p>
--	--

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1. Lê Trung Hoa (2009), *Địa danh Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội.

2. Tổng cục Du lịch Việt Nam, *Non nước Việt Nam* (2012), NXB Thống Kê, H.

3. Bùi Thị Hải Yến, *Tuyến điểm Du lịch Việt Nam* (2008), NXB Giáo dục

4. *Bản đồ du lịch các địa phương và Bản đồ du lịch Việt Nam*, Nxb Tài nguyên môi trường & Bản đồ Việt Nam

**6.2. Tài liệu khác:**

5. Bửu Ngôn (2012), *Du lịch ba miền*, tập 1,2,3, Nxb Thanh niên.

6. Nguyễn Bích San, *Cẩm nang hướng dẫn du lịch* (2004), NXB Văn hoá Thông tin.

7. Bùi Thanh Thủy, *Nghiệp vụ Hướng dẫn du lịch* (2005), Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.

**7. Phương pháp đánh giá học phần**

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: viết tiểu luận.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.1;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.1;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*TP.HCM, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG KHOA**                      **TRƯỞNG BỘ MÔN**                      **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà      TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang      ThS. Đỗ Thị Ngọc Uyên**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN**  
**QUẢN TRỊ KINH DOANH LỮ HÀNH**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **QUẢN TRỊ KINH DOANH LỮ HÀNH**
- Mã học phần: 835323
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (20/10)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ**

**3. Mô tả Học phần:**

Quản trị kinh doanh lữ hành cung cấp khối kiến thức về quản lý kinh doanh dịch vụ tổ chức chuyến đi du lịch (tour) của doanh nghiệp kinh doanh du lịch.

**4. Mục tiêu cụ thể của học phần:**

4.1. Về kiến thức: Hiểu, trình bày, phân tích và vận dụng được những kiến thức quản trị trong hoạt động kinh doanh lữ hành. .

4.2. Về kỹ năng: Phân tích, tổng hợp và đánh giá hiệu quả công tác quản trị trong hoạt động kinh doanh lữ hành.

4.3. Về thái độ: Có thái độ đúng đắn trong học tập và nghiên cứu, nhận thức rõ được vai trò của khoa học quản trị trong hoạt động kinh doanh lữ hành để có thể giải quyết những vấn đề trong thực tiễn hoạt động kinh doanh du lịch.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học phần:**

Nội dung chi tiết Học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ KINH DOANH LỮ HÀNH</b>	5	Thuyết giảng và xác định nhiệm vụ học tập cho sv
1.1. Khái niệm kinh doanh lữ hành		
1.2. Đặc điểm của kinh doanh lữ hành		
1.3. Đối tượng kinh doanh lữ hành		
1.3. Vai trò, chức năng của hoạt động kinh doanh lữ		

hành		
<b>Chương 2: Xây dựng tổ chức và quản lý nguồn nhân lực trong kinh doanh lữ hành</b>	6	Thuyết giảng bài tập cho sv
2.1. Khái niệm tổ chức nguồn nhân lực		
2.2. Mô hình cơ cấu tổ chức công ty lữ hành		
2.3. Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận trong lữ hành		
2.4. Quản lý nguồn nhân lực trong kinh doanh lữ hành	3	Thuyết giảng và thảo luận
2.5. Phương pháp xây dựng kế hoạch nhân sự		
2.6. Quản lý chất lượng nhân sự		
<b>Chương 4: KINH DOANH LỮ HÀNH</b>	5	Thuyết giảng và thảo luận
4.1. Mục tiêu kinh doanh lữ hành		
4.2. Đặc điểm đối tượng khách du lịch lữ hành		
4.3. Bản chất sản phẩm dịch vụ lữ hành		
<b>Chương 5: THỊ TRƯỜNG DU LỊCH LỮ HÀNH</b>	5	Thảo luận và thuyết trình nhóm học tập.
5.1. Thị trường du lịch trong nước		
5.2. Thị trường du lịch ngoài nước		
5.3. Xu thế phát triển của thị trường du lịch		
<b>Chương 6: CHIẾN LƯỢC GIÁ</b>	4	Thuyết giảng & bài tập.
6.1. Khái niệm giá cả		
6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến việc định giá		
6.3. Chiến thuật định giá trong kinh doanh lữ hành		
6.4. Chiến thuật điều chỉnh giá		
<b>Chương 7: KÊNH PHÂN PHỐI</b>	6	Thực hành thuyết trình nhóm.
7.1. Khái niệm kênh phân phối		
7.2. Vai trò của kênh phân phối		
7.3. Chức năng kênh phân phối		
7.4. Các hình thức tổ chức kênh phân phối lữ hành		
7.5. Chiến lược xây dựng kênh phân phối		
7.6. Quản trị kênh phân phối trong kinh doanh lữ hành		
<b>Chương 8: QUẢN LÝ TIẾP THỊ</b>	6	Thảo luận & Thực hành thuyết trình nhóm
8.1. Mục tiêu, đối tượng		
8.2. Quảng cáo và chiêu thị		

8.3. Truyền thông trong kinh doanh lữ hành		
<b>Chương 9: KẾ HOẠCH KINH DOANH LỮ HÀNH</b>	5	Thực hành Lập kế hoạch kinh doanh lữ hành & ôn tập.
9.1. Xác định mục tiêu kinh doanh		
9.2. Lập kế hoạch		
9.3. Tổ chức thực hiện		
9.4. Ôn tập		GV tổng hợp và ôn tập

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu học tập chính

1. Nguyễn Văn Mạnh (2006), *Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành*, Nxb ĐH KTQD.

2. Harvard Business Review

### 6.2. Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Văn Dung, *Marketing du lịch*, NXB giao thông vận tải, 2009

- Charles R. Goeldner (2003), *Tourism Principle Practices Philosophies*, Nxb John Wiley & Son.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở, thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0,1;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0,1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,2;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0,5

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

TP. HCM, ngày tháng năm 2016

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang**

**ThS. Trần Anh Dũng**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN**  
**QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN-NHÀ HÀNG**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **QUẢN TRỊ KINH DOANH KHÁCH SẠN-NHÀ HÀNG**
- Mã học phần: 835324
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (20/10)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ**

**3. Mô tả Học phần:**

Quản trị kinh doanh khách sạn – nhà hàng cung cấp khối kiến thức về quản lý khách sạn, nhà hàng liên quan đến nhân sự, tổ chức, thị trường, khách hàng và dịch vụ. Học phần gồm xxx chương.

**4. Mục tiêu cụ thể của học phần:**

4.1. Về kiến thức: Hiểu, trình bày, phân tích và vận dụng được những kiến thức quản trị trong hoạt động kinh doanh khách sạn – nhà hàng.. .

4.2. Về kỹ năng: Phân tích, tổng hợp và đánh giá hiệu quả công tác quản trị trong hoạt động kinh doanh khách sạn – nhà hàng.

4.3. Về thái độ: Có thái độ đúng đắn trong học tập và nghiên cứu, nhận thức rõ được vai trò của khoa học quản trị trong hoạt động kinh doanh khách sạn – nhà hàng để có thể giải quyết những vấn đề của thực tiễn.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học phần:**

Nội dung chi tiết Học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương1: TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ KINH DOANH VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH KS-NH</b>	5	Thuyết giảng và xác định mục tiêu & nhiệm vụ học tập cho sv
1.1.Khái niệm kinh doanh KS-NH		
1.2.Đặc điểm của kinh doanh KS-NH		
1.3. Đối tượng kinh doanh KS-NH		

1.3. Vai trò, chức năng của hoạt động kinh doanh KS-NH		
<b>Chương 2: Xây dựng tổ chức và quản lý nguồn nhân lực trong kinh doanh KS-NH</b>	6	Thuyết giảng và bài tập tình huống.
2.1. Khái niệm tổ chức nguồn nhân lực		
2.2. Mô hình cơ cấu tổ chức KS-NH		
2.3. Chức năng nhiệm vụ của các bộ phận trong KS-NH		
2.4. Quản lý nguồn nhân lực trong kinh doanh KS-NH	3	Thuyết giảng & bài tập.
2.5. Phương pháp xây dựng kế hoạch nhân sự		
2.6. Quản lý chất lượng nhân sự		
<b>Chương 4: KINH DOANH KS-NH</b>	5	Thuyết giảng.
4.1. Mục tiêu kinh doanh khách sạn		
4.2. Đối tượng khách hàng		
4.3. Bản chất sản phẩm dịch vụ trong ngành KS-NH		
<b>Chương 5: THỊ TRƯỜNG KS-NH</b>	5	Thảo luận và thuyết trình nhóm học tập.
5.1. Thị trường trong nước		
5.2. Thị trường ngoài nước		
5.3. Xu thế phát triển của thị trường KS-NH		
<b>Chương 6: CHIẾN LƯỢC GIÁ</b>	4	Thảo luận & thuyết giảng
6.1. Khái niệm giá cả		
6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến việc định giá		
6.3. Chiến thuật định giá trong kinh doanh KS-NH		
6.4. Chiến thuật điều chỉnh giá		
<b>Chương 7: KÊNH PHÂN PHỐI</b>	6	Thuyết giảng & bài tập thực hành xây dựng kênh phân phối.
7.1. Khái niệm kênh phân phối		
7.2. Vai trò của kênh phân phối		
7.3. Chức năng kênh phân phối		
7.4. Các hình thức tổ chức kênh phân phối KS-NH		
7.5. Chiến lược xây dựng kênh phân phối		
7.6. Quản trị kênh phân phối trong kinh doanh KS-NH		
<b>Chương 8: QUẢN LÝ TIẾP THỊ</b>	6	Thuyết giảng & bài tập
8.1. Mục tiêu, đối tượng		
8.2. Quảng cáo và chiêu thị		
8.3. Truyền thông trong kinh doanh KS-NH		
<b>Chương 9: KẾ HOẠCH KINH DOANH KS-NH</b>	5	Thực hành Lập kế hoạch



9.1. Xác định mục tiêu kinh doanh		kinh doanh KS-NH.
9.2. Lập kế hoạch		
9.3. Tổ chức thực hiện		
9.4. Ôn tập		Tổng kết, ôn tập

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu học tập chính

1. Nguyễn Văn Mạnh, Hoàng Thị Lan Hương (2008), *Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn*, Nxb ĐH KTQD.

2. *Harvard Business Review*

### 6.2. Tài liệu tham khảo

- ⊕ Nguyễn Văn Dung, *Marketing du lịch*, NXB giao thông vận tải, 2009
- ⊕ Philip Kotler: *Marketing căn bản*, NXB Thống kê, Hà Nội 1994
- ⊕ Dennis L. Foster, *Công nghệ du lịch*, NXB Giáo Dục
- ⊕ Video clip về du lịch, nhà hàng, khách sạn...

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở, thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0,1;
- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0,1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,2;
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): hệ số 0,5

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

TP. HCM, ngày tháng năm 2016

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà    TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang    ThS. Trần Anh Dũng**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN**  
**QUẢN TRỊ CÁC SỰ KIỆN VĂN HÓA DU LỊCH**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **QUẢN TRỊ CÁC SỰ KIỆN VĂN HÓA DU LỊCH**
- Mã học phần: 835110
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (25/5)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ**

**3. Mô tả Học phần:**

Học phần Quản trị các sự kiện văn hóa du lịch cung cấp một khung kiến thức xoay quanh chủ đề sự kiện du lịch. HP giới thiệu, mô tả các khái niệm, bản chất của các đối tượng có liên quan đến sự kiện văn hóa du lịch. MH cung cấp các giải pháp cho các vấn đề liên quan đến công tác tổ chức, điều hành và quản lý các sự kiện du lịch tại Việt Nam.

**4. Mục tiêu cụ thể của học phần:**

4.1. Về kiến thức: Hiểu, trình bày, phân tích và vận dụng được những kiến thức quản trị trong hoạt động tổ chức sự kiện, gồm :

- Kiến thức về lễ hội, lễ hội văn hóa và sự kiện du lịch.
- Loại hình lễ hội và sự kiện trong du lịch.
- Cấu trúc của lễ hội và sự kiện du lịch
- Công tác quản lý nhà nước về lễ hội văn hóa và sự kiện du lịch
- Nghiệp vụ quản lý, tổ chức, điều hành sự kiện du lịch.

4.2. Về kỹ năng: Phân tích, tổng hợp và đánh giá hiệu quả công tác quản trị trong hoạt động tổ chức sự kiện.

4.3. Về thái độ: Có thái độ đúng đắn trong học tập và nghiên cứu, nhận thức rõ được vai trò của khoa học quản trị trong hoạt động tổ chức sự kiện văn hóa du lịch để có thể giải quyết những vấn đề trong thực tiễn hoạt động tổ chức sự kiện.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học phần:**

Nội dung chi tiết Học phần	Số	Hình thức tổ chức/
----------------------------	----	--------------------

	tiết	Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b><u>Chương 1: TỔNG QUAN VỀ SỰ KIỆN VĂN HÓA DU LỊCH</u></b>	5	Thuyết giảng và xác định nhiệm vụ học tập cho sv
1.1. Khái niệm sự kiện & sự kiện văn hóa du lịch		
1.2. Đặc điểm của sự kiện văn hóa du lịch		
1.3. Phân loại sự kiện		
1.3. Vai trò, chức năng của sự kiện VHDL		
<b><u>Chương 2: QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ SỰ KIỆN VĂN HÓA DU LỊCH</u></b>	6	Thuyết giảng bài tập cho sv
2.1. Thực trạng hoạt động sự kiện VHDL		
2.2. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về sự kiện VHDL		
2.3. Văn bản quản lý nhà nước về sự kiện VHDL		
2.4. Quản lý hoạt động lễ hội	3	Thuyết giảng và thảo luận
2.5. Quản lý kinh tế trong sự kiện VHDL		
2.6. Quản lý môi trường trong hoạt động của sự kiện VHDL		
<b><u>Chương 3: TÁC ĐỘNG CỦA SỰ KIỆN VHDL</u></b>	5	Thuyết giảng và thảo luận
3.1. Tác động đối với kinh tế du lịch		
3.2. Tác động đối với môi trường		
3.3. Tác động đối với VHXH		
<b><u>Chương 4: QUẢN TRỊ SỰ KIỆN</u></b>	5	Thảo luận và thuyết trình nhóm học tập.
4.1. Quản trị sự kiện văn hóa		
4.2. Quản trị sự kiện du lịch		
4.3. Quản trị tài chính sự kiện		
4.4. Quản trị nguồn nhân lực sự kiện		
<b><u>Chương 5: MARKETING SỰ KIỆN</u></b>	4	Thuyết giảng & bài tập.
5.1. Khái niệm marketing sự kiện		
5.2. Chiến lược marketing sự kiện VHDL		
5.3. Tổ chức quảng cáo tiếp thị sự kiện		
5.4. Truyền thông trong sự kiện VHDL		
<b><u>Chương 6: QUẢN LÝ TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA SỰ KIỆN VHDL</u></b>	6	Thực hành thuyết trình nhóm.
6.1. Khái niệm tác động sự kiện		
6.2. Sự kiện VHDL bền vững		
6.3. Kiểm soát tác động tiêu cực		

6.4. Tổ chức quản lý sự kiện du lịch bền vững		
7.5. Tiêu chí đánh giá sự kiện văn hóa du lịch bền vững		
9.4. Ôn tập		GV tổng hợp và ôn tập

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu học tập chính

- Tài liệu bài giảng của giảng viên
- Cao Đức Hải, Nguyễn Khánh Ngọc (2010), *Giáo trình Quản lý lễ hội và sự kiện*, Nxb ĐH Quốc Gia Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

- Lưu Văn Nghiêm (2007), *Tổ chức sự kiện*, Nxb ĐHKT Quốc Dân – HN,
- Huỳnh Quốc Thắng (2007), *Khai thác lễ hội và sự kiện góp phần phát triển du lịch tại TP. Hồ Chí Minh*, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
- [www.festivalsandevents.com](http://www.festivalsandevents.com)

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở, thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0,1;
- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0,1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,2;
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): hệ số 0,5

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*TP. HCM, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG KHOA**                      **TRƯỞNG BỘ MÔN**                      **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà      TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang      ThS. Trần Anh Dũng**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN**  
**TIẾNG ANH GIAO TIẾP DU LỊCH 1**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **TIẾNG ANH GIAO TIẾP DU LỊCH 1**
- Mã học phần: 835111
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45/0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ**

**3. Mô tả học phần:**

Môn học giúp sinh viên làm quen với môi trường giao tiếp tại khách sạn, bắt đầu từ các đề tài đơn giản như giới thiệu bản thân, cung cấp thông tin cá nhân, làm thủ tục đăng ký phòng tại khách sạn, giới thiệu những dịch vụ tại khách sạn, chỉ dẫn lối đi cho khách trong và ngoài khách sạn, giải quyết những vấn đề phát sinh, nhận đơn đặt hàng thức ăn tại phòng trong khách sạn, giao tiếp qua điện thoại với khách hàng đặt phòng khách sạn, tính tiền và trả phòng khách sạn. Sinh viên thực hành những đoạn đối thoại dựa trên những gợi ý tình huống cụ thể trong từng bài.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên có thể hiểu được khách hàng và nhân viên khách sạn trong những tình huống cụ thể như đặt phòng trước, hay phàn nàn về những vấn đề trong khách sạn...

4.2. Về kỹ năng: Sau khi học xong, sinh viên có thể phát triển kỹ năng nói theo cặp hoặc nhóm nhỏ, có khả năng thực hiện các bài đàm thoại trong lĩnh vực khách sạn.

4.3. Về thái độ: Dần hình thành tinh thần tự học, tự nghiên cứu, tự giác trong học tập đồng thời hình thành định hướng nghề nghiệp rõ ràng. Phát huy tinh thần làm việc theo cặp hoặc nhóm nhỏ.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Tuần 1: Introductions and Jobs in the hotel</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
1.1. Introductions: subject, content, marks,....		
1.2. Jobs in the hotel		
<b>Tuần 2: Making a reservation</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
2.1. Kinds of room in the hotel		
2.2. Booking a room in person		
2.3. Making a group reservation		
<b>Tuần 3: Registration</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
3.1. Checking in a guest		
3.2. Receiving a tour group		
3.3. A porter takes the guests to their room		
<b>Tuần 4: The hotel bedroom</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
4.1. Things in the hotel bedroom		
4.2. Describe the hotel bedroom		
<b>Tuần 5: The hotel bathroom</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên
5.1. Things in the hotel bathroom		

5.2. Describe the hotel bathroom		hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
<b>Tuần 6: Services in the hotel</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
6.1. Services in the hotel		
6.2. Giving opening and closing times of hotel services		
<b>Tuần 7: Location of facilities</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
7.1. Explaining where services are		
7.2. Giving directions to facilities in and near the hotel		
<b>Tuần 8: Room service</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
8.1. Kinds of Vietnamese breakfast and kinds of drink		
8.2. How to take order food and drink in the hotel room		
<b>Tuần 9: Laundry service</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
9.1. Making up the room		
9.2. Turn - down service		
<b>Tuần 10: Problems and solutions</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của
10.1. Problems about facilities, problems about services		
10.2. How to solve problems		

		sinh viên.
<b>Tuần 11: Mid - term test</b>	<b>3</b>	Sinh viên làm bài nghe trong vòng 30 phút. Sau đó từng cặp bốc thăm thứ tự, chọn 1 topic, trao đổi trong vòng 5 - 10 phút , sau đó trình bày cho giảng viên.
11.1. Listening (30 minutes)		
11.2. Speaking (work in pair - choose one topic)		
<b>Tuần 12: Enquiries</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
12.1. Requests about room prices		
12.2. Requests about conference facilities		
<b>Tuần 13: Using the phone</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
13.1. Dealing with room booking by phone		
13.2. Dealing with messages by phone		
<b>Tuần 14: Checking - out</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
14.1. Kinds of payment		
14.2. How to check - out		
<b>Tuần 15: Review</b>	<b>3</b>	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

- Francis O'Hara, *Be My Guest \_ English for the Hotel Industry*, Cambridge University Press, 2002.

### 6.2. Tài liệu khác:

- Lawrence J. Zwier & Nigel Caplan, *Everyday English for Hospitality Professionals*, Compass Publishing, 2007.



- Rawdon Wyatt, *Check Your English Vocabulary for Leisure, Travel and Tourism*, 2<sup>nd</sup> edition, A & C Black Publishers, London, 2007.
- Trish Stott & Rod Revell, *Highly Recommended \_ English for the Hotel and Catering Industry*, new edition, Oxford University Press, 2004.

### **7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 04.
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: vấn đáp (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi).
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.5
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang**

**ThS. Lý Thị Minh Ngọc**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN**  
**TIẾNG ANH GIAO TIẾP DU LỊCH 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **TIẾNG ANH GIAO TIẾP DU LỊCH 2**
- Mã học phần: 835325
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45/0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ**

**3. Mô tả học phần:**

Môn học giúp sinh viên làm quen với môi trường giao tiếp tại nhà hàng từ những đề tài đơn giản như hướng dẫn khách đến nhà hàng qua điện thoại, đón tiếp khách, giúp khách chọn thực đơn hay rượu, giải thích những thành phần trong món ăn hay trình bày cách pha chế cocktail một cách khái quát. Học phần này sẽ có những tình huống khi khách không hài lòng về chất lượng phục vụ hay món ăn để sinh viên thực tập. Những tình huống này sẽ giúp cho sinh viên tự tin hơn khi bước vào môi trường làm việc chuyên nghiệp của nhà hàng. Sinh viên thực hành những đoạn đối thoại dựa trên những gợi ý tình huống cụ thể trong từng bài.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên có thể hiểu được công việc sẽ làm trong nhà hàng đạt tiêu chuẩn cao. Sinh viên sẽ được gặp nhiều tình huống cụ thể như giúp khách đặt bàn, giải thích những thành phần trong món ăn, giúp khách lựa chọn thực đơn...

4.2. Về kỹ năng: Sau khi học xong, sinh viên có thể phát triển kỹ năng nói theo cặp hoặc nhóm nhỏ, có khả năng thực hiện các bài đàm thoại trong lĩnh vực nhà hàng.

## 4.3. Về thái độ:

- Về giảng viên: Phải thường xuyên cập nhật kiến thức, hướng dẫn sinh viên dần làm quen với tiếng Anh giao tiếp tại nhà hàng, thiết kế bài giảng thú vị, hấp dẫn và tạo môi trường thực tập gần với thực tế cho sinh viên.

- Về sinh viên: Dẫn hình thành tinh thần tự học, tự nghiên cứu, tự giác trong học tập đồng thời hình thành định hướng nghề nghiệp rõ ràng. Phát huy tinh thần làm việc theo cặp hoặc nhóm nhỏ.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Tuần 1: Introductions and Jobs in the restaurant</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
1.1. Introductions: subject, content, marks,....		
1.2. Jobs in the restaurant		
<b>Tuần 2: Parts of the restaurant</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
2.1. How many parts are there in the restaurant?		
2.2. Describe the kitchen in the restaurant		
<b>Tuần 3: Sections in the restaurant kitchen</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
3.1. How many sections of kitchen are there in the restaurant?		
3.2. Jobs in the restaurant kitchen		
<b>Tuần 4: Organizing a party</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét
4.1. Seating arrangements		
4.2. Giving directions		

		về phần thực hiện của sinh viên.
<b>Tuần 5: Making a reservation</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
5.1. How to make a reservation		
5.2. Kinds of menu: à la carte, table d'hôte, ....		
5.3. Kinds of breakfast in the world: the traditional UK breakfast, continental breakfast,...		
<b>Tuần 6: Welcome the guest</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
6.1. How to welcome the guest in the restaurant		
6.2. Setting a normal table		
<b>Tuần 7: A drink</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
7.1. Kinds of drinks		
7.2. Ordering drinks in the restaurant		
<b>Tuần 8: Cocktails</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
8.1. Making cocktails		
8.2. Kinds of glasses in a bar		
8.3. Ordering drinks at the bar		
<b>Tuần 9: Recipes</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
9.1. Kinds of food		
9.2. Verbs of preparation		
9.3. Making a Vietnamese dish, a foreign dish		
<b>Tuần 10: Here's the menu</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên
10.1. Menu: starter, main dishes, side dishes, dessert,...		

10.2. How to take order food		hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
10.3. Describe the dishes		
<b>Tuần 11: Mid - term test</b>	<b>3</b>	Sinh viên làm bài nghe trong vòng 30 phút. Sau đó từng cặp bốc thăm thứ tự, chọn 1 topic, trao đổi trong vòng 5 - 10 phút , sau đó trình bày cho giảng viên.
11.1. Listening (30 minutes)		
11.2. Speaking (work in pair - choose one topic)		
<b>Tuần 12: The chef recommends</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
12.1. Some kinds of dessert in the world		
12.2. Making a dessert recipe		
<b>Tuần 13: Complaints</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
13.1. Complaints about food		
13.2. Complaints about service		
<b>Tuần 14: The bill, please</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
14.1. Asking for the bill		
14.2. Explaining the bill		
<b>Tuần 15: Review</b>	<b>3</b>	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

- Anne Baude, *Ready to Order- Elementary English for the Restaurant*, Longman.

## 6.2. Tài liệu khác:

- Lawrence J. Zwier & Nigel Caplan (2007), *Everyday English for Hospitality Professionals*, Compass Publishing.
- Rawdon Wyatt (2007), *Check Your English Vocabulary for Leisure, Travel and Tourism*, 2<sup>nd</sup> edition, A & C Black Publishers, London.
- Trish Stott & Rod Revell (2004), *Highly Recommended- English for the Hotel and Catering Industry*, new edition, Oxford University Press.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 04

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Vấn đáp (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi).

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.5

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang**

**ThS. Lý Thị Minh Ngọc**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN**  
**TIẾNG ANH GIAO TIẾP DU LỊCH 3**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **TIẾNG ANH GIAO TIẾP DU LỊCH 3**
- Mã học phần: 835326
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45/0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa: 50

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ**

**3. Mô tả học phần:**

Môn học giúp sinh viên làm quen với môi trường giao tiếp tại những công ty lữ hành. Sinh viên sẽ được thực tập kỹ năng nói trong công việc như bán tour sản phẩm, cách thuyết phục khách hàng chọn sản phẩm của công ty. Giáo viên sẽ đưa ra nhiều tình huống thực tế để sinh viên giải quyết. Sinh viên sẽ tham dự giải quyết những tình huống với tư cách là nhà quản lý. Trong những tình huống đó, sinh viên sẽ được hướng dẫn cách sử dụng ngôn ngữ khi thuyết phục khách hàng hay thương lượng với đối tác. Sinh viên thực hành những đoạn đối thoại dựa trên những gợi ý tình huống cụ thể trong từng bài.

**4. Mục tiêu học phần**

4.1. Về kiến thức: Sau khi học xong, sinh viên có thể hiểu được công việc sẽ làm trong những công ty lữ hành. Sinh viên sẽ được gặp nhiều tình huống cụ thể như bán “tour”, giúp khách chọn “tour” hợp lý hay chăm sóc khách hàng.

4.2. Về kỹ năng: Sau khi học xong, sinh viên có thể phát triển kỹ năng nói theo cặp hoặc nhóm nhỏ, có khả năng thực hiện các bài đàm thoại trong lĩnh vực nhà hàng.

4.3. Về thái độ: Dần hình thành tinh thần tự học, tự nghiên cứu, tự giác trong học tập đồng thời hình thành định hướng nghề nghiệp rõ ràng. Phát huy tinh thần làm việc theo cặp hoặc nhóm nhỏ.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Tuần 1: Introductions and Careers in tourism</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
1.1. Introductions: subject, content, marks,....		
1.2. Jobs in tourism		
1.1. 1.3. Curriculum Vitae Interviews		
<b>Tuần 2: Destination</b>		Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
2.1. Types of tourism		
2.2. Giving a short presentation		
<b>Tuần 3: Tour operators</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
3.1. Tour operators		
3.2. Package Holidays		
<b>Tuần 4: At the travel agent</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
4.1. Arranging the trip		
4.2. Giving personal information		
<b>Tuần 5: At the travel agent (ctn)</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ
5.1. Booking a flight		
5.2. Making a hotel reservation		



		và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
<b>Tuần 6: At the airport</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
6.1. Checking in the plane		
6.2. On the plane		
6.3. Duty free goods		
<b>Tuần 7: At the train</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
7.1. Checking in the train		
7.2. On the train		
<b>Tuần 8: Dealing with guests</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
8.1. Dealing with guests		
8.2. Dealing with complaints		
8.3. Offering compensation		
<b>Tuần 9: Seeing the sights</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
9.1. Places of interest		
9.2. Tourist Information Centre (TIC)		
<b>Tuần 10: Getting around</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
10.1. Checking in		
10.2. Hotel Travel information		
10.3. Car hire		
<b>Tuần 11: Mid - term test</b>	<b>3</b>	Sinh viên làm bài nghe

11.1. Listening (30 minutes)		trong vòng 30 phút. Sau đó từng cặp bốc thăm thứ tự, chọn 1 topic, trao đổi trong vòng 5 - 10 phút, sau đó trình bày cho giảng viên.
11.2. Speaking (work in pair - choose one topic)		
<b>Tuần 12: Eating out</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
12.1. Explaining how dishes are prepared		
12.2. Choosing a restaurant		
<b>Tuần 13: Traditions</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
13.1. Traditions		
13.2. Cultures and customs of some countries		
<b>Tuần 14: Special interest tours</b>	<b>3</b>	Sinh viên thực hành theo cặp. Giảng viên hướng dẫn cách tiến hành, quan sát, giúp đỡ và cho ý kiến nhận xét về phần thực hiện của sinh viên.
14.1. A radio call-in		
14.2. Sell a holiday		
<b>Tuần 15: Review</b>	<b>3</b>	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

- Peter Struff, *English for International Tourism \_ Intermediate level, Longman, 2005*

### 6.2. Tài liệu khác:

- Lawrence J. Zwier & Nigel Caplan, *Everyday English for Hospitality Professionals, Compass Publishing, 2007.*
- Rawdon Wyatt, *Check Your English Vocabulary for Leisure, Travel and Tourism, 2<sup>nd</sup> edition, A & C Black Publishers, London, 2007.*



UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN  
NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **NGHIỆP VỤ HƯỚNG DẪN DU LỊCH**
- Mã học phần: 835114
- Số tín chỉ: 5
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 75 (55/20)
- Trình độ đào tạo: Đại học/Cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ**

**3. Mô tả Học phần:**

HP Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch cung cấp khối kiến thức về nghiệp vụ tổ chức hướng dẫn, thuyết minh và quản lý an toàn cho khách du lịch.

**4. Mục tiêu cụ thể của học phần:**

4.1. Về kiến thức: Hiểu, trình bày, phân tích và vận dụng được những kiến thức trong hoạt động hướng dẫn du lịch.

4.2. Về kỹ năng: Hiểu được nguyên tắc, thiết kế các tua theo các tuyến, sử dụng được các phương pháp và kỹ năng tổ chức điều hành, thuyết minh và xử lý tình huống trong hoạt động đưa, đón khách du lịch của các tua du lịch nội địa và quốc tế.

4.3. Về thái độ: Có thái độ đúng đắn trong học tập và nghiên cứu, nhận thức rõ được vai trò của của hoạt động hướng dẫn du lịch.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học phần:**

Nội dung chi tiết Học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học
----------------------------	---------	---

		<b>và kiểm tra, đánh giá</b>
<b><u>Chương 1: TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN DU LỊCH</u></b>	5	Thuyết giảng và xác định mục tiêu & nhiệm vụ học tập cho sv
1.1. Khái niệm Hướng dẫn du lịch		
1.2. Vai trò, nhiệm vụ của hướng dẫn viên du lịch		
1.3. Đặc điểm nghề hướng dẫn du lịch		
<b><u>Chương 2: KIẾN THỨC, NĂNG LỰC &amp; PHẨM CHẤT CỦA HDV DU LỊCH</u></b>	6	Thuyết giảng và bài tập tình huống.
2.1. Kiến thức hướng dẫn du lịch		
2.2. Những năng lực cần có của HDV du lịch		
2.3. Những phẩm chất đạo đức nghề HDV du lịch		
2.4. Nhiệm vụ của HDV du lịch		
2.4. Những điều HDV du lịch không được làm	3	Thuyết giảng & bài tập.
<b><u>Chương 3: NGHIỆP VỤ ĐÓN KHÁCH</u></b>	5	Thuyết giảng.
3.1. Nghiệp vụ đón khách tại sân bay ga nội địa		
3.2. Nghiệp vụ đón khách tại sân bay ga quốc tế		
3.3. Nghiệp vụ đón khách tại các cửa khẩu khác		
3.4. Nghiệp vụ check in khách sạn		
<b><u>Chương 4: NGHIỆP VỤ TIỀN KHÁCH</u></b>	5	Thảo luận và thuyết trình nhóm học tập.
4.1. Nghiệp vụ tiễn khách tại sân bay ga nội địa		
4.2. Nghiệp vụ tiễn khách tại sân bay ga quốc tế		
4.3. Nghiệp vụ tiễn khách tại các ga khác		
<b><u>Chương 5: NGHIỆP VỤ TỔ CHỨC ĂN UỐNG VÀ GIẢI TRÍ</u></b>	4	Thảo luận & thuyết giảng
5.1. Nghiệp vụ giới thiệu hướng dẫn tại nhà hàng		
5.2. Nghiệp vụ hướng dẫn tại quán bar		
5.3. Nghiệp vụ hướng dẫn tại các địa điểm ẩm thực khác		
5.4. Nghiệp vụ hướng dẫn tại các khu vui chơi khác		
<b><u>Chương 6: NGHIỆP VỤ THUYẾT MINH</u></b>	6	Thuyết giảng & bài tập thực hành
6.1. Nghiệp vụ thuyết minh tại điểm		
6.2. Nghiệp vụ thuyết minh trên xe		
6.3. Nghiệp vụ thuyết minh khi đến một thành phố		

mới		
6.4. Nghiệp vụ thuyết minh tại chùa, đình, miếu, nhà thờ		
6.5. Nghiệp vụ thuyết minh tại các di sản văn hóa		
6.6. Nghiệp vụ thuyết minh về các đề tài văn hóa, kinh tế, xã hội khác		
<b>Chương 7: NGHIỆP VỤ HOẠT NÁO</b>	6	Thuyết giảng & bài tập
7.1. Nghiệp vụ tổ chức trò chơi trên xe		
7.2. Nghiệp vụ tổ chức trò chơi trên bãi biển		
7.3. Nghiệp vụ tổ chức trò chơi trên sân khấu		
7.4. Nghiệp vụ tổ chức trò chơi tại các điểm sinh thái		
<b>Chương 8: NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ ĐOÀN</b>	5	Thuyết giảng, tình huống
8.1. Nghiệp vụ quản lý số lượng khách		
8.2. Nghiệp vụ quản lý an toàn cho khách		
8.3. Nghiệp vụ quản lý hành lý cho khách		
8.4. Nghiệp vụ quản lý các mối quan hệ với nhà cung cấp		
8.5. Nghiệp vụ quản lý hồ sơ chứng từ tour		
8.6. Nghiệp vụ quyết toán tour		
8.7. Ôn tập		Tổng kết, ôn tập

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu học tập chính

- Đinh Trung Kiên (2007), *Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, NXB ĐHQG HN.
- Tập bài giảng của giảng viên.
- Tổng cục du lịch, *Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch*, HN, 2003.

### 6.2. Tài liệu tham khảo khác

- Đào Ngọc Cảnh (2004), *Tổng quan về du lịch*, Đại học Cần Thơ.
- Võ Sơn Đông (2010), *Những điều cần biết khi hướng dẫn khách du lịch đi nước ngoài*, Nxb Thời Đại, Hà Nội.
- Robert Christie Mill – Alastair M. Morision (2006), *The Tourism system: Introductory Text*, Kendall Hunt Publising Company USA.
- [www.unwto.org](http://www.unwto.org)
- [www.iata.org](http://www.iata.org)

### **7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01.
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Thi vấn đáp.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0,1;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0,1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,2;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): hệ số 0,5
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*TP. HCM, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà    TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang    ThS. Trần Anh Dũng**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN**  
**NGHIỆP VỤ LỄ TÂN - KHÁCH SẠN**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **NGHIỆP VỤ LỄ TÂN - KHÁCH SẠN**
- Mã học phần: 835115
- Số tín chỉ: 5
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 75 (60/15)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ**

**3. Mục tiêu cụ thể của HP/MH**

Sau khi học xong học phần Nghiệp vụ lễ tân quốc tế người học có khả năng hiểu và thực hiện các công việc có liên quan đến nghiệp vụ lễ tân, ngoại giao quốc tế.

3.1. Về kiến thức: Cung cấp những kiến thức về lễ tân ngoại giao quốc tế. Hiểu các nguyên tắc, nghi thức giao tiếp, ứng xử trong quan hệ giao tiếp ngoại giao quốc tế.

3.2. Về kĩ năng: Sau khi học xong, người học có thể tham gia vào các công việc có liên quan đến lễ tân, giao tiếp quốc tế.

3.3. Về thái độ: Môn học giúp người học có thái độ đúng đắn về vai trò và sự cần thiết của nghiệp vụ lễ tân trong giao tiếp quốc tế.

**4. Tóm tắt nội dung HP/MH**

Môn học Nghiệp vụ lễ tân quốc tế bao gồm 7 chương xoay quanh những kiến thức và nghiệp vụ về lễ tân và ngoại giao trong môi trường giao tiếp quốc tế. Bên cạnh những khối kiến thức về lý thuyết liên quan đến lễ tân, ngoại giao quốc tế, môn học còn cung cấp cho người học những nội dung liên quan đến nghiệp vụ lễ tân, ngoại giao và các nguyên tắc giao tiếp trong môi trường đa văn hóa và mang tính quốc tế. Sau khi học xong, người học có được khối kiến thức cũng như những kỹ năng nghiệp vụ cần thiết để có thể sẵn sàng tham gia vào những công việc có liên quan.



### 5. Kế hoạch dạy học HP/MH

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Tổng quan về lễ tân</b>	5	Thuyết giảng, thảo luận
1. Khái niệm lễ tân & lễ tân khách sạn		
2. Vai trò của lễ tân tại khách sạn quốc tế		
3. Cơ cấu tổ chức bộ phận lễ tân khách sạn		
<b>Chương 2. Những yêu cầu cơ bản về nghề lễ tân</b>	5	Thuyết giảng, thảo luận
2.1. Hình thức		
2.2. Khả năng		
2.3. Kỹ năng		
2.3. Nhiệm vụ		
2.4. Hoạt động nghiệp vụ		
<b>Chương 3. Nghiệp vụ nhận phòng (check in)</b>	15	Thuyết giảng, thực hành, bài tập
3.1. Nguyên tắc check in		
3.2. Các bước check in		
3.3. Hoạt động nghiệp vụ cần thiết khi check in		
<b>Chương 4. Nghiệp vụ trả phòng (check out)</b>	10	Thuyết giảng, thảo luận
4.1. Nguyên tắc		
4.2. Các bước check out		
4.3. Hoạt động nghiệp vụ cần thiết khi check out		
<b>Chương 5. Nghiệp vụ giao tiếp lễ tân</b>	10	Thuyết giảng, thực hành, bài tập
5.1. Giao tiếp trực tiếp		
5.2. Giao tiếp qua điện thoại		
5.3. Nguyên tắc		
<b>Chương 6. Nghiệp vụ phục vụ khách lưu trú</b>	8	Thuyết giảng, thảo luận
6.1. Nhiệm vụ		
6.2. Kỹ năng		
6.3. Hoạt động chuyên môn		
<b>Chương 7. Nghiệp vụ kinh doanh tiếp thị của lễ tân</b>	5	Thuyết giảng, thảo luận
6.1. Nguyên tắc		
6.2. Nội dung đối tượng tiếp thị		
6.3. Hoạt động nghiệp vụ		
Ôn tập	2	Thuyết giảng

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- 1- Tập bài giảng của giảng viên
- 2- Học viện Ngoại giao, 2012, “*Tài liệu tập huấn nghiệp vụ lễ tân ngoại giao*”.
- 3- Võ Anh Tuấn, 2001, *Lễ tân ngoại giao thực hành*, Nxb CTQG.
- 4- Tổng cục Du lịch Việt Nam - VITOS, 2009, *Nghiệp vụ lễ tân khách sạn*. Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam.

### 6.2. Tài liệu khác

3 - Berridge G. (2002), *Diplomacy: Theory and Practic.*, Palgrave Macmillan, New York.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01.
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở, thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0,1;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0,1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,2;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0,5
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

TP. HCM, ngày      tháng      năm 2016

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà      TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang      ThS. Trần Anh Dũng**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

## HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ BUỒNG PHÒNG

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **NGHIỆP VỤ BUỒNG PHÒNG (HOUSE KEEPING)**
- Mã học phần: 835116
- Số tín chỉ: 5
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 75 (35/40)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần: Không
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ

### 3. Mô tả học phần

Môn học nhằm trang bị hệ thống kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ chuyên biệt cho sinh viên bao gồm hiểu biết về các loại hàng khách sạn, về vị trí, vai trò, chức năng về quy trình hoạt động của bộ phận phục vụ buồng phòng; rèn luyện các kỹ năng chuyên biệt phục vụ phòng khách với các thao tác nghiệp vụ cụ thể tại khách sạn.

### 4. Mục tiêu học phần

Mục tiêu tổng quát mà học phần cần đạt được:

Trang bị kiến thức về kỹ năng nghiệp vụ chuyên biệt về bộ phận buồng phòng phục vụ cho hoạt động kinh doanh dịch vụ của doanh nghiệp khách sạn nhà hàng.

Sau khi học xong người học có khả năng thực hiện và giải quyết một số cách có hiệu quả nhất các công việc của nhân viên buồng phòng trong phạm vi một khách sạn nhà hàng hai tại một doanh nghiệp dịch vụ.

4.1. Về kiến thức: trang bị kiến thức về bộ phận buồng phòng Housekeeping với đặc điểm loại hình công việc mang tính phục vụ trong hoạt động của doanh nghiệp.

4.2. Về kỹ năng: giúp sinh viên đề chuẩn bị công việc và kết thúc công việc, biết các quy trình phục vụ phòng khách của công việc housekeeping mang tính chuyên nghiệp.

4.3. Về thái độ: Biết yêu quý và trân trọng với công việc phục vụ của một nhân viên quản gia của một doanh nghiệp.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Phần 1: LÝ THUYẾT</b>		
<b>Chương 1. Lịch sử ngành phục vụ về các loại hình khách sạn</b>	<b>30</b>	Lý thuyết và kiểm tra thực hành tại phòng học Thực hành Bộ môn.
<b>1.1. Lịch sử ngành phục vụ</b>	<b>10</b>	
1.1.1. Ngành phục vụ thời cổ đại	3	
1.1.2. Ngành phục vụ thời trung đại	3	
1.1.3. Ngành phục vụ thời hiện đại	3	
<b>1.2. Loại hình khách sạn theo các tiêu chí phân loại</b>	<b>20</b>	
1.2.1. Loại hình khách sạn theo tiêu chí vị trí	3	
1.2.2. Loại hình khách sạn theo tiêu chí giá cả	3	
1.2.3. Loại hình khách sạn theo tiêu chí phân khúc thị trường	3	
1.2.4. Loại hình khách sạn theo tiêu chí hệ thống tập đoàn	3	
1.2.5. Loại hình khách sạn theo tiêu chí kích cỡ	3	
1.2.6. Loại hình khách sạn theo tiêu chí thương hiệu	3	
1.2.7. Loại hình khách sạn theo tiêu chí mức độ phục vụ	3	
<b>Chương 2. Vị trí vai trò và mô tả công việc của bộ phận buồng phòng trong khách sạn</b>	<b>30</b>	Lý thuyết và kiểm tra thực hành tại phòng học Thực hành Bộ môn.
<b>2.1. Vị trí của bộ phận buồng phòng trong sơ đồ tổ chức của khách sạn</b>	<b>2</b>	
2.1.1. Cấu trúc bộ phận buồng	2	
2.1.2. Chức danh bộ phận buồng theo mô hình, loại hình khách sạn	2	
2.1.3. Giới thiệu một số mô hình và bộ phận buồng ở các loại hình khách sạn	2	
<b>2.2. Chức năng, nhiệm vụ và mô tả công việc của từng vị trí bộ phận buồng phòng trong các loại hình khách</b>	<b>20</b>	

<b>sạn</b>		
2.2.1.Chức năng, nhiệm vụ và mô tả công việc của vị trí dọn phòng (Room attendant)	2	
2.2.2.Chức năng, nhiệm vụ và mô tả công việc của vị trí nhân viên khu vực công cộng (Public area attendant)	2	
2.2.3.Chức năng, nhiệm vụ và mô tả công việc của vị trí nhân viên bộ phận đồng phục và đồ vải (Linen and Uniform attendant)	2	
2.2.4.Chức năng, nhiệm vụ và mô tả công việc của vị trí nhân viên cắm hoa (Florist)	2	
2.2.5.Chức năng, nhiệm vụ và mô tả công việc của vị trí nhân viên cây cảnh (Gardener)	2	
2.2.6.Chức năng, nhiệm vụ và mô tả công việc của vị trí nhân viên may vá (Tailor)	2	
2.2.7.Chức năng, nhiệm vụ và mô tả công việc của vị trí nhân viên giám sát - khu vực công cộng, tầng... (Supervisor – Pubic area, Floor)	2	
2.2.8.Chức năng, nhiệm vụ và mô tả công việc của vị trí trợ lý bộ phận buồng (Assistance Executive Housekeeper)	2	
2.2.9.Chức năng, nhiệm vụ và mô tả công việc của Trưởng bộ phận Buồng (Excutive Housekeeper)	2	
<b>Chương 3. Các qui trình thực hiện ở các giai đoạn chuẩn bị công việc và kết thúc công việc của bộ phận buồng trong hệ thống khách sạn</b>	<b>30</b>	
<b>3.1.Chuẩn bị công việc và kết thúc công việc</b>	<b>10</b>	
3.1.1.Quy trình vệ sinh cá nhân	1	
3.1.2.Quy trình báo cáo công việc	2	
3.1.3.Quy trình diễn giải công việc	1	
3.1.4.Quy trình chuẩn bị công việc	2	
3.1.5.Quy trình kết thúc công việc	2	
3.1.6.Quy trình sắp xếp xe đẩy trolley	2	
<b>3.2.Các quy trình phục vụ phòng khách</b>	<b>10</b>	
3.2.1.Giới thiệu và mô tả các loại phòng khách	2	
3.2.2.Quy trình phục vụ phòng khách	2	
3.2.3.Quy trình phục vụ ở ca sáng	2	
3.2.4.Quy trình phục vụ ở các chiều	2	
3.2.5.Quy trình kiểm tra phòng khách	2	
<b>3.3. Các quy trình làm việc ở khu vực công cộng</b>	<b>10</b>	

3.3.1. Giới thiệu và mô tả khu vực công cộng		
3.3.2. Quy trình vệ sinh cổng vào khách sạn		
3.3.3. Quy trình vệ sinh sảnh		
3.3.4. Quy trình vệ sinh khu vực tiền sảnh		
3.3.5. Quy trình vệ sinh hành lang		
3.3.6. Quy trình vệ sinh thang máy		
3.3.7. Quy trình vệ sinh hồ bơi		
3.3.8. Quy trình vệ sinh khu vực tường		
3.3.9. Quy trình vệ sinh nhà vệ sinh công cộng		
3.3.10. Quy trình vệ sinh phòng tập thể dục		
3.3.11. Quy trình vệ sinh phòng ăn		
<b>Phần 2: THỰC HÀNH</b>	<b>240</b>	Thực hành tại doanh nghiệp khách sạn
4.1. Thực hành nghiệp vụ buồng phòng ở giai đoạn chuẩn bị công việc	40	
4.2. Thực hành nghiệp vụ buồng phòng ở giai đoạn kết thúc công việc	40	
4.3. Thực hành phục vụ buồng khách	40	
4.4. Thực hành sử dụng thiết bị trong khách sạn	40	
4.5. Thực hành sắp xếp xe đẩy	40	
4.6. Thực hành các công việc tạp vụ trong hệ thống khách sạn	40	
5.1. Công việc dịch vụ giặt ủi	4	
5.2. Công việc dịch vụ Miniba	4	
5.3. Công việc dịch vụ đánh giày	4	
5.4. Công việc dịch vụ giữ trẻ	4	
5.5. Công việc dịch vụ cắm hoa	4	
5.6. Công việc dịch vụ chăm sóc sàn	4	
5.7. Công việc dịch vụ chăm sóc thảm	4	
5.8. Công việc kiểm soát vật phá hoại	4	
5.9. Công việc xử lý khách than phiền	4	
5.10. Công việc bảo vệ môi trường	4	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Thanh Bạch, Chương trình huấn luyện bộ phận quản gia (Housekeeping Department). Tài liệu lưu hành nội bộ, TP.HCM.
2. Nguyễn Xuân Ra, Quản lý và nghiệp vụ nhà hàng-Bar, NXB Phụ nữ, 2006.



UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

## HỌC PHẦN NGHIỆP VỤ NHÀ HÀNG

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **NGHIỆP VỤ NHÀ HÀNG**
- Mã học phần: 835117
- Số tín chỉ: 5
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 75 (35/40)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ

### 3. Mục tiêu cụ thể của MH

Môn học cung cấp cho người học giúp học viên có cái nhìn khái quát về ngành phục vụ ăn uống, thực phẩm, hiểu rõ và thao tác thuần thục kỹ năng cũng như quy trình phục vụ khách, kiểu Á lẫn kiểu Âu.

#### 3.1. Về kiến thức:

- Hiểu & nắm bắt được vị trí, chức năng và vai trò nghiệp vụ phục vụ bàn trong tổng thể chung hoạt động của nhà hàng.
- Tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm và phục vụ thức ăn và thức uống.
- Quy trình, kiểu cách sắp xếp và phục vụ theo các phong cách ẩm thực Á - Âu.

#### 3.2. Về kỹ năng:

- Vận dụng được các phương pháp để phục vụ phù hợp với đối tượng, loại hình sự kiện.
- Lên kế hoạch sắp xếp các khu vực phục vụ thức ăn và đồ uống theo chủ đề sự kiện.

#### 3.3. Về thái độ

- Nhận thức đúng về bản chất và giá trị của môn học, trân trọng hoạt động công việc trong nhà hàng, có ý thức rèn luyện, bồi dưỡng kỹ năng nghề trong quá trình hoạt động của bản thân.
- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch học tập do giảng viên đề ra.



#### 4. Tóm tắt nội dung MH

Môn học được thiết kế gồm 2 phần:

- Phần lý thuyết: Phần lý thuyết bao gồm 6 chương được thiết theo cách tiếp cận thực tế bao gồm kiến thức liên quan các khái niệm, định nghĩa và thuật ngữ cơ bản liên quan đến vệ sinh oàn toàn thực phẩm, qui trình và tiêu chuẩn trong việc phục vụ thức ăn và đồ uống trong nhà hàng
- Phần thực hành: Bao gồm 12 công việc theo Bộ tiêu chuẩn kỹ năng nghề Việt Nam VTOS giúp cho sinh viên tiếp cận kỹ năng nghề tiên tiến và có thể hòa nhập vào môi trường làm việc thực sau khi tốt nghiệp.

#### 5. Kế hoạch dạy học MH

<b>PHẦN LÝ THUYẾT</b>	<b>30</b>	<b>Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy</b>
<b>Chương 1: Tổng quan Nghiệp vụ nhà hàng</b> 1.1. Khái niệm về hoạt động ẩm thực 1.2. Âm thực và xu hướng phát triển 1.3. Cơ cấu tổ chức, phân loại và hoạt động của mô hình kinh doanh ẩm thực	<b>5</b>	Thuyết giảng
<b>Chương 2: Sức khỏe – Vệ sinh – An toàn trong ngành nhà hàng</b> 2.1. Tầm quan trọng của tiêu chuẩn an toàn vệ sinh trong ngành ẩm thực 2.2. Vệ sinh cá nhân 2.3. Tiêu chuẩn trong bảo quản thực phẩm 2.4. Duy trì vệ sinh khu vực nhà hàng & Trang thiết bị 2.5. Tiêu chuẩn trong xử lý rác thải 2.6. Tiêu chuẩn an toàn trong môi trường làm việc.	<b>5</b>	Thuyết giảng và thảo luận nhóm
<b>Chương 3: Công tác chuẩn bị</b> 3.1. Phòng ăn 3.2. Trang thiết bị & đồ dùng. 3.3. Đồ sứ - Thủy tinh – Kim loại 3.4. Vệ sinh cá nhân 3.5. Sắp đặt & chuẩn bị	<b>5</b>	Thuyết giảng và thảo luận nhóm
<b>Chương 4: Kiến thức về thức ăn</b> 4.1. Vai trò của người phục vụ 4.2. Tâm lý & nhu cầu của thực khách	<b>5</b>	Thuyết giảng và thảo luận nhóm

4.3. Thực đơn 4.4. Các loại & kiểu phục vụ 4.5. Tiếp nhận & chuyển yêu cầu 4.6. Phục vụ trong khi khách dùng bữa		
<b>Chương 5: Kiến thức về thức uống</b> 5.1. Thức uống không cồn 5.2. Rượu & thức uống có cồn 5.3. Quầy bar & Cocktail 5.4. Rượu vang & món ăn	<b>3</b>	Thuyết giảng và thảo luận nhóm
<b>Chương 6: Nghiệp vụ phục vụ</b> 6.1. A la carte 6.2. Buffet 6.3. Theo chủ đề & tiệc bên ngoài	<b>3</b>	Thuyết giảng và thảo luận nhóm
<b>Dự phòng &amp; kiểm tra giữa kỳ</b>	<b>5</b>	
<b>PHẦN THỰC HÀNH – theo bộ tiêu chuẩn VTOS</b> 1. Chuẩn bị ca làm việc 2. Chuẩn bị tại nhà hàng 3. Chăm sóc khách hàng 4. Tiếp nhận yêu cầu 5. Phục vụ bữa ăn 6. Thu dọn bữa ăn 7. Phục vụ bàn nói chung 8. Các công việc trong quầy đồ uống 9. Phục vụ hội nghị và tiệc 10. Kết thúc ca làm việc	<b>40</b>	Học thực tế tại doanh nghiệp

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- Đinh Trung Kiên (2007), *Nghiệp vụ nhà hàng du lịch*, NXB ĐHQG HN.
- Tập bài giảng của giảng viên.
- Tổng cục du lịch, *Nghiệp vụ nhà hàng du lịch*, HN, 2003.

### 6.2. Tài liệu tham khảo khác

- Đào Ngọc Cảnh (2004), *Tổng quan về du lịch*, Đại học Cần Thơ.
- Võ Sơn Đông (2010), *Những điều cần biết khi nhà hàng khách du lịch đi nước ngoài*, Nxb Thời Đại, Hà Nội.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Viết tiểu luận.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,4;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0,5

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*TP. HCM, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang**

**ThS. Trần Anh Dũng**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN**  
**NGHIỆP VỤ PHA CHẾ THỨC UỐNG**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **NGHIỆP VỤ PHA CHẾ THỨC UỐNG**
- Mã học phần: 835118
- Số tín chỉ: 5
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 75 (55/20)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ**

**3. Mô tả Học phần:**

Học phần cung cấp một khung kiến thức xoay quanh chủ đề Nghiệp vụ pha chế - Bartender. MH giới thiệu, mô tả các khái niệm, bản chất của các đối tượng có liên quan đến hoạt động nghiệp vụ pha chế tại quầy bar. MH cung cấp kiến thức pha chế, tổ chức, quản lý quầy bar quốc tế.

**4. Mục tiêu cụ thể của học phần:**

4.1. Về kiến thức: Hiểu, trình bày, thực hành pha chế được thức uống phổ biến tại quầy bar gồm :

- Nghiên cứu lịch sử và các trường phái Bar.
- Nhận dạng trang thiết bị của quầy Bar.
- Nguyên tắc, nghiệp vụ tổ chức, quản lý, điều hành quầy Bar quốc tế
- Nghiệp vụ pha chế đồ uống

4.2. Về kỹ năng: Hiểu được nguyên tắc, cách thức pha chế thức uống tại quầy bar.

4.3. Về thái độ: Có thái độ đúng đắn trong học tập và nghiên cứu, nhận thức rõ được vai trò của của công việc pha chế trong ngành ẩm thực.

**5. Nội dung và kế hoạch dạy học phần:**

Nội dung chi tiết Học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: TỔNG QUAN VỀ BAR</b>	5	Thuyết giảng và xác định

		mục tiêu & nhiệm vụ học tập cho sv
1.1. Khái niệm bar và bartender		
1.2. Lịch sử phát triển bar, cocktail		
1.3. Trường phái bar Mỹ và bar Âu		
1.4. Đặc điểm nghề nghiệp của bartender		
<b>Chương 2: QUẦY BAR &amp; DỤNG CỤ TẠI QUẦY BAR</b>	6	Thuyết giảng và bài tập tình huống.
2.1. Phân loại quầy bar		
2.2. Dụng cụ quầy bar		
	3	Thuyết giảng & bài tập.
<b>Chương 3: ĐỒ UỐNG</b>	5	Thuyết giảng.
3.1. Rượu & thức uống có cồn		
3.2. Bia và thức uống có ga		
3.3. Nước trái cây		
3.4. Trà & Cà phê		
3.5. Cocktail		
<b>Chương 4: NGHIỆP VỤ PHA CHẾ</b>	5	Thảo luận và thuyết trình nhóm học tập.
4.1. Nghiệp vụ pha chế cocktail		
4.2. Nghiệp vụ pha chế cà phê, trà		
4.3. Nghiệp vụ trang trí món uống		
<b>Chương 5: NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ QUẦY RƯỢU</b>	4	Thảo luận & thuyết giảng
5.1. Nghiệp vụ trang trí sắp xếp quầy bar		
5.2. Nghiệp vụ kiểm rượu và quản lý kho		
5.3. Nghiệp vụ ghi sổ sách quầy bar		
5.4. Nghiệp vụ bảo quản thức uống tại quầy bar		
5.5. Nghiệp vụ vệ sinh an toàn quầy bar		
<b>Chương 6: NGHIỆP VỤ PHỤC VỤ &amp; BIỂU DIỄN</b>	6	Thuyết giảng & bài tập thực hành
6.1. Nghiệp vụ phục vụ cocktail		
6.2. Nghiệp vụ phục vụ bia		
6.3. Nghiệp vụ phục vụ cà phê, trà		
6.4. Nghiệp vụ phục vụ tiệc tại quầy bar		
6.5. Nghiệp vụ rửa ly & lau ly		
6.6. Nghiệp vụ sử dụng máy móc thiết bị tại quầy bar		
6.7. Nghiệp vụ biểu diễn tại quầy		

8.7. Ôn tập	Tổng kết, ôn tập
-------------	------------------

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu học tập chính

- Tập bài giảng của giảng viên.
- Amanda Miron and Douglas Brown (2005), *The professional bar & Beverage manager*. Atlantic Publishing Group.
- Hà Châu (1997), *Cocktail 801 công thức pha chế*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu tham khảo khác

- [www.bartender.com](http://www.bartender.com)
- Robert Christie Mill – Alastair M. Morision (2006), *The Tourism system: Introductory Text*, Kendall Hunt Publising Company USA.
- [www.unwto.org](http://www.unwto.org)
- [www.iata.org](http://www.iata.org)

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01.
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Viết tiểu luận
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0,1;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0,1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,2;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): hệ số 0,5
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*TP. HCM, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG KHOA**                      **TRƯỞNG BỘ MÔN**                      **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà      TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang      ThS. Trần Anh Dũng**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
 NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

## HỌC PHẦN THỰC TẾ CHUYÊN MÔN 1

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **THỰC TẾ CHUYÊN MÔN 1**
- Mã học phần: 835102
- Số tín chỉ: 1
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 15 (0/15)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ

### 3. Mục tiêu cụ thể của học phần

Củng cố và hình thành cho người học những kiến thức thực tế về lịch sử, văn hóa, danh thắng khu vực Đông Nam Bộ. Từ đó SV có thể vận dụng vào hoạt động nghề nghiệp ngành Du lịch sau khi ra trường.

#### 3.1. Về kiến thức:

Củng cố cho sinh viên kiến thức lí thuyết và hình thành những kiến thức thực tế về tuyến, điểm, về hệ thống di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng địa lý Đông Nam Bộ, tạo tiền đề cho đợt Thực tế chuyên môn 2.

#### 3.2. Về kĩ năng:

SV biết ứng dụng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ vào thực tiễn, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng quan sát, thu thập, phân tích và đánh giá, kỹ năng hợp tác nhóm khi tiếp cận tài nguyên du lịch Đông Nam Bộ trong chương trình được thiết kế với mục đích nâng cao hiệu quả đào tạo kỹ năng nghiệp vụ của khoa Quan hệ quốc tế.

#### 3.3. Về thái độ:

Môn học hướng cho sinh viên nâng cao ý thức nghề nghiệp, rèn luyện tính kỉ luật, tác phong đạo đức nghề nghiệp, tính tích cực, chủ động, sẵn sàng học hỏi trong môi trường hoạt động Du lịch.

### 4. Tóm tắt nội dung HP/MH

Môn học trang bị cho SV những kiến thức thực tế về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn ở Đông Nam Bộ. Thực hiện tốt nội dung học phần sẽ giúp sinh viên có được những hiểu biết cơ bản làm nền cho việc học Thực tế chuyên môn 2.

## 5. Kế hoạch dạy học HP/MH

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Tìm hiểu thực tế tài nguyên du lịch tự nhiên tại Đông Nam Bộ</b>	15	
<p><i>1.1. Tìm hiểu thực tế về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch tự nhiên của Đông Nam Bộ</i></p> <p>1.1.1. Tìm hiểu vị trí và các yếu tố địa lí</p> <p>1.1.2. Tìm hiểu điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch tự nhiên</p> <p>1.1.2.1. Tìm hiểu yếu tố địa hình, địa chất</p> <p>1.1.2.2. Tìm hiểu tài nguyên khí hậu</p> <p>1.1.2.3. Tìm hiểu tài nguyên nước</p> <p>1.1.2.4. Tìm hiểu tài nguyên sinh vật: Hệ động-thực vật, các hệ sinh thái, các đơn vị sinh học, các điểm tham quan tài nguyên sinh vật</p> <p>1.2. <i>Nhận xét, đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên du lịch tự nhiên của Đông Nam Bộ.</i></p>		<p>- SV chuẩn bị kĩ tài liệu, phương tiện học tập; tổ chức nội dung thuyết trình/ thuyết minh theo gợi ý đề tài của GV;</p> <p>- GV điều khiển Sv tương tác</p>
<b>Chương 2: Tìm hiểu thực tế về tài nguyên du lịch nhân văn của Đông Nam Bộ</b>	15	
<p><i>2.1. Tìm hiểu tài nguyên du lịch nhân văn vật thể</i></p> <p>2.1.1. Tìm hiểu hệ thống đền chùa, nhà thờ, đình</p> <p>2.1.2. Tìm hiểu hệ thống di tích, danh thắng</p> <p><i>2.2. Tìm hiểu tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể</i></p> <p>2.2.1. Tìm hiểu lễ hội</p> <p>2.2.2. Tìm hiểu văn hóa nghệ thuật</p> <p>2.2.3. Tìm hiểu nghệ thuật ẩm thực</p> <p>2.2.4. Tìm hiểu làng nghề cổ truyền</p> <p>2.2.5. Tìm hiểu văn hóa tộc người</p> <p><i>2.3. Tìm hiểu và trải nghiệm thực tế về tour, tuyến điểm và cơ sở vật chất hạ tầng phục vụ du lịch trong hệ thống Lễ hành của Đông Nam Bộ</i></p> <p><i>2.4. Tìm hiểu và trải nghiệm thực tế hệ Nhà hàng- khách sạn của Đông Nam Bộ</i></p> <p>2.5. Nhận xét, đánh giá chung về tài nguyên du lịch nhân văn của Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Đông Nam Bộ và bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tế.</p>		<p>-SV đọc kĩ tài liệu và tổ chức nội dung theo gợi ý đề tài của GV;</p> <p>- -Đánh giá bài thuyết minh và bài thu hoạch.theo 3 tiêu chí:</p> <p>1. Chuẩn bị: đầy đủ, đúng trọng tâm.</p> <p>2. Trình bày: lưu loát, rõ ràng, đúng thời gian.</p> <p>3. Tương tác: Khả năng giải quyết các vấn đề và với các thành viên khác và với GV.</p>



## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- ⊕ Tổng cục Du lịch Việt Nam (2012), *Non nước Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

- ⊕ Bửu Ngôn (1999), *Du lịch ba miền – Đất phương Nam*, NXB Trẻ.
- ⊕ Chu Quang Trứ (1996), *Di sản văn hóa dân tộc trong tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam*, NXB Thuận Hóa, Huế.
- ⊕ Bùi Hải Yến (2006), *Tuyển điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 0.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm thuyết trình: hệ số 0,4;
- Điểm bài báo cáo: hệ số 0.5.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*TP. HCM, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG KHOA**                      **TRƯỞNG BỘ MÔN**                      **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà      TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang      TS. Nguyễn Đăng Khánh**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN  
THỰC TẾ CHUYÊN MÔN 2**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **THỰC TẾ CHUYÊN MÔN 2**
- Mã học phần: 835318
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45  
(15/30)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ**

**3. Mục tiêu cụ thể của HP/MH**

Củng cố và hình thành cho người học những kiến thức thực tế về lịch sử, văn hóa, danh thắng trên địa bàn các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Từ đó SV có thể vận dụng vào hoạt động nghề nghiệp ngành Văn hóa-Du lịch sau khi ra trường.

*3.1. Về kiến thức:*

Củng cố cho sinh viên kiến thức lí thuyết và hình thành những kiến thức thực tế về tuyến, điểm, về hệ thống di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng địa lý tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ, tạo tiền đề cho đợt Thực tế chuyên môn 3.

*3.2. Về kỹ năng:*

SV biết ứng dụng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ vào thực tiễn, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng quan sát, thu thập, phân tích và đánh giá, kỹ năng hợp tác nhóm khi tiếp cận tài nguyên du lịch của các tỉnh miền Tây Nam Bộ trong chương trình được thiết kế với mục đích nâng cao hiệu quả đào tạo nghiệp vụ của khoa Quan hệ Quốc tế.

*3.3. Về thái độ:*

Môn học hướng cho sinh viên nâng cao ý thức nghề nghiệp, rèn luyện tính kỉ luật, tác phong đạo đức nghề nghiệp, tính tích cực, chủ động sẵn sàng học hỏi trong môi trường hoạt động Du lịch.

#### 4. Tóm tắt nội dung HP/MH

Môn học trang bị cho SV những kiến thức thực tế về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn ở các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Thực hiện tốt nội dung học phần sẽ giúp sinh viên có được những hiểu biết và kỹ năng cơ bản làm nền cho việc học Thực tế chuyên môn 3.

#### 5. Kế hoạch dạy học HP/MH

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Chương 1: Tìm hiểu thực tế tài nguyên du lịch tự nhiên tại các tỉnh miền Tây Nam Bộ</b></p> <p>1.1. Tìm hiểu thực tế về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch tự nhiên của các tỉnh miền Tây Nam Bộ</p> <p>1.1.1. Tìm hiểu vị trí và các yếu tố địa lí</p> <p>1.1.2. Tìm hiểu điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch tự nhiên</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu yếu tố địa hình, địa chất</li> <li>- Tìm hiểu tài nguyên khí hậu</li> <li>- Tìm hiểu tài nguyên nước</li> <li>- Tìm hiểu tài nguyên sinh vật: Hệ động - thực vật, các hệ sinh thái, các đơn vị sinh học, các điểm tham quan tài nguyên sinh vật</li> </ul> <p>1.2. Nhận xét, đánh giá chung về điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch tự nhiên</p>	15	<p>- GV hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, chuẩn bị các điều kiện trước khi đi thực tế. Nêu ý kiến đánh giá kết quả thuyết trình, bài tiểu luận nhóm/cá nhân sinh viên.</p> <p>- GV điều khiển Sv tương tác</p> <p>-SV chuẩn bị kỹ tài liệu và tổ chức nội dung theo gợi ý đề tài của GV;</p> <p>- -Đánh giá bài thuyết minh trong tour và bài thu hoạch.theo 3 tiêu chí:</p>
<p><b>Chương 2: Tìm hiểu thực tế về tài nguyên du lịch nhân văn của các tỉnh miền Tây Nam Bộ</b></p> <p>2.1. Tìm hiểu tài nguyên du lịch nhân văn vật thể</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu hệ thống đền chùa, nhà thờ, đình</li> <li>- Tìm hiểu hệ thống di tích, danh thắng</li> </ul> <p>2.2. Tìm hiểu tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tìm hiểu lễ hội</li> <li>- Tìm hiểu văn hóa nghệ thuật</li> <li>- Tìm hiểu nghệ thuật ẩm thực</li> <li>- Tìm hiểu làng nghề cổ truyền</li> <li>- Tìm hiểu văn hóa tộc người</li> </ul> <p>2.3. Nhận xét, đánh giá chung về tài nguyên du lịch</p>	15	<p>1. Chuẩn bị: đầy đủ, đúng trọng tâm.</p> <p>2. Trình bày: lưu loát, rõ ràng, đúng thời gian.</p> <p>3. Tương tác: Khả năng giải quyết các vấn đề và với các thành viên khác và với GV.</p>

nhân văn của các tỉnh miền Tây Nam Bộ <b>Chương 3: Tìm hiểu và trải nghiệm thực tế về du lịch vùng Tây Nam Bộ</b> 3.1. Tìm hiểu và trải nghiệm thực tế về tour, tuyến điểm và cơ sở vật chất hạ tầng trong hệ thống Lữ hành của Tây Nam Bộ 3.2. Tìm hiểu và trải nghiệm thực tế hệ thống Nhà hàng- khách sạn của Tây Nam Bộ 3.3. Bài học kinh nghiệm và những điều rút ra từ thực tế	<b>15</b>	
--	-----------	--

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- ⊕ Nguyễn Công Bình-Lê Xuân Diệm-Mạc Đường (cb), *Văn hoá và cư dân Đồng bằng sông Cửu Long*, Viện KHXH TP HCM, 1990.
- ⊕ Tổng cục Du lịch Việt Nam (2012), *Non nước Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.

### 6.2. Tài liệu khác

- ⊕ Bửu Ngôn (1999), *Du lịch ba miền – Đất phương Nam*, NXB Trẻ.
- ⊕ Bùi Hải Yến (2006), *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, H.
- ⊕ Chu Quang Trứ (1996), *Di sản văn hóa dân tộc trong tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam*, NXB Thuận Hóa, Huế.
- ⊕ Nhiều tác giả, *Mấy đặc điểm văn hoá Đồng bằng sông Cửu Long*, NXB Hậu Giang, 1987.
- ⊕ Phạm Đức Dương, *Văn hoá Đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh Đông Nam Á*. Trong “Mấy đặc điểm văn hoá Đồng bằng sông Cửu Long” Viện Văn hoá, 1989.
- ⊕ *Băng video: Hành trình của nhân loại; Văn hoá sông nước Nam Bộ [Đài truyền hình HTV9]; Sông nước kênh rạch Nam Bộ [Đài truyền hình Bình Dương]; Tràm Chim, Hoa sen Đồng Tháp [Đài truyền hình VTV1], Xứ dừa Bến Tre, Bác Ba Phi [Đài truyền hình HTV9]; Phim truyền hình nhiều tập “Đất phương Nam” (Đài truyền hình Đồng Tháp)...*

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 0
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm thuyết trình: hệ số 0,4;
- Điểm bài báo cáo: hệ số 0.5.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*TP. HCM, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang**

**TS. Nguyễn Đăng Khánh**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN**  
**THỰC TẾ CHUYÊN MÔN 3**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **THỰC TẾ CHUYÊN MÔN 3**
- Mã học phần: 835122
- Số tín chỉ: 4
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 60 (15/45)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ**

**3. Mục tiêu cụ thể của HP/MH**

Củng cố và hình thành cho người học những kiến thức thực tế về lịch sử, văn hóa, danh thắng trên địa bàn Tây Nguyên và các tỉnh duyên hải Trung Bộ, Bắc Bộ. Từ đó SV có thể vận dụng vào hoạt động nghề nghiệp ngành Du lịch sau khi ra trường.

*3.1. Về kiến thức:*

Củng cố vững chắc cho sinh viên kiến thức lí thuyết và kiến thức thực tế về tuyến điểm, về hệ thống di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng địa lý tại Tây Nguyên và các tỉnh ở duyên hải Trung Bộ, Bắc Bộ.

*3.2. Về kĩ năng:*

SV biết ứng dụng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ vào thực tiễn, rèn luyện cho sinh viên kỹ năng quan sát, thu thập, phân tích và đánh giá, kỹ năng hợp tác nhóm khi tiếp cận tài nguyên du lịch của Tây Nguyên và các tỉnh vùng duyên hải Trung Bộ, Bắc Bộ trong chương trình được thiết kế với mục đích nâng cao hiệu quả đào tạo nghiệp vụ của khoa Quan hệ Quốc tế.

*3.3. Về thái độ:*

Môn học hướng cho sinh viên nâng cao ý thức nghề nghiệp, rèn luyện tính kỉ luật, tác phong đạo đức nghề nghiệp, tính tích cực, chủ động sẵn sàng học hỏi trong môi trường hoạt động Du lịch.

#### 4. Tóm tắt nội dung HP/MH

Môn học trang bị cho SV những kiến thức thực tế về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn ở Tây Nguyên và các tỉnh vùng duyên hải Trung Bộ, Bắc Bộ. Từ đó, sinh viên có được những hiểu biết và hình thành các kĩ năng cơ bản của ngành Du lịch.

#### 5. Kế hoạch dạy học HP/MH

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Chương 1: Tìm hiểu thực tế tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn tại Tây Nguyên và các tỉnh ở duyên hải Trung Bộ, Bắc Bộ</b></p> <p><i>1.1. Tìm hiểu thực tế về vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch tự nhiên của Tây Nguyên và các tỉnh duyên hải Trung Bộ, Bắc Bộ</i></p> <p>1.1.1. Vị trí và các yếu tố địa lí</p> <p>1.1.2. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên du lịch tự nhiên</p> <p>1.1.2.1. Yếu tố địa hình, địa chất</p> <p>1.1.2.2. Tài nguyên khí hậu</p> <p>1.1.2.3. Tài nguyên nước</p> <p>1.1.2.4. Tìm hiểu tài nguyên sinh vật: Hệ động-thực vật, các hệ sinh thái, các đơn vị sinh học, các điểm tham quan tài nguyên sinh vật</p> <p><i>1.2. Tìm hiểu thực tế về tài nguyên du lịch nhân văn của Tây Nguyên và các tỉnh ở Trung Bộ, Bắc Bộ</i></p> <p>1.2.1. Tìm hiểu tài nguyên du lịch nhân văn vật thể</p> <p>1.2.1.1. Hệ thống đền chùa, nhà thờ, đình</p> <p>1.2.1.2. Hệ thống di tích, danh thắng</p> <p>1.2.2. Tìm hiểu tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể</p> <p>1.2.2.1. Lễ hội</p> <p>1.2.2.2. Nghệ thuật ngữ văn truyền thống</p> <p>1.2.2.3. Nghệ thuật ẩm thực</p> <p>1.2.2.4. Làng nghề cổ truyền</p> <p>1.2.2.5. Văn hóa tộc người</p> <p>1.2.3. Nhận xét, đánh giá chung về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn của Tây Nguyên và các tỉnh ở Trung Bộ, Bắc Bộ</p>	15	<p>- GV hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu, chuẩn bị các điều kiện trước khi đi thực tế. Nêu ý kiến đánh giá kết quả thuyết trình, bài tiểu luận nhóm/cá nhân sinh viên.</p> <p>- GV điều khiển Sv tương tác</p> <p>-SV chuẩn bị kĩ tài liệu và tổ chức nội dung theo gợi ý đề tài của GV;</p> <p>- -Đánh giá bài thuyết minh trong tour và bài thu hoạch.theo 3 tiêu chí:</p> <p>1. Chuẩn bị: đầy đủ, đúng trọng tâm.</p> <p>2. Trình bày: lưu loát, rõ ràng, đúng thời gian.</p>

<p><i>1.3. Tìm hiểu thực tế về kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động du lịch tại Tây Nguyên và các tỉnh ở Trung Bộ, Bắc Bộ</i></p> <p>1.3.1. Tìm hiểu hệ thống giao thông vận tải phục vụ các tuyến, điểm du lịch ở Tây Nguyên và các tỉnh ở Trung Bộ, Bắc Bộ</p> <p>1.3.2. Tìm hiểu hệ thống thông tin viễn thông, cấp thoát và xử lý nước thải ở các vùng trọng điểm du lịch và điểm du lịch chủ yếu.</p> <p>1.3.3. Nhận xét, đánh giá chung về kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động du lịch ở các tuyến, vùng, khu du lịch và điểm du lịch ở Tây Nguyên và các tỉnh ở Trung Bộ, Bắc Bộ.</p>		<p>3. Tương tác: Khả năng giải quyết các vấn đề và với các thành viên khác và với GV.</p>
<p><b>Chương 2: Thực hành ứng dụng và rèn kỹ năng nghiệp vụ văn hóa trong chương trình thực tế tại các tuyến điểm du lịch của Tây Nguyên và các tỉnh duyên hải Trung Bộ, Bắc Bộ</b></p> <p>2.1. Xác định các nội dung và hướng ứng dụng thực tế:</p> <p>2.1.1. Thực hành xác định các tài nguyên du lịch nhân văn vật thể trên các điểm tham quan theo hướng địa-văn hóa</p> <p>2.1.2. Thực hành xác định các tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể trên các điểm tham quan theo hướng sử-văn hóa</p> <p>2.2. Rèn kỹ năng nghiệp vụ văn hóa theo hướng ứng dụng thực tế</p> <p>2.2.1. Kỹ năng quan sát, nhận diện, lĩnh hội và thu nhận kiến thức tổng quan, tổng hợp</p> <p>2.2.2. Kỹ năng quan sát, nhận diện, lĩnh hội và thu nhận kiến thức chuyên ngành hẹp.</p>	15	
<p><b>Chương 3: Thực hành ứng dụng và rèn kỹ năng nghiệp vụ du lịch trong thực tế tại các tuyến điểm du lịch của Tây Nguyên và các tỉnh duyên hải Trung Bộ, Bắc Bộ</b></p> <p>3.1. Thực hành ứng dụng và rèn kỹ năng nghiệp vụ du lịch Lữ hành</p> <p>3.1.1. Kỹ năng lấy thông tin, xử lý thông tin và tổ chức xây dựng nội dung thuyết minh</p> <p>3.1.2. Kỹ năng sử dụng bản đồ, chụp ảnh, quay camera và thực hiện nghiệp vụ thuyết minh theo tuyến điểm du lịch</p> <p>3.2. Tổ chức ứng dụng và rèn kỹ năng nghiệp vụ nhà hàng-khách sạn</p> <p>3.2.1. Kỹ năng check in và check out</p> <p>3.2.2. Kỹ năng phân tích, đánh giá các món ăn và đồ uống</p>	15	



<p>phục vụ ở các điểm du lịch và nhà hàng-khách sạn</p> <p>3.2.3. Kỹ năng quản trị công việc và thời gian học tập trên điểm thực tế</p> <p>3.2.4. Kỹ năng học tập thực tế theo hình thức đoàn, nhóm và cá nhân</p> <p><b>Chương 4: Tổng kết, đánh giá sản phẩm của chương trình học tập thực tế tại các tuyến điểm du lịch ở Tây Nguyên và các tỉnh duyên hải Trung Bộ, Bắc Bộ</b></p> <p>4.1. Tổng kết chương trình học tập thực tế tại các tuyến điểm du lịch ở Tây Nguyên và các tỉnh Trung Bộ, Bắc Bộ</p> <p>4.2. Đánh giá các sản phẩm học tập Thực tế chuyên môn II</p> <p>4.2.1. Đánh giá sổ tay ghi chép, tư liệu, bản đồ, lược đồ hành trình, hình ảnh, đĩa CD</p> <p>4.2.2. Đánh giá bài Thuyết trình</p> <p>4.2.3. Đánh giá bài Thu hoạch Thực tế chuyên môn 3</p>	<b>15</b>	
---	-----------	--

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- ⊕ Bùi Hải Yên (2006), *Tuyến điểm du lịch Việt Nam*, NXB Giáo dục, H.
- ⊕ Bửu Ngôn (1999), *Du lịch ba miền – Đất phương Nam*, NXB Trẻ.
- ⊕ Tổng cục Du lịch Việt Nam (2012), *Non nước Việt Nam*, NXB Văn hóa Thông tin, H.

### 6.2. Tài liệu khác

- ⊕ Chu Quang Trứ (1996), *Di sản văn hóa dân tộc trong tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam*, NXB Thuận Hóa, Huế.
- ⊕ Trần Ngọc Thêm. *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, tái bản lần thứ 3. NXB Giáo dục 2002
- ⊕ Trần Ngọc Thêm. *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam: cái nhìn hệ thống – loại hình*, tái bản lần thứ 3. NXB TP Hồ Chí Minh, 2001
- ⊕ Website: [www.vanhoahoc.edu.vn](http://www.vanhoahoc.edu.vn).; <http://www.vnn.vn/vanhoahoc/>

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 0
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thuyết trình: hệ số 0,4;
  - Điểm bài báo cáo: hệ số 0.5.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*TP. HCM, ngày 21 tháng 9 năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang**

**TS. Nguyễn Đăng Khánh**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

**HỌC PHẦN  
THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: **THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**
- Mã học phần: 835198
- Số tín chỉ: 8
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa):120  
(15/105)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

**2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ**

**3. Mục tiêu cụ thể của HP**

- Kiến thức: Sau chuyến thực tập sinh viên phải nắm được những kiến thức thực tế về môi trường làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp.
- Kỹ năng: Sinh viên phải hiểu, phân tích, đánh giá mô hình tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, vận dụng được phương thức quản lí điều hành và ra quyết định của các cấp quản lí vào trong hoạt động thực tiễn sau khi ra trường. Nắm rõ vai trò, nhiệm vụ, chức năng của các vị trí trong cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp nơi sinh viên thực tập.
- Thái độ: nhận thức đúng về bản chất và giá trị của môn học, có thái độ nghiêm túc trong học tập và làm việc nhóm.

3.1. Về kiến thức: sinh viên có thể chọn để hoàn thiện các khối kiến thức chuyên môn trong đợt thực tập gồm:

- Nghiệp vụ hướng dẫn viên,
- Nghiệp vụ điều hành tour du lịch,
- Nghiệp vụ kinh doanh và tiếp thị du lịch,
- Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn,
- Nghiệp vụ tổ chức, quản lí khu du lịch, điểm du lịch,
- Nghiệp vụ quản lý văn hóa tại Trung tâm văn hóa quận, huyện.

3.2. Về kỹ năng: sau chuyến thực tập sinh viên phải xây dựng được các kỹ năng thông qua thời gian thực hành tại doanh nghiệp gồm:

- Thực hành kỹ năng hướng dẫn viên,

- Thực hành kỹ năng điều hành tua du lịch,
- Thực hành kỹ năng kinh doanh và tiếp thị du lịch,
- Thực hành kỹ năng phục vụ, tổ chức, quản lý nhà hàng, khách sạn,
- Thực hành kỹ năng tổ chức, quản lý khu du lịch, điểm du lịch,
- Thực hành kỹ năng quản lý hoạt động văn hóa tại quận, huyện.

### 3.3. Về thái độ

- Nhận thức đúng về bản chất và giá trị của HP, có hành vi đúng đắn trong khi thực tập.
- Có thái độ nghiêm túc, tinh thần trách nhiệm trong công việc được phân công, có hành vi trân trọng thời gian hướng dẫn của của cán bộ tại đơn vị thực tập và giảng viên hướng dẫn trong suốt kì thực tập.
- Thực hiện nghiêm túc kế hoạch thực tập do Khoa đề ra.

## 4. Tóm tắt nội dung HP

Học phần Thực tập tốt nghiệp cung cấp một khung kiến thức nghiệp vụ trong lĩnh vực văn hóa và du lịch. HP tạo điều kiện cho sinh viên quan sát, học hỏi, tiếp xúc với những công việc thực tế trong chuyên ngành đã học. HP tạo điều kiện cho sinh viên trang bị những kiến thức, kinh nghiệm và xây dựng những kỹ năng cần thiết để có thể làm việc tốt, đáp ứng được yêu cầu của xã hội sau khi ra trường.

## 5. Kế hoạch học tập của HP

Nội dung chi tiết HP	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Phần I.</b>		
<b>Chương 1. Vị trí, vai trò của thực tập tốt nghiệp tại các đơn vị cơ sở</b>	20	
<b>1.1. Vị trí, vai trò nhiệm vụ thực tập tốt nghiệp</b>		
1.1.1. Vị trí		
1.1.2. Vai trò		
1.1.3. Nhiệm vụ		
<b>1.2. Nội quy thực tập</b>		
1.2.1. Quy trình thủ tục thực tập		
1.2.2. Quy định tại nơi thực tập		
1.2.3. Kế hoạch thực tập		
<b>1.3. Hướng dẫn chọn đơn vị thực tập</b>		
1.3.1. Điều kiện chung		
1.3.2. Nơi thực tập ưu tiên		

1.3.3. Nơi thực tập có phỏng vấn, xét tuyển		
<b>Chương 2. Tìm hiểu chung về đơn vị thực tập</b>		
2.1. Tìm hiểu về lịch sử hình thành	10	Học lí thuyết tại nơi thực tập: 10 tiết Sinh viên tự học: 20 tiết
2.2. Cơ cấu tổ chức		
2.3. Lĩnh vực kinh doanh		
<b>Chương 3. Nội dung thực tập</b>	90	<b>chọn 1 trong 3 mảng</b>
<b>3.1. Tại công ty lữ hành:</b>		
3.1.1. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch		
3.1.2. Nghiệp vụ quản lí, điều hành HDV		
3.1.3. Nghiệp vụ điều hành tua nội địa		
3.1.4. Nghiệp vụ điều hành tua quốc tế Inbound		
3.1.5. Nghiệp vụ điều hành tua quốc tế outbound		
3.1.6. Nghiệp vụ thiết kế, tính giá tua		
<b>3.2. Tại khách sạn, nhà hàng, resort</b>		
3.2.1. Nghiệp vụ tiền sảnh (FO)		
3.2.2. Nghiệp vụ phục vụ phòng (HK)		
3.2.3. Nghiệp vụ ẩm thực (F&B)		
<b>3.3. Tại cơ quan quản lí văn hóa</b>		
3.3.1. Nghiệp vụ tổ chức sự kiện văn hóa		
3.3.2. Nghiệp vụ quản lí văn hóa quần chúng		
3.3.3. Nghiệp vụ quản lí văn hóa nghệ thuật		
3.3.4. Nghiệp vụ quản lí di tích, di sản văn hóa		
3.3.5. Nghiệp vụ quản lí bảo tàng		
3.3.6. Nghiệp vụ thuyết minh viên		
<b>4.2. Quy trình phối hợp</b>		
4.2.1. Xác định đối tượng phối hợp		
4.2.2. Phân vai, phân quyền		
4.2.3. Phương thức phối hợp		
<b>4.3. Quy trình kiểm tra</b>		
4.3.1. Danh mục kiểm tra		
4.3.2. Tần suất kiểm tra		
4.3.3. Qui mô Ban kiểm tra		
<b>4.4. Quy trình ứng phó với tình huống khẩn cấp</b>		
4.4.1. Xây dựng kịch bản tình huống khẩn cấp		
4.4.2. Xây dựng phương án ứng phó		

<b>Chương 4. Báo cáo</b>	30	SV viết báo cáo theo hướng dẫn của GVHD được Khoa phân công
5.1. Tổng hợp 5.1.1. Xác định các mục tiêu, nhiệm vụ đã thực hiện được 5.1.2. Xác định những mục tiêu chưa hoàn thành 5.1.3. Phân tích nguyên nhân		
5.2. Đánh giá chung		
5.3. Kinh nghiệm		

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

- Khoa Văn hóa – Du lịch (2011), *Tài liệu hướng dẫn thực tập tốt nghiệp*, Đại học Sài Gòn.

### 6.2. Tài liệu khác tại đơn vị thực tập

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 0.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: không tổ chức thi.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm thực tập tại doanh nghiệp: 0,5;

- Điểm bài Báo cáo thực tập: 0,5.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*TP. HCM, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**                      **TRƯỞNG KHOA**                      **TRƯỞNG BỘ MÔN**                      **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà      TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang      TS. Nguyễn Đăng Khánh**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

## HỌC PHẦN NGOẠI GIAO VIỆT NAM

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **NGOẠI GIAO VIỆT NAM**
- Mã học phần: 835319
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (30/15)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: KHOA HỌC CƠ BẢN

### 3. Mô tả học phần

Môn học cung cấp những hiểu biết toàn diện và cơ bản về ngoại giao Việt Nam bao gồm khái niệm, sự phân loại ngoại giao, công tác ngoại giao, hình thức, lĩnh vực hoạt động ngoại giao, lược sử phát triển của ngoại giao, thành tựu và bài học kinh nghiệm của ngoại giao Việt Nam qua các thời kì.

### 4. Mục tiêu học phần

#### 4.1. Về kiến thức

- Nắm vững những kiến thức cơ bản và mang tính hệ thống, toàn diện về ngoại giao Việt Nam bao gồm khái niệm, sự phân loại ngoại giao, công tác ngoại giao, hình thức, lĩnh vực ngoại giao, lược sử phát triển của ngoại giao, thành tựu và bài học kinh nghiệm của ngoại giao Việt Nam qua các thời kì

#### 4.2. Về kỹ năng

- Rèn luyện và phát triển kỹ năng, năng lực trải nghiệm, giao tiếp và đánh giá, năng lực diễn đạt, phân tích và diễn giải, năng lực kỹ thuật để xử lí và giải quyết các vấn đề của ngoại giao Việt Nam để có thể vận dụng ở đầu ra của ngành học.

#### 4.3. Về thái độ

- SV biết yêu quý, trân trọng và đánh giá đúng những giá trị của ngoại giao Việt Nam để nâng cao lòng tự hào về sự nghiệp dựng nước, giữ nước đất nước của con người Việt Nam.

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1. Khái quát về ngoại giao</b>	<b>8</b>	
<p>1.1. <i>Khái niệm ngoại giao</i></p> <p>1.2. <i>Phân loại ngoại giao</i></p> <p>1.2.1. Ngoại giao theo chế độ xã hội</p> <p>1.2.2. Ngoại giao theo chủ thể</p> <p>1.2.3. Ngoại giao theo nội dung hoạt động</p> <p>1.2.4. Ngoại giao theo hình thức</p> <p>1.3. <i>Hoạt động ngoại giao</i></p> <p>1.3.1. Hoạt động tiếp xúc và đàm phán ngoại giao</p> <p>1.3.1.1. Đối tượng ngoại giao</p> <p>1.3.1.2. Các loại tiếp xúc và đàm phán</p> <p>1.3.1.3. Nghệ thuật và phong cách tiếp xúc, đàm phán</p> <p>1.3.2. Hoạt động lễ tân ngoại giao</p> <p>1.3.2.1. Vị trí lễ tân ngoại giao</p> <p>1.3.2.2. Nghi thức lễ tân ngoại giao</p> <p>1.3.3. Hoạt động thông tin ngoại giao</p> <p>1.3.3.1. Văn kiện ngoại giao</p> <p>1.3.3.2. Thư tín ngoại giao</p> <p>1.4. <i>Lược sử phát triển của ngoại giao</i></p> <p>1.4.1. Ngoại giao cổ đại</p> <p>1.4.2. Ngoại giao phong kiến</p> <p>1.4.3. Ngoại giao cận đại</p> <p>1.4.4. Ngoại giao hiện đại</p> <p>1.5. <i>Thực hành minh giải và tạo lập một số văn kiện và thư tín ngoại giao</i></p>		<p>- SV chuẩn bị: đọc kỹ tài liệu chính: (1), (2), (3) và tài liệu khác: (5); tổ chức nội dung thuyết trình theo gợi ý đề tài của GV; Trên lớp: SV tích cực tham gia xây dựng bài.</p> <p>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng =&gt; tổ chức điều khiển nhóm thuyết trình để SV tìm hiểu, nhận thức các kiến thức cơ bản về khái niệm, sự phân loại ngoại giao, hoạt động ngoại giao, lược sử phát triển của ngoại giao</p> <p>- GV cho SV thực hành minh giải và tạo lập một số văn kiện và thư tín ngoại giao nhằm rèn luyện các kỹ năng.</p>
<b>Chương 2. Hình thức và lĩnh vực hoạt động của ngoại giao Việt Nam</b>	<b>10</b>	
<p>2.1. <i>Nhận thức về yếu tố địa-chính trị của Việt Nam</i></p> <p>2.1.1. Vị trí địa lí</p> <p>2.1.2. Diện tích đất đai</p> <p>2.1.3. Địa hình, địa mạo</p> <p>2.2. <i>Hình thức ngoại giao Việt Nam</i></p>		<p>SV đọc kỹ tài liệu chính: (1), (2), (3) và tài liệu khác: (6), (7); tổ chức nội dung thuyết trình theo gợi ý đề tài của GV;</p>



<p>2.2.1. Ngoại giao nhà nước  2.2.2. Ngoại giao nhân dân  2.2.3. Ngoại giao song phương, đa phương  2.3. <i>Lĩnh vực hoạt động của ngoại giao Việt Nam</i>  2.3.1. Ngoại giao chính trị  2.3.2. Ngoại giao kinh tế  2.3.3. Ngoại giao văn hóa  2.4. <i>Thực hành</i>  - Phân tích yếu tố địa-chính trị của Việt Nam;  - Nhận diện các yếu tố biểu hiện của ngoại giao nhân dân và ngoại giao song phương, đa phương;  - Phân tích mối quan hệ giữa ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa</p>		<p>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng =&gt; tổ chức điều khiển nhóm thuyết trình và thực hành rèn luyện các kỹ năng (trưng tự Ch.1)  -Đánh giá SV thực hành hoặc báo cáo thuyết trình/ tiểu luận theo 3 tiêu chí:  1. Chuẩn bị: đầy đủ, chính xác, đúng trọng tâm.  2. Trình bày: lưu loát, rõ ràng, đúng thời gian.  3. Tương tác: Khả năng giải quyết các vấn đề và với các thành viên khác và với GV.</p>
<p><b>Chương 3. Thành tựu và bài học kinh nghiệm ngoại giao song phương, đa phương của Việt Nam qua các thời kì</b></p>	10	
<p>3.1. <i>Ngoại giao song phương Việt Nam thời dựng nước</i>  3.1.1. Bối cảnh xã hội-lịch sử  3.1.2. Hình thức và thành tựu ngoại giao  3.1.3. Bài học kinh nghiệm  3.2. <i>Ngoại giao song phương Việt Nam thời Bắc thuộc</i>  3.2.1. Bối cảnh xã hội-lịch sử  3.2.2. Hình thức và thành tựu ngoại giao  3.2.3. Bài học kinh nghiệm  3.3. <i>Ngoại giao đa phương Việt Nam thời kì độc lập tự chủ</i>  3.3.1. Bối cảnh xã hội-lịch sử  3.3.2. Hình thức và thành tựu ngoại giao  3.3.3. Bài học kinh nghiệm  3.4. <i>Ngoại giao đa phương Việt Nam thời kì cận đại</i>  3.4.1. Bối cảnh xã hội-lịch sử  3.4.2. Hình thức và thành tựu ngoại giao  3.4.3. Bài học kinh nghiệm  3.5. <i>Ngoại giao đa phương thời kì hiện đại</i></p>		<p>- SV đọc kỹ tài liệu chính: (1), (2), (3) và tài liệu khác: (6), (7) (8); tổ chức nội dung thuyết trình theo gợi ý đề tài của GV;  - GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng =&gt; tổ chức điều khiển nhóm thuyết trình để SV nắm các kiến thức cơ bản về thành tựu và bài học kinh nghiệm của ngoại giao Việt Nam qua các thời kì và thực hành rèn luyện các kỹ năng (trưng tự Ch.2)  -Đánh giá thực hành hoặc báo cáo thuyết trình/ Tiểu luận của SV ngoài 3 tiêu chí (như Ch.2) còn thêm tiêu chí thứ tư: <i>Hoàn thiện sản</i></p>

<p>3.5.1. Ngoại giao thời kháng chiến chống Pháp, Mỹ</p> <p>3.5.2. Ngoại giao với các nước trong khu vực và trên thế giới thời kì hòa bình xây dựng đất nước và đổi mới</p> <p>3.5.2.1. Ngoại giao với các nước khối ASEAN, khối Đông Á và các khu vực khác</p> <p>3.5.2.2. Ngoại giao với các đối tác toàn diện</p> <p>3.5.2.3. Ngoại giao với các đối tác chiến lược toàn diện</p> <p>3.5.3. Bài học kinh nghiệm</p> <p>3.6. <i>Thực hành phân tích bài học kinh nghiệm từ các hình thức và thành tựu ngoại giao Việt Nam qua các thời kì</i></p>		<p><i>phẩm (báo cáo thuyết trình/ tiểu luận..) và nộp đúng thời hạn</i></p>
<p><b>Ôn tập học phần</b></p>	<p><b>2</b></p>	

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. Vũ Dương Huân (2015), *Ngoại giao và công tác ngoại giao*, NXB Chính trị Quốc gia.
2. Vũ Dương Ninh (2015), *Lịch sử quan hệ đối ngoại Việt Nam 1940-2010*, (tái bản) NXB Chính trị Quốc gia
3. Nguyễn Lương Bích (2000), *Lược sử ngoại giao Việt Nam các thời trước*, NXB Quân đội, H.
4. Lưu Thúy Hồng (2015), *Ngoại giao đa phương trong hệ thống quan hệ quốc tế đương đại*, NXB Chính trị Quốc gia.

### 6.2. Tài liệu khác

5. Phạm Gia Khiêm (2015), *Nền ngoại giao toàn diện Việt Nam trong thời hội nhập*, NXB Chính trị Quốc gia.
6. Phạm Bình Minh (2014), *Đối ngoại Việt Nam thời kì đổi mới: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia.
7. Bộ Ngoại giao (2015, tái bản), *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000*, NXB Chính trị Quốc gia – Sự Thật.
8. Học viện Quan hệ quốc tế (2010, tb), *Giáo trình Một số vấn đề về nghiệp vụ ngoại giao*, NXB Chính trị Quốc gia.

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01



UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

## HỌC PHẦN TOÀN CẦU HÓA

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **TOÀN CẦU HÓA**
- Mã học phần: 835084
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30/0)
- Trình độ đào tạo: Đại học/Cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: KHOA HỌC CƠ BẢN

### 3. Mô tả học phần

- Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và bản chất của toàn cầu hóa. Sự tác động của nó đến tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa của các quốc gia và thế giới.
- Sinh viên nắm bắt bối cảnh lịch sử và quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam.
- Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích sự tác động của toàn cầu hóa, vai trò của các quốc gia và tiến trình toàn cầu hóa ở Việt Nam.

### 4. Mục tiêu học phần:

4.1. *Về kiến thức:* Sinh viên có cái nhìn toàn diện về toàn cầu hoá: Bản chất, ý nghĩa, nguồn gốc và sự tác động đến đói nghèo, vấn đề di dân, mối quan hệ giữa các quốc gia.

4.2. *Về kỹ năng:* Sinh viên rèn luyện kỹ năng phân tích tiến trình toàn cầu hóa và tác động của nó đối với công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam.

4.3. *Về thái độ:* Sinh viên có thái độ đúng đắn, bảo tồn và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong việc hội nhập quốc tế của Việt Nam.

### 5. Kế hoạch dạy học HP/MH

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra,
-------------------------	---------	--

<p><b>Chương 1 Tổng quan về toàn cầu hóa</b></p> <p>1.1. Khái niệm Toàn cầu hóa</p> <p>1.2. Khung hội nhập toàn cầu / thích ứng địa phương</p> <p>1.2.1. Mô hình khung hội nhập toàn cầu / thích ứng địa phương</p> <p>1.2.2. Phân tích khung hội nhập toàn cầu / thích ứng địa phương</p> <p>1.3. Chiến lược toàn cầu</p> <p>1.3.1. Khái niệm và bản chất chiến lược toàn cầu</p> <p>1.3.2. Nội dung chiến lược toàn cầu</p> <p>1.4. Mô hình và các giai đoạn toàn cầu hóa</p>	7	<p style="text-align: center;"><b>đánh giá</b></p> <p><b><u>Bước 1.</u> Giáo viên hướng dẫn sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân nhóm</li> <li>- Phương pháp tiếp cận kiến thức</li> <li>- Phương pháp tự nghiên cứu.</li> <li>- Phương pháp làm việc nhóm.</li> </ul> <p><b><u>Bước 2.</u> Sinh viên:</b> Phân các cá nhân chuẩn bị nội dung ở nhà cả về lí thuyết và các tình huống ứng xử</p> <p><b><u>Bước 3.</u> Các buổi học trên lớp, sinh viên tiến hành trao đổi thảo luận từng vấn đề, từng tình huống ứng xử theo sự giám sát và hướng dẫn của giảng viên (Vận dụng sáng tạo các hình thức thảo luận nhóm, các phương tiện trực quan sinh động để buổi thảo luận hứng thú, sinh động, dễ hiểu)</b></p> <p><b><u>Bước 4.</u> Sau khi trao đổi, thảo luận, GV sẽ giải đáp và làm rõ những vấn đề mà SV băn khoăn thắc mắc.</b></p> <p><b><u>Bước 5.</u> GV nêu câu hỏi đưa ra các bài tập tình huống để kiểm tra đánh giá và nâng</b></p>
---	---	--

<p><b>Chương 2. Nguồn gốc, quy mô, cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa</b></p> <p>2.1. Bối cảnh chung về toàn cầu hóa</p> <p>2.2. Một số xu thế mới</p> <p>2.3. Các nhân tố thúc đẩy toàn cầu hóa</p> <p>2.2.1. Các nhân tố chính trị</p> <p>2.2.2. Các nhân tố công nghệ</p> <p>2.2.3. Các nhân tố văn hóa - xã hội</p> <p>2.2.4. Các nhân tố cạnh tranh</p> <p>2.3. Các nhân tố cản trở toàn cầu hóa</p> <p>2.3.1. Các nhân tố văn hóa - xã hội</p> <p>2.3.2. Các nhân tố kinh tế - thương mại</p> <p>2.3.3. Các nhân tố công nghệ</p> <p>2.3.4. Các nhân tố luật pháp - chính trị</p> <p>2.4. Đánh giá tính hấp dẫn của một thị trường quốc gia</p> <p>3.4.1. Đánh giá các cơ hội thị trường</p> <p>3.4.2. Đánh giá các cơ hội ngành kinh doanh</p> <p>3.4.3. Đánh giá rủi ro quốc gia</p>	7	<p>cao nhận thức của sinh viên</p> <p><b>Bước 1. Giáo viên hướng dẫn sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân nhóm</li> <li>- Phương pháp tiếp cận kiến thức</li> <li>- Phương pháp tự nghiên cứu.</li> <li>- Phương pháp làm việc nhóm.</li> </ul> <p><b>Bước 2.</b> Sinh viên: Phân các cá nhân chuẩn bị nội dung ở nhà cả về lí thuyết và các tình huống ứng xử</p> <p><b>Bước 3.</b> Các buổi học trên lớp, sinh viên tiến hành trao đổi thảo luận từng vấn đề, từng tình huống ứng xử theo sự giám sát và hướng dẫn của giảng viên (Vận dụng sáng tạo các hình thức thảo luận nhóm, các phương tiện trực quan sinh động để buổi thảo luận hứng thú, sinh động, dễ hiểu)</p> <p><b>Bước 4.</b> Sau khi trao đổi, thảo luận, GV sẽ giải đáp và làm rõ những vấn đề mà SV băn khoăn thắc mắc.</p> <p><b>Bước 5.</b> GV nêu câu hỏi đưa ra các bài tập tình huống để kiểm</p>
---	---	--

		tra đánh giá và nâng cao nhận thức của sinh viên
<p><b>Chương 3: Đánh giá mức độ sẵn sàng toàn cầu hóa tại Việt Nam</b></p> <p>3.1. Phân tích chuỗi giá trị toàn cầu</p> <p>3.1.1. Mô hình chuỗi giá trị toàn cầu</p> <p>3.1.2. Thuê ngoài (Outsourcing) và xu hướng dịch chuyển nguồn lực toàn cầu</p> <p>3.2. Đánh giá mức độ sẵn sàng toàn cầu hóa của DN</p> <p>3.2.1. Đánh giá khả năng thích nghi của sản phẩm/dịch vụ</p> <p>3.2.2. Đánh giá thị trường mục tiêu</p> <p>3.2.3. Đánh giá tiềm năng ngành kinh doanh</p> <p>3.2.4. Đánh giá các đối tác kinh doanh nước ngoài</p>	7	
<p><b>Chương 4: Tổ chức thực thi và đánh giá chiến lược toàn cầu</b></p> <p>5.1. Khái niệm và nội dung thực thi chiến lược toàn cầu</p> <p>5.1.1. Khái niệm</p> <p>5.1.2. Các hoạt động quản trị thực thi chiến lược toàn cầu</p> <p>5.2. Cấu trúc tổ chức thực thi chiến lược toàn cầu</p> <p>5.2.1. Khái niệm và yêu cầu đối với cấu trúc tổ chức toàn cầu</p> <p>5.2.2. Các loại hình cấu trúc tổ chức thực thi chiến lược toàn cầu</p> <p>5.3. Quản trị marketing toàn cầu</p> <p>5.3.1. Sự đồng nhất về nhu cầu của khách hàng toàn cầu</p> <p>5.3.2. Định vị marketing toàn cầu</p> <p>5.3.3. Thương hiệu toàn cầu</p> <p>5.3.4. Quảng cáo toàn cầu</p> <p>5.3.5. Định giá toàn cầu</p> <p>5.3.6. Bán hàng toàn cầu</p> <p>5.3.7. Phân phối toàn cầu</p> <p>5.4. Quản trị nguồn nhân lực toàn cầu</p> <p>5.4.1. Đặc điểm nguồn nhân lực toàn cầu</p>	9	<p><b>Bước 1. Giáo viên hướng dẫn sinh viên:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân nhóm</li> <li>- Phương pháp tiếp cận kiến thức</li> <li>- Phương pháp tự nghiên cứu.</li> <li>- Phương pháp làm việc nhóm.</li> </ul> <p><b>Bước 2.</b> Sinh viên: Phân các cá nhân chuẩn bị nội dung ở nhà cả về lí thuyết và các tình huống ứng xử</p> <p><b>Bước 3.</b> Các buổi học trên lớp, sinh viên tiến hành trao đổi thảo luận từng vấn đề, từng tình huống ứng xử theo sự giám sát và hướng dẫn của giảng viên (Vận dụng</p>

<p>5.4.2. Quản trị lao động biệt phái</p> <p>5.4.3. Địa phương hóa nguồn nhân lực</p> <p>5.4.4. Phát triển các kỹ năng làm việc toàn cầu</p> <p>5.5. Quản trị văn hóa xuyên quốc gia</p> <p>5.5.1. Văn hóa quốc gia</p> <p>5.5.2. Các vấn đề trong quản trị văn hóa xuyên quốc gia</p> <p>5.6. Khái niệm, quy trình đánh giá chiến lược toàn cầu</p> <p>5.6.1. Khái niệm, bản chất của đánh giá chiến lược</p> <p>5.6.2. Quy trình đánh giá chiến lược toàn cầu</p> <p>5.6.3. Các tiêu chí đánh giá chiến lược toàn cầu</p>	<p>sáng tạo các hình thức thảo luận nhóm, các phương tiện trực quan sinh động để buổi thảo luận hứng thú, sinh động, dễ hiểu)</p> <p><b>Bước 4.</b> Sau khi trao đổi, thảo luận, GV sẽ giải đáp và làm rõ những vấn đề mà SV băn khoăn thắc mắc.</p> <p><b>Bước 5.</b> GV nêu câu hỏi đưa ra các bài tập tình huống để kiểm tra đánh giá và nâng cao nhận thức của sinh viên</p>
---	--

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính

1. T. L. Friedman (2005), *Thế giới phẳng: Tóm lược lịch sử thế giới thế kỷ 21*, NXB Trẻ, VN
2. Philippe Lasserre (2008), *Global Strategic Management*, PALGRAVE MAC MILLAN Publisher, USA.
3. Cavusgil, Knight và Riesenberger (2008), *International Business: Strategy, Management, and the New Realities*, Pearson International Edition, USA.
4. Pankaj Ghemawat (2009), *Tái hoạch định chiến lược toàn cầu*, NXB Trẻ, HN.

### 6.2. Tài liệu khác

[5]. [K. Mellahi](#), [J. G. Frynas](#) và P. Finlay (2005), *Global Strategic Management*, OXFORD University Press, USA.

[6]. T. L. Friedman (2005), *Chiếc Lexus và cây ôliu: Toàn cầu hóa là gì?*, NXB Khoa học xã hội, VN.

[7]. Websites:

<http://strategicmanagement.net/>

[www.internationalbusinessstrategies.com](http://www.internationalbusinessstrategies.com)

[www.saigontimes.com.vn/tbktsg](http://www.saigontimes.com.vn/tbktsg)

## 7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở, thời gian làm bài: 90 phút



7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Đăng Khánh**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

## HỌC PHẦN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KINH DOANH

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KINH DOANH**
- Mã học phần: 835320
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành): 45(15/15/15)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: NGHIỆP VỤ - NGOẠI NGỮ

### 3. Mô tả học phần:

Môn học Kế hoạch kinh doanh được thiết kế trong Chương trình Đào tạo Cử nhân nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng về quản trị chiến lược, lập kế hoạch hàng năm cho các bộ phận trong công ty và lập dự án khởi nghiệp.

Trong môn học này, sinh viên được khuyến khích đọc tài liệu học tập bằng tiếng Anh, được trao đổi kiến thức, kinh nghiệm về chiến lược, kế hoạch... với các chuyên gia trong thực tiễn.

### 4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Sau khi học xong môn học, sinh viên phải có khả năng:

- Giải thích được, phân tích được mô hình quản trị chiến lược tổng quát
- Phân tích và đánh giá được các chiến lược, phối hợp với các bộ phận khác nhau trong công ty để lập được chiến lược, và kế hoạch hàng năm của công ty.
- Vận dụng được các kỹ thuật của quản trị chiến lược trong lập, triển khai, và đánh giá KHKD
- Lập được dự án khởi nghiệp.

4.2. Về kỹ năng: Phát triển tư duy chiến lược, kỹ năng lãnh đạo, ra quyết định; kỹ năng đàm phán; kỹ năng quản trị sự thay đổi; kỹ năng làm việc nhóm

4.3. Về thái độ: Biết quan sát, phân tích và tiếp thu tích cực các loại hình KD. Phát triển tinh thần khởi nghiệp của sinh viên.

### 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p><b>Chương 1: Tổng quan về kinh doanh</b></p> <p><i>1.1. Các thành phần của kinh doanh</i></p> <p>1.1.1. Chủ thể kinh doanh</p> <p>1.1.2. Về sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu, các giá trị...</p> <p><i>1.2. Hoạt động kinh doanh</i></p> <p>1.2.1. Kinh doanh có tổ chức</p> <p>1.2.2. Kinh doanh phi tổ chức</p> <p><i>1.3. Cơ sở kinh doanh</i></p> <p>1.3.1. Cơ sở kinh doanh có quy mô lớn</p> <p>1.3.2. Cơ sở kinh doanh có quy mô nhỏ, lẻ</p> <p><i>1.4. Văn hóa kinh doanh</i></p> <p>1.4.1. Đạo đức kinh doanh</p> <p>1.4.2. Triết lí kinh doanh</p> <p><i>1.5. Môi trường kinh doanh</i></p> <p>1.5.1. Môi trường kinh doanh có tính cạnh tranh cao</p> <p>1.5.2. Môi trường kinh doanh có tính cạnh tranh thấp</p>	10	Thuyết giảng
<p><b>Chương 2: Chiến lược kinh doanh</b></p> <p><i>2.1. Các chiến lược trong thực tiễn</i></p> <p>2.1.1. Về quy mô kinh doanh</p> <p>2.1.2. Về sản phẩm kinh doanh</p> <p>2.1.3. Về đối tác kinh doanh</p> <p>2.1.4. Về đối thủ cạnh tranh</p> <p><i>2.2. Phân tích chiến lược và lựa chọn</i></p> <p><i>2.3. Thực hiện và đánh giá chiến lược</i></p>	12	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên đọc trước một luận văn thạc sĩ về lập chiến lược mà giảng viên yêu cầu. Thảo luận tại lớp.</li> <li>- Phân tích tình huống của 1 công ty du lịch.</li> <li>- Nhóm sinh viên nộp bản thảo &amp; báo cáo.</li> </ul>
<p><b>Chương 3: Xây dựng kế hoạch kinh doanh</b></p> <p>3.1. Vai trò, ý nghĩa và mục tiêu của việc lập kế hoạch kinh doanh</p> <p>3.2. Thực trạng việc lập kế hoạch kinh doanh trong các doanh nghiệp Việt Nam</p> <p>3.3. Các bước thực hiện kế hoạch kinh doanh</p>	23	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhóm sinh viên tự chọn, đọc và thuyết trình một nghiên cứu trong kinh doanh được giảng viên giới thiệu.</li> </ul>

<p>3.4. Quy trình thực hiện một đề án kinh doanh</p> <p>3.5. Xây dựng kế hoạch kinh doanh</p> <p>3.6. Thực hành</p> <p>3.7 Báo cáo chuyên đề của các chuyên gia thực tiễn về lập và triển khai kế hoạch kinh doanh; giải đáp thắc mắc của SV</p>	<p>-Thuyết giảng &amp; thảo luận  <a href="https://sites.google.com/site/tiengiangcooop/dhe-cuong-lap-ke-hoach-kinh-doanh">https://sites.google.com/site/tiengiangcooop/dhe-cuong-lap-ke-hoach-kinh-doanh</a></p> <p>Đề án lập kế hoạch kinh doanh là một đề án tổng hợp. Đề án này có tính chất như một kế hoạch khởi nghiệp kinh doanh. Sinh viên sẽ được chia thành các nhóm. Mỗi nhóm 3- 4 Sinh viên. Các nhóm lựa chọn cho mình một ý tưởng kinh doanh, sau đó sử dụng các kiến thức đã học để tiến hành lập kế hoạch kinh doanh theo mẫu.  SV chuẩn bị sẵn các câu hỏi, thảo luận với doanh nghiệp</p>
--	--

## 6. Tài liệu học tập

**6.1. Tài liệu chính (Tài liệu đọc bắt buộc)** Các tài liệu đọc bắt buộc đều sẵn có tại thư viện Khoa Kinh tế phát triển – Trường ĐH Kinh tế TP HCM

- Raymond Alain-Thiétart (1999), Chiến lược doanh nghiệp, NXB Thanh Niên
- Edward Blackwell (2009), Lập Kế hoạch Kinh doanh, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân
- Fred R. David (2007), Strategic Management, Concepts & Cases, Pearson Prentice Hall
- Henry Ford (2006), Cuộc đời và sự nghiệp của tôi, NXB Lao động
- David H.Bangs, JR (2007), Hướng dẫn lập kế hoạch kinh doanh, NXB Thống Kê
- Phạm Ngọc Thúy, Phạm Tuấn Cường, Lê Nguyễn Hậu, Tạ Trí Nhân (2008), Kế hoạch kinh doanh, NXB ĐHQG TP HCM

## 6.2 Tài liệu tham khảo

- Cẩm Nang Kinh Doanh Harvard (2006), Chiến lược kinh doanh hiệu quả, NXB Tổng hợp TP HCM
- Viện nghiên cứu và đào tạo về quản lý (2006), Xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh – con đường đến thành công, NXB LĐ-XH
- David A.AAler (2003), Triển khai chiến lược kinh doanh, NXB Trẻ
- Tim Berry (2004), Hurdle: The book on Business Planning, Palo Alto Software, Inc

- Đỗ Minh Cường, Đỗ Huy Khánh, Vũ Quốc Ngữ (2007), Dự án kế hoạch kinh doanh - từ ý tưởng đến văn bản hoàn chỉnh, NXB Tổng hợp TPHCM
- Dương Hữu Hạnh (2006), Kỹ thuật lập kế hoạch kinh doanh, NXB LĐ-XH
- Bùi Đức Tuân (2005), Kế hoạch kinh doanh, NXB LĐ-XH

**Hướng dẫn lập kế hoạch kinh doanh tại đây:**

- <http://articles.bplans.com/index.php/business-articles/category/writing-abusinessplan/>
- <http://articles.bplans.com/formatting-a-business-plan-best-practices/>
- Mẫu kế hoạch kinh doanh có thể tham khảo tại đây:
- [http://www.bplans.com/Sample\\_Business\\_Plans/index.cfm](http://www.bplans.com/Sample_Business_Plans/index.cfm)

**7. Phương pháp đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01.
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: viết tiểu luận.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0,2;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,2;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0,5): hệ số 0,5
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016*

**DUYỆT**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà**

**TS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang**

**ThS. Nguyễn Hồng Trang**

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
NGÀNH: VIỆT NAM HỌC

## HỌC PHẦN VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **VĂN HOÁ DOANH NGHIỆP**
- Mã học phần: 835104
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (21/9)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
  - + Đòi hỏi học phần học trước: Không
  - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
  - + Sĩ số sinh viên tối đa:

### 2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: KHOA HỌC CƠ BẢN

### 3. Mô tả học phần

Môn học cung cấp những hiểu biết toàn diện và cơ bản về về văn hoá và văn hoá doanh nghiệp bao gồm cơ sở và các yếu tố hình thành văn hoá doanh nghiệp; Các giai đoạn hình thành và cơ cấu thay đổi văn hoá doanh nghiệp; các dạng văn hoá doanh nghiệp và sự cần thiết của việc xây dựng văn hoá doanh nghiệp Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và quá trình hội nhập hiện nay.

### 4. Mục tiêu cụ thể của học phần

Nắm được kiến thức cơ bản về Văn hoá doanh nghiệp, vận dụng vào nhìn nhận thực tiễn xã hội và chuẩn bị cho bản thân những điều kiện và chuẩn mực đạo đức cần thiết để có thể tham gia vào môi trường thực tiễn của doanh nghiệp.

#### 4.1. Về kiến thức:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá doanh nghiệp; hiểu được các yếu tố hình thành, các giai đoạn hình thành và cơ cấu thay đổi văn hoá doanh nghiệp; hiểu được các dạng văn hoá doanh nghiệp và sự cần thiết của việc xây dựng văn hoá doanh nghiệp Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường và quá trình hội nhập hiện nay.

#### 4.2. Về kỹ năng:

Vận dụng được những kiến thức của một số học phần liên quan; liên hệ thực tiễn xã hội để chuẩn bị cho bản thân chuẩn mực đạo đức cần thiết để có thể tham gia vào môi trường thực tiễn của doanh nghiệp.

### 4.3. Về thái độ:

Xác định rõ được vai trò và trách nhiệm của bản thân với tư cách là chủ thể xã hội góp phần vào xây dựng môi trường kinh doanh có văn hoá...

## 5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<b>Chương 1: Những vấn đề chung về doanh nghiệp và văn hoá doanh nghiệp</b>	10	
<p><b>1.1. Doanh nghiệp</b></p> <p>1.1.1. Khái niệm “Doanh nghiệp”</p> <p>1.2. Phân loại doanh nghiệp</p> <p>1.2.1. Theo quy mô hoạt động</p> <p>1.2.1.1. Doanh nghiệp vừa và nhỏ</p> <p>1.2.1.2. Doanh nghiệp lớn</p> <p>1.2.2. Theo cơ cấu nền kinh tế</p> <p>1.2.2.1. Doanh nghiệp nhà nước</p> <p>1.2.2.2. Doanh nghiệp tư nhân</p> <p><b>1.2. Văn hoá doanh nghiệp</b></p> <p>1.2.1. Khái niệm “Văn hoá doanh nghiệp”</p> <p>1.2.2. Các cấp độ văn hoá doanh nghiệp</p> <p>1.2.3. Các tác động của văn hoá doanh nghiệp đối với sự phát triển của doanh nghiệp</p> <p>1.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành văn hoá doanh nghiệp</p> <p><b>1.3. Thực hành</b></p> <p>a). Nhận diện các doanh nghiệp ở Việt Nam;</p> <p>b). Phân tích các cấp độ văn hoá doanh nghiệp của một doanh nghiệp cụ thể.</p>		<p>- SV chuẩn bị: đọc kỹ tài liệu; tổ chức nội dung thuyết trình theo gợi ý đề tài của GV;</p> <p>Trên lớp: SV tích cực tham gia xây dựng bài.</p> <p>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng</p> <p>- GV cho SV thực hành</p>
<b>Chương 2: Dạng thức và mô hình của văn hoá doanh nghiệp</b>	10	
<p><b>2.1. Dạng thức của văn hóa doanh nghiệp</b></p> <p>2.1.1. Dạng theo phân cấp quyền lực</p> <p>2.1.2. Dạng theo định hướng cơ cấu</p> <p>2.1.3. Dạng theo nhân tố con người và thành tích</p> <p>2.1.4. Dạng theo vai trò nhà lãnh đạo</p>		<p>-SV đọc kỹ tài liệu và tổ chức nội dung thuyết trình theo gợi ý đề tài của GV;</p> <p>- GV nêu vấn</p>

<p><b>2.2. Mô hình tổng thể của văn hoá doanh nghiệp</b></p> <p>2.2.1. Yếu tố đạo lý</p> <p>2.2.2. Yếu tố giá trị</p> <p>2.2.3. Yếu tố hệ thống biểu hiện</p> <p>2.2.4. Yếu tố hệ thống công nghệ</p> <p>2.2.5. Yếu tố nhân cách người lãnh đạo và nhân viên</p> <p><b>2.3. Cơ cấu và cách thức thay đổi văn hoá doanh nghiệp</b></p> <p>2.3.1. Cơ cấu thay đổi</p> <p>2.3.2. Cách thức thay đổi</p> <p>2.4. Thực hành: (Lấy trường hợp các doanh nghiệp ở đô thị Tp.HCM hoặc nơi khác) để:</p> <p>a) Nhận diện các dạng của văn hóa doanh nghiệp</p> <p>b). Phân tích theo những yếu tố trong mô hình tổng thể của văn hoá doanh nghiệp</p>		<p>đề+đàm thoại+ thuyết giảng =&gt; tổ chức điều khiển nhóm thuyết trình và thực hành rèn luyện các kỹ năng</p> <p>-Đánh giá SV thực hành hoặc báo cáo thuyết trình/ tiểu luận theo 3 tiêu chí:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chuẩn bị: đầy đủ, chính xác, đúng trọng tâm.</li> <li>2. Trình bày: lưu loát, rõ ràng, đúng thời gian.</li> <li>3. Tương tác: Khả năng giải quyết các vấn đề và với các thành viên khác và với GV.</li> </ol>
<p><b>Chương 3: Xây dựng văn hoá doanh nghiệp ở Việt Nam</b></p>	<p><b>10</b></p>	
<p><b>3.1. Đặc điểm về môi trường hoạt động của các doanh nghiệp ở Việt Nam</b></p> <p>3.1.1. Môi trường xã hội</p> <p>3.1.1. Môi trường kinh doanh</p> <p><b>3.2. Xây dựng văn hoá doanh nghiệp ở Việt Nam</b></p> <p>3.2.1. Hình thành triết lí kinh doanh</p> <p>3.2.1.1. Theo kinh nghiệm kinh doanh của nhà sáng lập doanh nghiệp</p> <p>3.2.1.2. Theo kế hoạch của lãnh đạo doanh nghiệp</p> <p>3.2.1.3. Theo mục tiêu hiệu quả kinh tế hay đảm bảo bền vững xã hội</p> <p>3.2.2. Xây dựng nhân cách người lãnh đạo và thành viên trong doanh nghiệp</p> <p>3.2.2.1. Nhân cách người lãnh đạo</p> <p>3.2.2.2. Nhân cách thành viên</p> <p>3.2.3. Xây dựng các yếu tố văn hóa hình thức của doanh nghiệp</p>		<p>- SV đọc kỹ tài liệu; tổ chức nội dung thuyết trình theo gợi ý đề tài của GV;</p> <p>- GV nêu vấn đề+đàm thoại+ thuyết giảng</p> <p>-Đánh giá thực hành hoặc báo cáo thuyết trình/ Tiểu luận theo các tiêu chí</p>



<p>3.2.3.1. Kiến trúc, bài trí trụ sở</p> <p>3.2.3.2. Bài trí không gian hệ thống phòng làm việc, khu nghỉ ngơi, giải trí, thể thao công cộng</p> <p>3.2.4. Xây dựng hệ thống biểu hiện của doanh nghiệp</p> <p>3.2.4.1. Biểu tượng: Logo, Slogan, huy hiệu</p> <p>3.2.3.2. Trang phục, nghi lễ</p> <p>3.2.5. Xây dựng hệ thống truyền thông trong doanh nghiệp</p> <p>3.2.5.1. Hệ thống truyền thông nội bộ</p> <p>3.2.5.2. Hệ thống truyền thông ngoài doanh nghiệp</p> <p>3.2.6. Xây dựng văn hóa giao tiếp doanh nghiệp</p> <p>3.2.6.1. Các quy định, quy trình, chính sách</p> <p>3.2.6.2. Ứng xử với cấp trên</p> <p>3.2.6.3. Ứng xử với cấp dưới</p> <p>3.2.6.4. Ứng xử với đồng nghiệp</p> <p>3.2.6.4. Ứng xử với bên ngoài doanh nghiệp: Khách hàng, nhà cung cấp, chính quyền, báo chí truyền thông</p> <p><b>3.3. Thực hành:</b> Lấy trường hợp các doanh nghiệp ở các tỉnh, thành cụ thể để phân tích dưới các khía cạnh:</p> <p>a) Triết lí kinh doanh</p> <p>b) Kiến trúc, bài trí trụ sở, không gian hệ thống phòng làm việc, khu nghỉ ngơi, giải trí, thể thao</p> <p>c) Biểu tượng: Logo, Slogan, huy hiệu, Trang phục, nghi lễ</p> <p>d) Hệ thống truyền thông</p> <p>e) Văn hóa giao tiếp doanh nghiệp</p>		
---	--	--

## 6. Tài liệu học tập

### 6.1. Tài liệu chính:

1. Võ Bá Đức (2010), *Cẩm nang văn hóa ứng xử và giao tiếp công sở*, Nxb Văn hóa-Thông tin
2. Dương Thị Liễu chủ biên, 2006, *Giáo trình Văn hoá kinh doanh*, Đại học Kinh tế Quốc dân.
3. Nguyễn Duy Chinh và Phạm Văn Quây, 2009, *Văn hoá doanh nghiệp*, NXB Lao động

**6.2. Tài liệu khác:**

4. Đỗ Minh Cường, 2000, *Văn hoá và triết lý kinh doanh*, NXB Hà Nội.
5. Phạm Quốc Toàn, 2002, *Đạo đức kinh doanh và văn hoá doanh nghiệp*, NXB LĐXH.
6. David H. Maister, 2001, *Bản sắc văn hoá doanh nghiệp*, NXB. Thống kê.

**7. Cách đánh giá học phần**

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề mở, thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
  - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
  - Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.1;
  - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;
  - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.1;
  - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

*TP.HCM, ngày      tháng      năm 2016*

**DUYỆT****TRƯỞNG KHOA****TRƯỞNG BỘ MÔN****NGƯỜI BIÊN SOẠN**

**TS. Hoàng Thúy Hà    TS. Nguyễn Đăng Khánh    ThS. Đỗ Thị Ngọc Uyên**